

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BẮC NINH



BÁO CÁO

CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CÁC SỞ, BAN, NGÀNH,
ĐỊA PHƯƠNG (DDCI)
TỈNH KON TUM

NĂM 2024



LỜI NÓI ĐẦU

Những năm qua, tỉnh Kon Tum luôn quan tâm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI-Provincial Competitiveness Index), các nhóm giải pháp đã được chính quyền tỉnh ban hành, triển khai một cách quyết liệt, đồng bộ và hiệu quả. Kể từ năm đầu tiên (2018) thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương (DDCI) đến nay, môi trường kinh doanh tại Kon Tum vẫn duy trì được nhiều mặt tích cực nhờ vào những nỗ lực cải cách của chính quyền tỉnh nói chung, các sở, ban ngành và chính quyền cấp huyện nói riêng. Đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp qua bộ chỉ số DDCI là thông tin đầu vào quan trọng để chính quyền các cấp của Kon Tum triển khai các chương trình cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh trong những năm tiếp theo; định vị thương hiệu tỉnh Kon Tum trong khu vực Tây Nguyên về cải cách hành chính, môi trường đầu tư kinh doanh an toàn, thân thiện, hấp dẫn, đảm bảo tính minh bạch, bình đẳng, hiệu quả và bền vững.

Kể từ đầu năm 2024 tới nay, Kon Tum thuộc nhóm các tỉnh có mức tăng trưởng dương. Trong 9 tháng năm 2024, các cấp, các ngành đã tập trung triển quyết liệt khai các nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội năm 2024. Qua đó, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục ổn định, phát triển và đạt được nhiều kết quả, nhiều chỉ tiêu quan trọng của tỉnh tăng cao so với cùng kỳ và cơ bản đảm bảo tiến độ như: Tổng vốn đầu tư toàn xã hội, số doanh nghiệp thành lập mới, kim ngạch xuất nhập khẩu, tổng lượng khách du lịch, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ, sản lượng ngành công nghiệp chủ yếu... Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) (theo giá so sánh 2010) quý III/2024 ước tính tăng 7,91% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 9 tháng năm 2024, GRDP ước tính đạt 13.077 tỷ đồng, tăng 7,34% so với cùng kỳ năm trước. Quy mô nền kinh tế tỉnh 9 tháng năm 2024 theo giá hiện hành ước tính đạt 25.548 tỷ đồng; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch theo hướng tích cực.

Với sự ủng hộ và phối hợp tích cực của các cấp, các ngành tỉnh Kon Tum, Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế - xã hội tỉnh Bắc Ninh đã triển khai nghiên cứu, khảo sát và đo lường đánh giá xếp hạng Chỉ số DDCI với trường nhóm nghiên cứu, Tiến sĩ Nguyễn Phương Bắc – Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế Xã hội tỉnh Bắc Ninh. Đến nay, sau thời gian thu thập số liệu, tổng hợp, phân tích, Báo cáo Chỉ số Năng lực cạnh tranh Sở, ngành và Huyện, thành phố tỉnh Kon Tum năm 2024 đã được hoàn thiện. Các kết quả tổng hợp những đánh giá của Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh

doanh đối với các Sở, ngành, Huyện, thành phố đã phần nào phác họa được về môi trường kinh doanh địa phương một cách hoàn toàn độc lập và khách quan.

Khảo sát được tiến hành trên các chỉ số thành phần hoàn thiện hơn, tiếp cận với những thay đổi trong từng câu hỏi của Chỉ số PCI; kết hợp hợp lý giữa khảo sát trực tiếp, gián tiếp qua thư và trực tuyến của Viện Nghiên cứu Phát triển KTXH tỉnh Bắc Ninh phối hợp với các Đơn vị để triển khai. Ngoài đánh giá của doanh nghiệp, hộ kinh doanh qua các chỉ tiêu đo lường, cuộc khảo sát còn ghi nhận các ý kiến phản ánh trực tiếp, tạo sự đồng cảm, thân thiện và hình thành thói quen phản ánh với cơ quan Nhà nước về môi trường kinh doanh, thực thi chính sách của cộng đồng doanh nghiệp.

Việc tiếp tục triển khai đánh giá, khảo sát Chỉ số DDCI tại Kon Tum là một quyết định đột phá trong cải thiện MTKD, thể hiện quyết tâm, tính năng động tiên phong của Lãnh đạo tỉnh, là một tín hiệu đáng mừng trong duy trì và tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh. Công tác đánh giá được triển khai bài bản theo kế hoạch chu đáo được UBND tỉnh ban hành (Kế hoạch số 1711/KH-UBND ngày 17/05/2024 của UBND tỉnh Kon Tum). Việc khảo sát được tiến hành độc lập, khách quan bởi đơn vị tư vấn thực hiện Chỉ số DDCI của tỉnh. Kết quả báo cáo DDCI năm 2024 không chỉ nêu lên thứ hạng mà quan trọng hơn, biểu đạt rõ ngôn ngữ của Chỉ số DDCI thông qua các chỉ số thành phần (CSTP), dưới góc nhìn và đo lường sự cảm nhận của doanh nghiệp.

Sự công khai kết quả đánh giá và nêu cao trách nhiệm người đứng đầu trong cải thiện các chỉ tiêu cụ thể trong từng chỉ số có ý nghĩa kích hoạt các sáng kiến cải cách hành chính và cải thiện môi trường kinh doanh liên tục, hiệu quả và tạo thông điệp mới thân thiện, đảm bảo môi trường kinh doanh an toàn, rủi ro thấp cho cộng đồng doanh nghiệp là động lực trực tiếp cải thiện Chỉ số PCI năm 2024 và những năm tới. Sự quyết tâm chính trị và tính năng động tiên phong của Lãnh đạo tỉnh là tiền đề cho những cải cách hiệu quả, thể hiện chất lượng điều hành trong bối cảnh mới.

Nhóm nghiên cứu, khảo sát xin trân trọng cảm ơn Tỉnh ủy, UBND tỉnh Kon Tum, các bên liên quan đã hợp tác và tạo điều kiện để chúng tôi hoàn thành báo cáo này. Do thời gian thực hiện ngắn nên không tránh khỏi những thiếu sót. Nhóm nghiên cứu mong nhận được ý kiến đóng góp từ các tổ chức và cá nhân./.

MỤC LỤC

PHẦN 1:	2
GIỚI THIỆU CHUNG	2
1.1. MỤC TIÊU, Ý NGHĨA CỦA BỘ CHỈ SỐ DDCI	2
1.2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ DDCI NĂM 2024	4
1.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	7
1.4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN.....	8
1.5. ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT NĂM 2024.....	10
1.6. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT NĂM 2024	14
PHẦN 2:	16
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2024	16
2.1. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN NGÀNH TỈNH KON TUM NĂM 2024.....	16
2.2. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN (DeptCI)	19
PHẦN 3:	42
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ	42
3.1. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ CỦA TỈNH KON TUM NĂM 2024.....	42
3.2. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN (DistCI)	45
PHẦN 4:	63
ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH	63
4.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH.....	63
4.2. MỘT SỐ ĐIỂM THỂ HIỆN CHẤT LƯỢNG ĐIỀU HÀNH.....	65
PHẦN 5:	69
KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	69
5.1. KẾT LUẬN	69
5.2. KHUYẾN NGHỊ	70
PHỤ LỤC 1	75
PHỤ LỤC 2	85

DANH SÁCH BẢNG VÀ HÌNH**DANH SÁCH BẢNG**

Bảng 1: Giải thích các CSTP của Chỉ số DDCI	4
Bảng 2: Trọng số được áp dụng cho các CSTP của DDCI	9
Bảng 3: Tổng hợp lượt đánh giá đối với các đơn vị cấp Sở, ngành.....	10
Bảng 4: Tổng hợp lượt đánh giá đối với các đơn vị cấp Huyện	11
Bảng 5: Điểm số và vị trí sắp xếp theo tổng điểm của các Sở, ban, ngành	16
Bảng 6: Kết quả thống kê các CSTP của DeptCI	18
Bảng 7: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính minh bạch của các Sở, ngành	21
Bảng 8: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính minh bạch của các Sở, ngành	22
Bảng 9: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính năng động của các Sở, ngành	23
Bảng 10: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của các Sở, ngành	26
Bảng 11: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của các Sở, ngành	28
Bảng 12: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của các Sở, ngành	29
Bảng 13: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của các Sở, ngành	31
Bảng 14: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của các Sở, ngành	32
Bảng 15: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của các Sở, ngành	35
Bảng 16: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Hỗ trợ DN của các Sở, ngành	36
Bảng 17: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của các Sở, ngành	38
Bảng 18: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Thiết chế	

pháp lý của các Sở, ngành	39
Bảng 19: Điểm số và vị trí sắp xếp theo tổng điểm của các Huyện, thành phố.....	42
Bảng 20: Kết quả thống kê các CSTP của DistCI	44
Bảng 21: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính minh bạch của các đơn vị cấp Huyện	46
Bảng 22: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính minh bạch của các đơn vị cấp Huyện	46
Bảng 23: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính năng động của các cơ quan chính quyền địa phương	48
Bảng 24: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của các đơn vị cấp huyện	49
Bảng 25: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của các đơn vị cấp huyện.....	51
Bảng 26: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của các đơn vị cấp Huyện	52
Bảng 27: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của các đơn vị cấp Huyện.....	54
Bảng 28: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của các đơn vị cấp huyện	55
Bảng 29: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của các đơn vị cấp Huyện	57
Bảng 30: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của các đơn vị cấp Huyện	58
Bảng 31: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của các đơn vị cấp Huyện	59
Bảng 32: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của các đơn vị cấp Huyện	60
Bảng 33: Những điểm cần chú ý với các sở, ngành.....	64
Bảng 34: Những điểm cần chú ý với các huyện, thành phố.....	65

DANH SÁCH HÌNH

Hình 1: Thời gian hoạt động của các DN tham gia khảo sát	11
Hình 2: Địa bàn hoạt động chính của các DN tham gia khảo sát	12
Hình 3: Lĩnh vực hoạt động của các DN tham gia khảo sát	12
Hình 4: Quy mô lao động của các DN tham gia khảo sát	13
Hình 5: Quy mô vốn đầu tư của các DN tham gia khảo sát	13
Hình 6: Tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của các DN tham gia khảo sát	14
Hình 7: Kế hoạch/dự định kinh doanh trong vòng 2 năm sắp tới của các DN tham gia khảo sát.....	14
Hình 8: Kết quả phân nhóm Chỉ số DeptCI tổng hợp	18
Hình 9: So sánh điểm trung bình và trung vị của các CSTP của DeptCI.....	19
Hình 10: Kết quả phân nhóm CSTP 1: Tính minh bạch.....	20
Hình 11: Kết quả phân nhóm CSTP 2: Tính năng động.....	23
Hình 12: Kết quả phân nhóm CSTP 3: Vai trò của người đứng đầu	25
Hình 13: Kết quả phân nhóm CSTP 4: Chi phí thời gian	27
Hình 14: Kết quả phân nhóm CSTP 5: Chi phí không chính thức	30
Hình 15: Kết quả phân nhóm CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng.....	32
Hình 16: Kết quả phân nhóm CSTP 7: Hỗ trợ doanh nghiệp	34
Hình 17: Kết quả phân nhóm CSTP 8: Thiết chế pháp lý	37
Hình 18: Kết quả phân nhóm Chỉ số DistCI tổng hợp	43
Hình 19: So sánh điểm trung bình và trung vị của các CSTP của DistCI	44
Hình 20: Kết quả phân nhóm CSTP 1: Tính minh bạch.....	45
Hình 21: Kết quả phân nhóm CSTP 2: Tính năng động.....	47
Hình 22: Kết quả phân nhóm CSTP 3: Vai trò của người đứng đầu	49
Hình 23: Kết quả phân nhóm CSTP 4: Chi phí thời gian	51
Hình 24: Kết quả phân nhóm CSTP 5: Chi phí không chính thức	53
Hình 25: Kết quả phân nhóm CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng.....	55
Hình 26: Kết quả phân nhóm CSTP 7: Hỗ trợ doanh nghiệp	56
Hình 27: Kết quả phân nhóm CSTP 8: Thiết chế pháp lý	59

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BQL	Ban quản lý
BPMC	Bộ phận một cửa
CBCC	Cán bộ công chức
CCHC	Cải cách hành chính
CSTP	Chỉ số thành phần (hay Sub-index)
DDCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban ngành và Huyện, thành phố
DeptCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban ngành
DistCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Huyện, thành phố
DN	Doanh nghiệp
DVC	Dịch vụ công
PCI	Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh
TCPL	Thiết chế pháp lý
TTHC	Thủ tục hành chính
UBND	Ủy ban nhân dân
VBPL	Văn bản pháp luật



PHẦN 1

GIỚI THIỆU CHUNG

PHẦN 1: GIỚI THIỆU CHUNG

1.1. MỤC TIÊU, Ý NGHĨA CỦA BỘ CHỈ SỐ DDCI

Cải thiện mạnh mẽ năng lực điều hành kinh tế và nâng cao chất lượng môi trường đầu tư và kinh doanh là những yêu cầu quan trọng hàng đầu để tạo ra động lực bền vững trong định hướng thu hút nguồn lực cho phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Kon Tum nói riêng và các địa phương trong cả nước nói chung. Theo báo cáo Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2023, Chỉ số PCI của tỉnh Kon Tum có tổng điểm là 65,60 điểm, so với năm 2022, tăng 0,71 điểm nhưng giảm 9 bậc (46/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương); Chỉ số PAR INDEX năm 2023 đạt 86,14 điểm, so với năm 2022, tăng 12 bậc và xếp hạng 43/63 tỉnh/thành phố; Chỉ số SIPAS năm 2023 tăng 07 bậc, xếp thứ 35/63 tỉnh/thành phố; Chỉ số PAPI năm 2023 giảm điểm so với năm 2022, thuộc nhóm 16 địa phương có điểm “Thấp”.

Bộ chỉ số PCI phản ánh một bức tranh chung về công tác điều hành kinh tế và xây dựng môi trường thuận lợi cho việc phát triển doanh nghiệp của chính quyền cấp tỉnh/thành phố trong cả nước. Các nỗ lực của chính quyền cấp tỉnh/thành phố sẽ không đạt được kỳ vọng nếu việc triển khai các chính sách, quy định ở cấp sở, ban, ngành và địa phương cấp Huyện, thành phố trực thuộc tỉnh/thành phố không được triển khai thực hiện một cách đồng bộ và hiệu quả. Do đó, việc nghiên cứu, đánh giá Bộ chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp cơ sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các Huyện, thành phố được kỳ vọng sẽ là một trong những giải pháp đem lại hiệu quả tốt và tạo ra được sự cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế, và tạo dựng môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp giữa các cơ quan đơn vị, địa phương của các tỉnh, thành phố.

Bộ công cụ DDCI là bộ chỉ số đánh giá chất lượng năng lực điều hành của các sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh/ thành phố. DDCI là một chỉ số tổng hợp sử dụng để đánh giá các khía cạnh khác nhau về năng lực điều hành kinh tế và cải thiện môi trường kinh doanh.

Khảo sát DDCI trên cơ sở ý kiến về mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã đang đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh để nghiên cứu những giải pháp cấp thiết đem lại hiệu quả tốt nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh hàng năm, đồng thời đề xuất giải pháp chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế của những lĩnh vực được khảo sát.

Mục tiêu của khảo sát DDCI 2024:

Đánh giá một cách khách quan năng lực điều hành của lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương trên địa bàn tỉnh Kon Tum trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ liên quan trực tiếp đến, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã. Để đưa ra cái nhìn

tổng thể, so sánh, đánh giá chất lượng phục vụ của các đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính và triển khai các hoạt động liên quan để cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Thúc đẩy khả năng cạnh tranh, thi đua về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành và UBND Huyện, thành phố của tỉnh Kon Tum, từ đó tạo động lực thúc đẩy cải cách một cách mạnh mẽ, quyết liệt và đồng bộ trong quá trình nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã; Tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực; Thu hút đầu tư và gia tăng mức độ cạnh tranh cho tỉnh Kon Tum.

Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi để, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã tham gia đóng góp ý kiến nâng cao năng lực điều hành của chính quyền các cấp; nâng cao chất lượng quản lý, điều hành của sở, ban, ngành và UBND các Huyện, thành phố.

Thu thập thông tin, ý kiến đóng góp, doanh nghiệp, hộ kinh doanh cá thể, hợp tác xã để nắm bắt tình hình thực tế đang diễn ra và sẵn sàng tháo gỡ những khó khăn trong hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh. Tăng cường tương tác giữa cơ quan Nhà nước và DN, tạo sự hợp tác hiệu quả giữa cơ quan Nhà nước. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 11-NQ/TU ngày 16/5/2022 của Tỉnh ủy “về cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng cường thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó, chú trọng tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp; nâng cao tính năng động, tiên phong, quyết tâm của người đứng đầu; tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, nâng cao phẩm chất đạo đức, năng lực chuyên môn và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ CBCS trong thực thi công vụ; kiên quyết xử lý nghiêm các hành vi vi phạm làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh và môi trường đầu tư của tỉnh.

Dựa trên cơ sở kết quả đánh giá công tác công tác điều hành của các sở, ban, ngành UBND các Huyện, thành phố từ đó nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong những năm tiếp theo, cùng với đó đề xuất một số giải pháp nhằm phát huy những thế mạnh, khắc phục những hạn chế, tồn tại của các Sở, ban, ngành và UBND Huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Với mục tiêu và ý nghĩa quan trọng của DDCI, tỉnh Kon Tum đã kế thừa kết quả đánh giá DDCI năm 2023 và tiếp tục thực hiện đánh giá cho những năm tiếp theo. Tỉnh quyết tâm tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong nâng cao chất lượng điều hành kinh tế và giải quyết TTHC liên quan đến DN; tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất - kinh doanh trên tất cả các lĩnh vực.

1.2. PHƯƠNG PHÁP XÂY DỰNG BỘ CHỈ SỐ DDCI NĂM 2024

1.2.1. Các chỉ số thành phần

Vai trò nhiệm vụ, chức năng quản lý của các sở, ban, ngành trong tỉnh có sự khác biệt so với các cơ quan UBND các Huyện, thành phố. Bên cạnh đó, đối tượng phục vụ cũng như đối tượng có quan hệ tương tác thường xuyên giữa các sở, ban, ngành và UBND các Huyện, thành phố cũng khác nhau. Trong khi các đối tượng phục vụ chính của các Sở, ban, ngành là doanh nghiệp thì đối tượng phục vụ chính của UBND các Huyện, thành phố là các hợp tác xã, hộ kinh doanh và một phần là với các doanh nghiệp. Vì lý do này để đảm bảo đánh giá chính xác, công bằng, DDCI được xây dựng theo hướng mở rộng gồm hai bộ chỉ số:

- Chỉ số năng lực cạnh tranh của các Sở, ban, ngành của tỉnh (**DeptCI-Department Competitiveness Index**).
- Chỉ số năng lực cạnh tranh cho các Ủy ban nhân dân các Huyện, thành phố (**DistCI-District Competitiveness Index**).

Bảng 1: Giải thích các CSTP của Chỉ số DDCI

CSTP	Chỉ số	Ý nghĩa
1	Tính minh bạch	DN đánh giá khả năng doanh nghiệp có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của sở, ban, ngành Tỉnh cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình; đánh giá sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch. Đồng thời, đánh giá về việc ứng dụng công nghệ thông tin góp phần giúp các cơ quan chính quyền điều hành hiệu quả hơn, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp tốt hơn.
2	Tính năng động	Đánh giá tính chủ động, sáng tạo của sở, ban, ngành Tỉnh và địa phương trong quá trình thực thi chủ trương, chính sách của Ủy ban nhân dân Tỉnh, trong việc đưa ra những sáng kiến riêng nhằm phát triển cộng đồng doanh nghiệp Tỉnh, đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng những chính sách đôi khi chưa rõ ràng của Tỉnh theo hướng có lợi cho doanh nghiệp, cũng như tính hiệu lực thực thi của sở, ban, ngành Tỉnh và huyện, thành phố với các chủ trương của lãnh đạo Tỉnh.
3	Vai trò người đứng đầu	DN đánh giá về hoạt động của người đứng đầu các Sở, ban ngành, địa phương trong tiếp thu ý kiến, xử lý, cải thiện chất lượng dịch vụ công.

4	Chi phí thời gian	Đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước thực hiện việc thanh tra, kiểm tra. Đây được xem là một chỉ số quan trọng để đánh giá công tác cải cách thủ tục hành chính, chỉ số này tốt chứng tỏ nỗ lực cải cách của Tỉnh đi vào thực chất.
5	Chi phí không chính thức	Đánh giá những khoản chi ngoài quy định mà doanh nghiệp phải trả cho các cán bộ Nhà nước để có thể thực hiện các công việc của họ một cách dễ dàng hơn (biếu tiền, tặng quà, mời tiệc chiêu đãi, lại quà hợp đồng, bồi dưỡng cho cán bộ...), là công cụ để đo lường các khoản chi phí không chính thức mà các doanh nghiệp phải trả và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
6	Cạnh tranh bình đẳng	Đo lường khả năng thực hiện nguyên tắc đối xử bình đẳng của sở, ban, ngành Tỉnh và địa phương đối với các doanh nghiệp; đánh giá liệu có sự hiện diện phổ biến doanh nghiệp “sân sau” hoặc “thân hữu” tại các cơ quan Nhà nước hay không, đánh giá hình thức đặc quyền, ưu đãi cụ thể khi tiếp cận các nguồn lực cho phát triển như đất đai, tín dụng... và được ưu tiên đối xử trong thực hiện các thủ tục hành chính và chính sách cho các doanh nghiệp thân hữu là gì, các ưu đãi này tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trên địa bàn ra sao.
7	Hỗ trợ doanh nghiệp	Đánh giá khả năng hỗ trợ của sở, ban, ngành Tỉnh và địa phương về thủ tục liên quan đến đầu tư, kinh doanh; thực thi các chính sách, chương trình hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của Tỉnh và Trung ương, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, các hoạt động đối thoại và giải đáp vướng mắc cho doanh nghiệp, các hoạt động góp phần giúp doanh nghiệp nhanh chóng giải quyết được các khó khăn liên quan đến thủ tục hành chính trong quá trình sản xuất kinh doanh.
8	Thiết chế pháp lý	DN đánh giá Sở, ban ngành thực hiện hiệu quả các văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định; DN đánh giá Sở, ban ngành trong việc hỗ trợ pháp lý cho DN khi họ có phản ánh, khiếu nại, kiến nghị, tố cáo hành vi vi phạm.

Chỉ số DDCI được đo lường thông qua các CSTP và chỉ tiêu. Các CSTP và các chỉ tiêu có tính đại diện và là mẫu số chung để so sánh về năng lực quản lý, điều hành kinh tế giữa UBND các Huyện, thành phố và các sở, ban, ngành của tỉnh. Đây là nguyên tắc nhằm đảm bảo tính hợp lý và khả năng so sánh, xếp hạng công bằng giữa các sở, ban ngành và địa phương.

1.2.2. Phạm vi và đối tượng khảo sát

Phạm vi khảo sát: Tập trung vào các doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh đã và đang hoạt động, sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh

Kon Tum và thường xuyên có sử dụng các dịch vụ hành chính công của các sở, ban, ngành và UBND cấp Huyện, thành phố.

Phương pháp chọn mẫu:

Việc chọn mẫu đảm bảo yêu cầu rằng một nhóm nhỏ trả lời song vẫn có thể mang tính đại diện cho toàn bộ tổng thể. Điều tra DDCI sử dụng phương pháp chọn mẫu theo điều tra PCI, đó là phương pháp chọn mẫu phân tầng ngẫu nhiên. Chọn ngẫu nhiên hàm ý rằng cơ hội được lựa chọn tham gia điều tra của các đối tượng là như nhau, trong khi phân tầng hàm ý đảm bảo những sự lựa chọn ngẫu nhiên sẽ ứng với những tiêu chí chính đại diện cho tổng thể.

Trong điều tra DDCI, sử dụng phân tầng về loại hình doanh nghiệp, lĩnh vực ngành nghề kinh doanh chính, địa bàn hoạt động tại huyện/thành phố. Đồng thời sử dụng danh sách doanh nghiệp có thực hiện thủ tục hành chính tại Trung tâm Hành chính công tỉnh và Bộ phận Một cửa của UBND các huyện/ thành phố để đảm bảo tất cả các đối tượng khảo sát thực sự đang hoạt động. Sau khi hoàn thành việc chọn mẫu, sẽ tiến hành so sánh các mẫu điều tra với tỷ lệ tổng thể của từng địa bàn để đảm bảo mẫu điều tra là đại diện cho tổng thể.

Căn cứ danh sách mẫu đã được xác định, mẫu điều tra DDCI được lựa chọn xác suất theo phương pháp phân tầng ngẫu nhiên trên nguyên tắc đảm bảo bao quát các lĩnh vực, chức năng quản lý nhà nước, điều hành kinh tế và dịch vụ công của các Sở, ban, ngành và các huyện/thành phố.

Đối tượng được lựa chọn đánh giá:

Các cơ quan Nhà nước bao gồm các Sở, cơ quan trực thuộc UBND tỉnh, cơ quan thuộc ngành dọc Trung ương cung cấp dịch vụ hành chính công hoặc giải quyết công việc có liên quan đến doanh nghiệp. Đối tượng được đánh giá được chia làm 2 nhóm, tổng cộng 19 đơn vị.

Nhóm 1 – Các Sở ngành:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư
- Sở Tài nguyên và Môi trường
- Sở Giao thông Vận tải
- Sở Xây dựng
- Sở Công Thương
- Sở Nông nghiệp & PTNT
- Sở Lao động - TB và XH
- Sở Tài chính
- Sở Tư pháp
- Sở Thông tin và Truyền thông
- Ban Quản lý Khu kinh tế
- Thanh tra tỉnh
- Cục Thuế tỉnh
- Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Sở Khoa học và Công nghệ
- Sở Y tế
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
- Cục Quản lý thị trường tỉnh
- Công an tỉnh

Nhóm 2 - Các địa phương:

- Thành phố Kon Tum
- Huyện Đắk Tô
- Huyện Đắk Glei
- Huyện Kon Plông
- Huyện Đắk Hà
- Huyện Ngọc Hồi
- Huyện Sa Thầy
- Huyện Tu Mơ Rông
- Huyện Kon Rẫy
- Huyện Ia H'Drai

1.3. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Mục đích điều tra: Thu thập thông tin từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kon Tum về cảm nhận, đánh giá của họ đối với năng lực điều hành kinh tế và nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư của UBND các Huyện, thành phố và Sở, ban ngành của tỉnh. Những đánh giá tổng hợp này sẽ được chính quyền tỉnh Kon Tum sử dụng, để làm căn cứ cho việc đề ra một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh cho UBND các Huyện, thành phố và Sở, ban ngành của tỉnh.

Đối tượng điều tra: Chủ doanh nghiệp, các quản lý chủ chốt của các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Kon Tum có đăng ký theo luật Doanh nghiệp.

Phạm vi điều tra: Các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh đang hoạt động, sản xuất kinh doanh, triển khai đầu tư dự án trên địa bàn tỉnh Kon Tum và có tương tác hoặc sử dụng dịch vụ hành chính công của các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện.

Phương pháp, quá trình điều tra: Năm 2024, đơn vị tư vấn sử dụng phương pháp điều tra, khảo sát bằng hình thức, phỏng vấn trực tiếp và gián tiếp đồng thời bổ sung thêm phương pháp khảo sát trực tuyến thông qua mẫu Phiếu Google Forms (gửi qua Email):

- Khảo sát qua phỏng vấn trực tiếp: Ưu điểm của phương pháp này là tỷ lệ phiếu trả lời cao và thông tin thu thập thường được khai thác sâu do có sự trao đổi hai chiều, được tìm hiểu cặn kẽ nguyên nhân. Phương pháp này có lợi thế nhanh chóng nhận được phản ánh, đồng thời thông tin do doanh nghiệp cung cấp được ghi trực tiếp và cụ thể.

- Khảo sát qua điện thoại: Ưu điểm của phương pháp này là chi phí thấp, loại trừ được ảnh hưởng từ điều tra viên.

- Khảo sát trực tuyến: Ưu điểm của phương pháp này là chi phí thấp, loại trừ được ảnh hưởng từ điều tra viên. Ngoài ra, kết hợp sử dụng phiếu điện tử platform (công cụ GoogleForms): Điều tra viên căn cứ trên danh sách các doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ liên hệ và

gửi bảng hỏi, thống nhất thời gian trả lời sau đó liên hệ để nhận bảng hỏi. Trong quá trình trả lời, điều tra viên sẽ liên hệ qua điện thoại, giải đáp cụ thể để hỗ trợ doanh nghiệp trả lời phiếu.

Tổng hợp cả 3 phương án thu thập Phiếu khảo sát trực tiếp, gián tiếp và trực tuyến tổng số phiếu thu về hợp lệ đều đáp ứng yêu cầu đề ra, đảm bảo chất lượng để sử dụng trong phân tích thống kê và xây dựng Báo cáo kết quả khảo sát Chỉ số DDCI tỉnh Kon Tum năm 2024.

1.4. PHƯƠNG PHÁP TÍNH TOÁN

1.4.1. Phương pháp tính toán điểm chuẩn hóa

Chỉ số DDCI 2024 áp dụng phương pháp tính điểm chuẩn hóa theo hệ số 10 với hai công thức phân biệt giữa nội dung đánh giá thuận và nội dung đánh giá nghịch (trên thang đo Likert 4 cấp độ, với 1-Hoàn toàn đồng ý, 2-Đồng ý, 3-Không đồng ý, 4-Hoàn toàn không đồng ý). Nội dung đánh giá thuận chiều nghĩa là điểm đánh giá càng lớn thì hiệu quả cạnh tranh của đơn vị càng tốt. Ngược lại, với nội dung đánh giá nghịch chiều, điểm đánh giá càng nhỏ thì hiệu quả cạnh tranh của đơn vị càng tốt.

Phương pháp tính điểm Chỉ số DDCI sử dụng phương pháp tính toán được áp dụng trong các báo cáo PCI – Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh do Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam (VCCI) thực hiện.

+ Đối với các chỉ tiêu thuận, tức là điểm chỉ tiêu càng cao thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt:

$$\text{Điểm của cơ quan/đơn vị A} = 1 + 9 * \frac{X - \min}{\max - \min}$$

Trong đó:

+ X là giá trị của cơ quan/đơn vị A.

+ Min: Điểm thấp nhất trong tổng số cơ quan/đơn vị được đánh giá.

+ Max: Điểm cao nhất trong tổng số cơ quan/đơn vị được đánh giá.

+ Đối với chỉ tiêu nghịch, tức là điểm chỉ tiêu càng thấp thì phản ánh chất lượng điều hành càng tốt:

$$\text{Điểm của cơ quan/đơn vị A} = 11 - (9 * \frac{X - \min}{\max - \min} + 1)$$

Trong đó:

+ X là giá trị của cơ quan/đơn vị A.

+ Min: Điểm thấp nhất trong tổng số cơ quan/đơn vị được đánh giá.

+ Max: Điểm cao nhất trong tổng số cơ quan/đơn vị được đánh giá.

Trong bảng xếp hạng, điểm số của các Sở, ngành, Huyện, thành phố được sắp xếp theo thứ tự điểm số tổng hợp DDCI từ cao đến thấp. Thang điểm DDCI của các Sở, ngành, Huyện, thành phố được quy đổi về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp.

1.4.2. Phương pháp trọng số

Bộ Chỉ số DDCI áp dụng phương pháp tổng trọng số (*Weighted sum method*) để tính toán điểm tổng của Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban ngành và Huyện, thành phố của tỉnh Kon Tum năm 2024. Phương pháp này được kế thừa từ phương pháp luận của các báo cáo PCI – Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh do Liên đoàn Công nghiệp và Thương mại Việt Nam công bố, và các báo cáo DDCI của các tỉnh, thành tại Việt Nam.

Bảng 2: Trọng số được áp dụng cho các CSTP của DDCI

	Chỉ số thành phần	Trọng số
1	Tính minh bạch	15%
2	Tính năng động	15%
3	Vai trò người đứng đầu	20%
4	Chi phí thời gian	10%
5	Chi phí không chính thức	15%
6	Cạnh tranh bình đẳng	5%
7	Hỗ trợ doanh nghiệp	10%
8	Thiết chế pháp lý	10%

1.4.3. Phương pháp phân nhóm kết quả đánh giá

Trong bảng xếp hạng, điểm số của các Sở, ngành, Huyện, thành phố được sắp xếp theo thứ tự điểm số tổng hợp DDCI từ cao đến thấp. Thang điểm DDCI của các Sở, ngành, Huyện, thành phố được quy đổi về thang điểm 100 để thực hiện xếp hạng từ cao đến thấp.

- Nhóm Rất tốt: Các đơn vị có điểm lớn hơn hoặc bằng một độ lệch chuẩn so với điểm trung bình.

- Nhóm Tốt: Các đơn vị có điểm nằm trong khoảng một độ lệch chuẩn lớn hơn hoặc bằng điểm trung bình.

- Nhóm Khá: Các đơn vị có điểm nằm trong khoảng dưới một độ lệch chuẩn nhỏ hơn so với điểm trung bình.

- Nhóm Trung bình: Các đơn vị có điểm nhỏ hơn một độ lệch chuẩn so với điểm trung bình.

1.5. ĐẶC ĐIỂM CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT NĂM 2024

1.5.1. Thống kê số lượt đánh giá đối với các đơn vị

Cuộc khảo sát Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành, Huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum năm 2024 ghi nhận 1120 lượt DN đánh giá về các đơn vị Sở, ngành/địa phương, cụ thể:

Ở nhóm các đơn vị cấp Sở, số lượt DN đánh giá là 711 lượt, đơn vị có lượt đánh giá nhiều nhất là Sở Xây dựng với 61 lượt đánh giá, kế đến là Sở Kế hoạch và Đầu tư với 60 lượt đánh giá, Cục Thuế tỉnh với 55 lượt đánh giá.

Bảng 3: Tổng hợp lượt đánh giá đối với các đơn vị cấp Sở, ngành

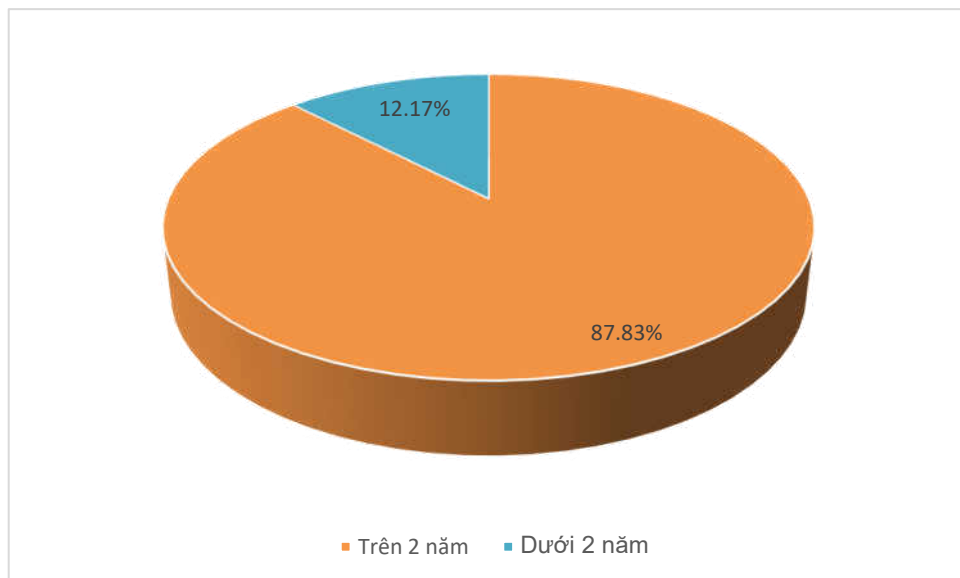
STT	Đơn vị Sở ngành	Số lượt đánh giá
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	60
2	Sở Tư pháp	26
3	Sở Tài chính	24
4	Sở Công Thương	53
5	Sở Giao thông Vận tải	41
6	Sở Khoa học và Công nghệ	33
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	29
8	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	45
9	Sở Tài nguyên và Môi trường	46
10	Sở Thông tin và Truyền thông	24
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	25
12	Sở Xây dựng	61
13	Sở Y tế	25
14	Thanh tra tỉnh	25
15	Ban Quản lý Khu kinh tế	35
16	Công an tỉnh	30
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	36
18	Cục Thuế tỉnh	55
19	Cục Quản lý thị trường	38
Tổng lượt đánh giá		711

Ở nhóm các đơn vị cấp Huyện, số lượt DN đánh giá là 409 lượt, đơn vị có lượt đánh giá nhiều nhất là Huyện Kon Plông với 84 lượt đánh giá, kế đến là Huyện Kon Rẫy với 70 lượt đánh giá.

Bảng 4: Tổng hợp lượt đánh giá đối với các đơn vị cấp Huyện

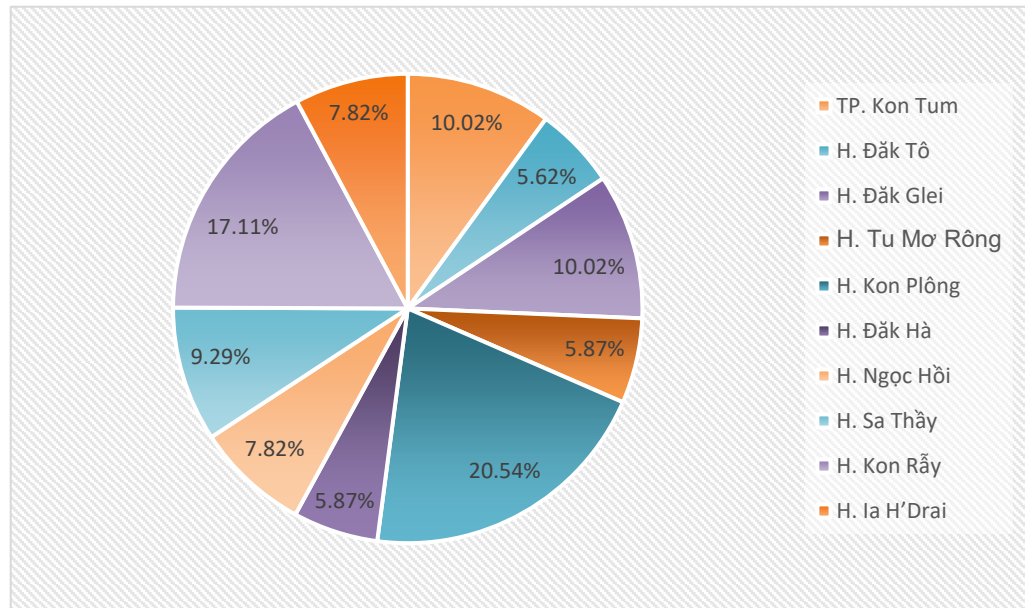
STT	Đơn vị cấp Huyện	Số lượt đánh giá
1	TP. Kon Tum	41
2	H. Đắk Tô	23
3	H. Đắk Glei	41
4	H. Tu Mơ Rông	24
5	H. Kon Plông	84
6	H. Đắk Hà	24
7	H. Ngọc Hồi	32
8	H. Sa Thầy	38
9	H. Kon Rẫy	70
10	H. Ia H'Drai	32
Tổng lượt đánh giá		409

1.5.2. Đặc điểm của các DN tham gia khảo sát



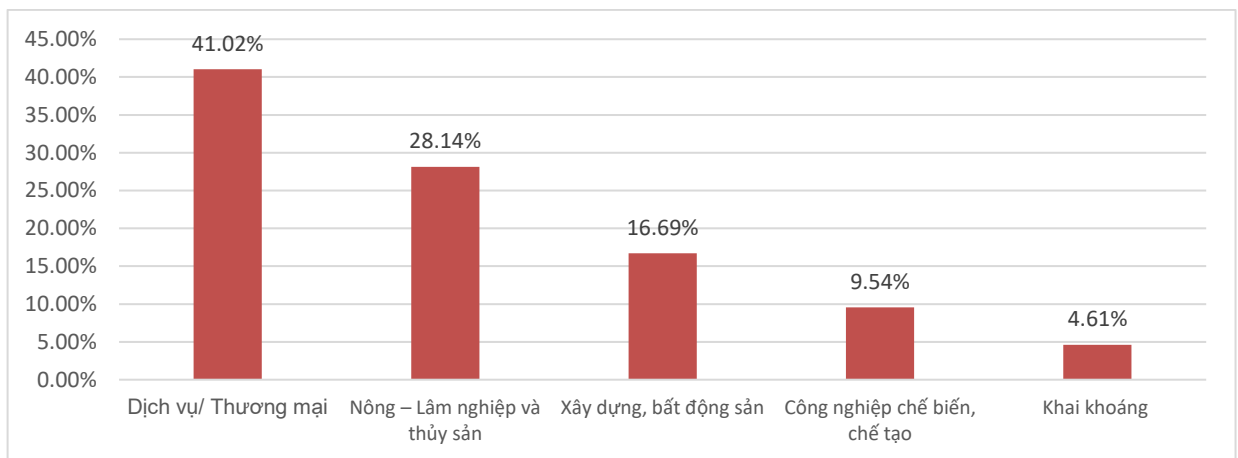
Hình 1: Thời gian hoạt động của các DN tham gia khảo sát

Theo thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh, nhóm đối tượng tham gia khảo sát chiếm đa số là DN đã hoạt động trên 2 năm (chiếm 87,83%), dưới 2 năm chiếm 12,17%.



Hình 2: Địa bàn hoạt động chính của các DN tham gia khảo sát

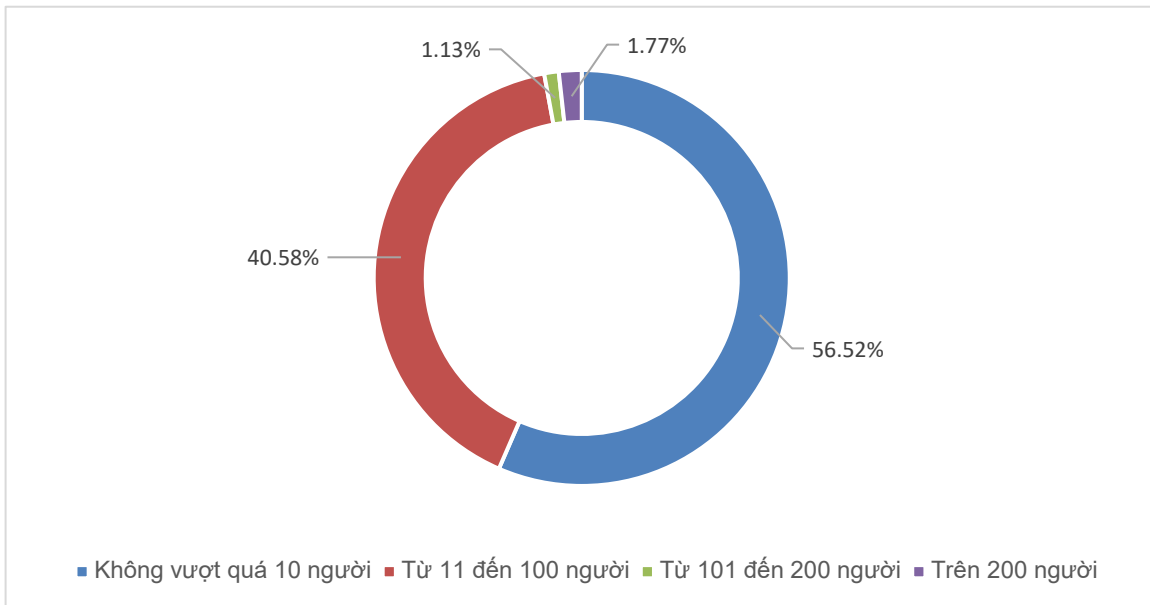
Theo địa bàn hoạt động, huyện Kon Plông là nơi tập trung nhiều đơn vị được khảo sát nhất toàn tỉnh với 20,54%, tiếp sau là huyện Kon Rẫy với 17,11%, TP Kon Tum và huyện Đăk Glei với 10,02%; huyện Sa Thầy với 9,29%;...



Hình 3: Lĩnh vực hoạt động của các DN tham gia khảo sát

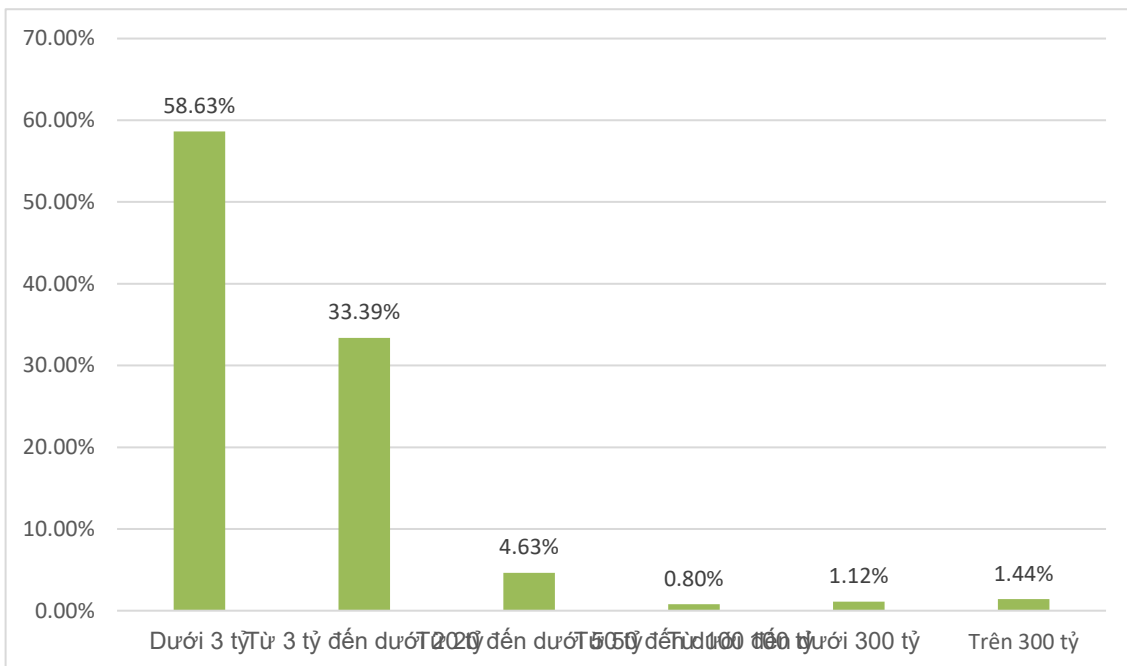
Theo nhóm ngành SXKD chính, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong khối đối tượng tham gia đánh giá là nhóm thuộc lĩnh vực Dịch vụ/ Thương mại (41,02%). Khối các ngành sản xuất Nông – Lâm nghiệp và thủy sản chiếm 28,14%. Nhóm liên quan đến Xây dựng, bất động sản chiếm 16,69%, lĩnh vực Công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 9,54%. Khai khoáng chiếm 4,61% (Hình 3).

Cơ cấu của mẫu khảo sát theo địa bàn, ngành nghề, loại hình về cơ bản phù hợp với cơ cấu của tổng thể doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh cá thể, vì vậy đảm bảo tính đại diện cao cho khu vực SXKD của tỉnh.



Hình 4: Quy mô lao động của các DN tham gia khảo sát

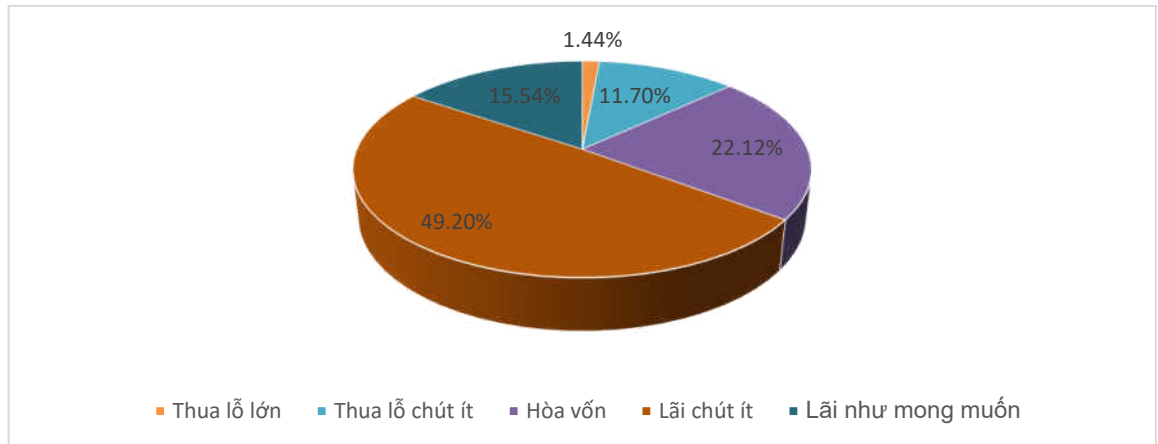
Theo quy mô lao động của DN tham gia khảo sát, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong khối đối tượng tham gia đánh giá là nhóm DN có tổng số lao động dưới 10 người (chiếm 56,52%), nhóm DN có tổng số lao động Từ 11 đến 100 người chiếm 40,58%,...



Hình 5: Quy mô vốn đầu tư của các DN tham gia khảo sát

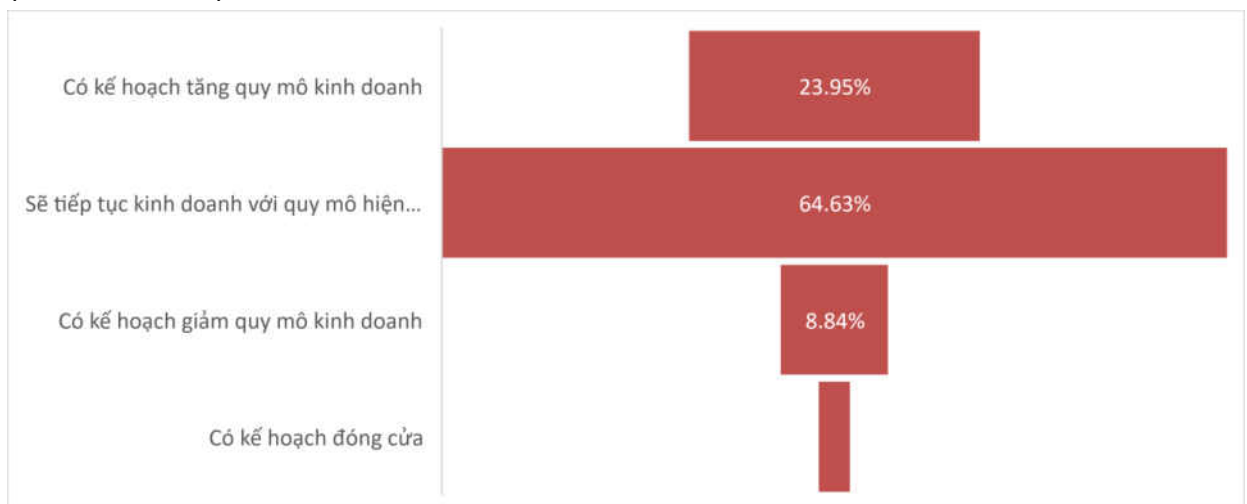
Theo số vốn đầu tư của DN, chiếm tỷ trọng lớn nhất trong khối đối tượng tham gia đánh giá là nhóm DN có vốn đầu tư dưới 3 tỷ (chiếm 58,63%) từ 3 tỷ đến dưới 20 tỷ (chiếm 33,39%), từ 20 đến dưới 50 tỷ chiếm 4,63%,...

1.6. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP ĐƯỢC KHẢO SÁT NĂM 2024



Hình 6: Tình hình sản xuất kinh doanh hiện nay của các DN tham gia khảo sát

Trong số DN được hỏi về tình hình sản xuất, kinh doanh hiện nay, đa số DN trả lời có lãi chút ít (chiếm 49,20%), kể đến là đánh giá hòa vốn (chiếm 22,12%), thua lỗ chút ít (chiếm 11,70%).



Hình 7: Kế hoạch/dự định kinh doanh trong vòng 2 năm sắp tới của các DN tham gia khảo sát

Trong số DN được hỏi về tình hình sản xuất, kinh doanh trong vòng 2 năm sắp tới, đa số DN trả lời sẽ tiếp tục kinh doanh với quy mô hiện tại (chiếm 65,00%); có trên 24,00% DN được hỏi đánh giá có kế hoạch tăng quy mô kinh doanh. Phần nào cho thấy kỳ vọng của doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh trong vòng 2 năm sắp tới với triển vọng tích cực.



PHẦN 2

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN NGÀNH

PHẦN 2:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN, NGÀNH NĂM 2024

2.1. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP SỞ, BAN NGÀNH TỈNH KON TUM NĂM 2024

Điểm tổng hợp Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành của tỉnh Kon Tum năm 2024 được thể hiện ở dưới đây:

Bảng 5: Điểm số và vị trí sắp xếp theo tổng điểm của các Sở, ban, ngành

Thứ hạng năm 2024	Đơn vị được đánh giá	Điểm tổng hợp	Xếp loại năm 2024
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh	85,46	Rất Tốt
2	Sở Công Thương	79,35	Rất Tốt
3	Sở Kế hoạch và Đầu tư	79,04	Rất Tốt
4	Thanh tra tỉnh	73,25	Tốt
5	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	72,68	Tốt
6	Công an tỉnh	70,87	Tốt
7	Sở Tài chính	70,64	Tốt
8	Sở Tư pháp	66,43	Tốt
9	Sở Xây dựng	65,12	Tốt
10	Sở Nông nghiệp và PTNT	65,09	Tốt
11	Ban Quản lý Khu kinh tế	64,98	Tốt
12	Sở Khoa học và Công nghệ	60,11	Khá
13	Sở Y tế	58,69	Khá
14	Sở Thông tin và Truyền thông	56,42	Khá
15	Sở Giao thông Vận tải	55,79	Khá
16	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	49,46	Khá
17	Cục Thuế tỉnh	46,14	Trung bình
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	38,35	Trung bình
19	Cục Quản lý thị trường	27,59	Trung bình

Kết quả đánh giá tổng hợp chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban ngành (DeptCI) tỉnh Kon Tum năm 2024 được trình bày tại Bảng 5. Trung bình điểm số đánh giá của khối Sở, ban ngành là 62,392 (độ lệch chuẩn 14,56), giá trị trung vị là 65,09 điểm. Số điểm trung bình và trung vị trên có ý nghĩa là chất lượng điều hành phổ biến của các Sở, ban ngành của tỉnh Kon Tum được đánh giá ở mức trung bình khá. Điểm số của các đơn vị Sở, ban ngành thuộc

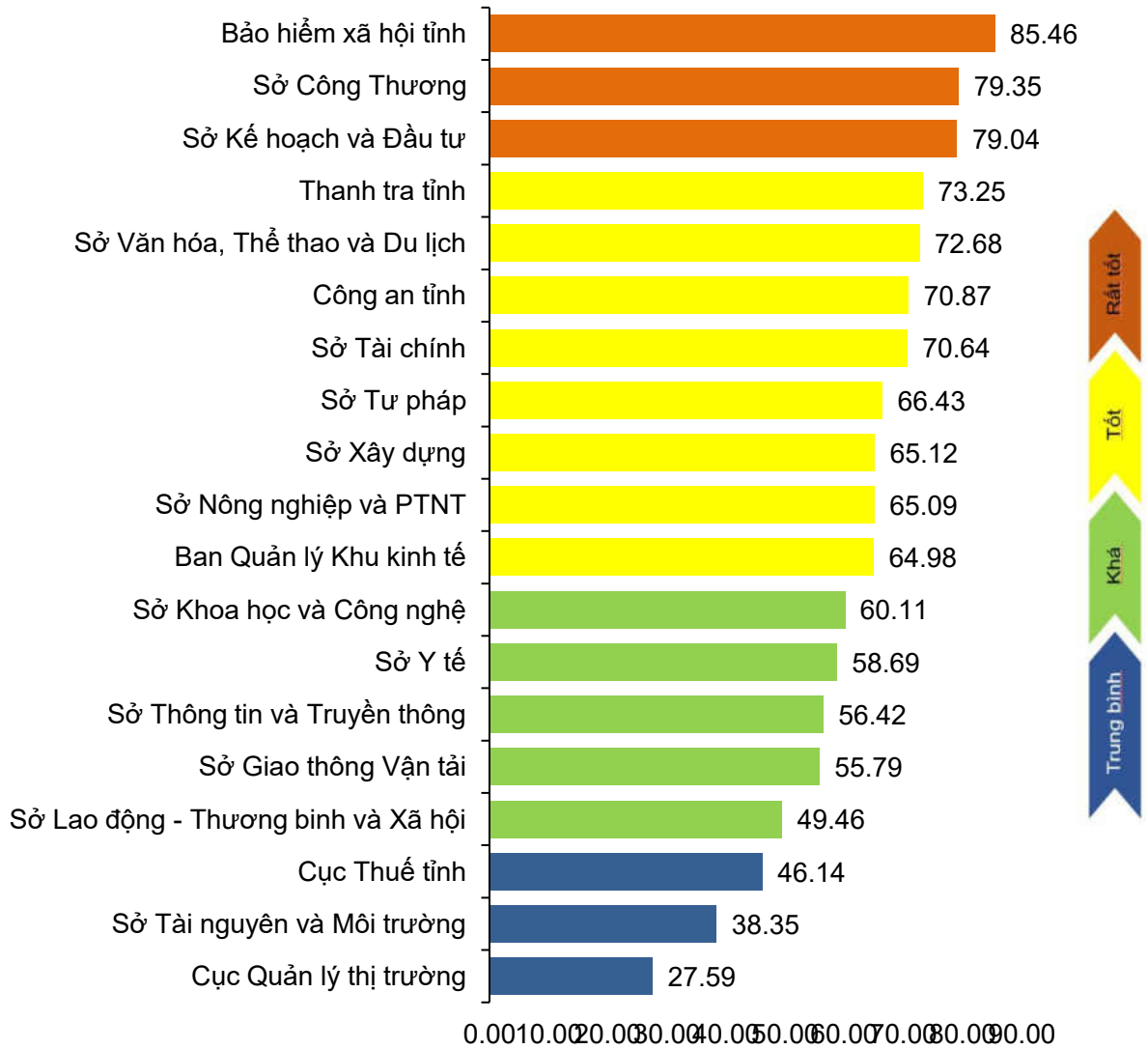
nhóm điểm Rất tốt, Tốt hầu hết đạt trên 70,00 điểm. Điều này cho thấy rằng kết quả chỉ đạo, điều hành của tỉnh trong việc xây dựng bộ máy năng động, thích nghi với nhiệm vụ phát triển trong bối cảnh kinh tế mới đã phần nào đạt được hiệu quả. Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của chỉ số DeptCI tổng hợp là 14,56 điểm – được đánh giá là còn khá lớn – cho biết mức độ chênh lệch trong chất lượng điều hành kinh tế giữa các đơn vị.

Kết quả đánh giá DeptCI 2024 cho thấy, Bảo hiểm xã hội tỉnh có điểm số cao nhất với 87,46 điểm, xếp hạng Rất Tốt, kế đến là Sở Công Thương với 79,35 điểm. Sở Kế hoạch và Đầu tư có điểm số cao thứ ba với 79,04 điểm, xếp hạng Rất Tốt. Thanh tra tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; Sở Tài chính và Sở Tư pháp lần lượt có điểm số ở các vị trí tiếp theo, xếp loại Tốt. Cục Thuế tỉnh; Sở Tài nguyên và Môi trường; Cục Quản lý thị trường là 3 đơn vị đứng cuối bảng xếp hạng với điểm số lần lượt là 46,14 điểm, 38,35 điểm và 27,59 điểm, xếp loại Trung bình.

Trên kết quả đánh giá năm 2024, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân nhóm các Sở, ban ngành của tỉnh dựa trên các mốc của bách phân vị. Theo đó, Nhóm 'Rất tốt' có số điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 76,95. Đối với nhóm 'Tốt' có số điểm đánh giá thấp hơn 76,95 điểm và lớn hơn hoặc bằng 62,39 điểm. Nhóm 'Khá' được nhận dạng gồm những đơn vị có điểm đánh giá thấp hơn 62,39 điểm và lớn hơn hoặc bằng 47,83 điểm. Nhóm 'Trung bình' gồm những đơn vị có điểm đánh giá thấp hơn 47,83 điểm.

Kết quả phân nhóm cuối cùng (Hình 10) được nhận dạng như sau:

- Nhóm Rất tốt gồm các đơn vị: Bảo hiểm xã hội tỉnh; Sở Công Thương; Sở Kế hoạch và Đầu tư.
- Nhóm Tốt gồm các đơn vị: Thanh tra tỉnh; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Công an tỉnh; Sở Tài chính; Sở Tư pháp; Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và PTNT; Ban Quản lý Khu kinh tế.
- Nhóm Khá gồm các đơn vị: Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Y tế; Sở Thông tin và Truyền thông; Sở Giao thông Vận tải; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
- Nhóm Trung bình gồm các đơn vị còn lại.



Hình 8: Kết quả phân nhóm Chỉ số DeptCI tổng hợp

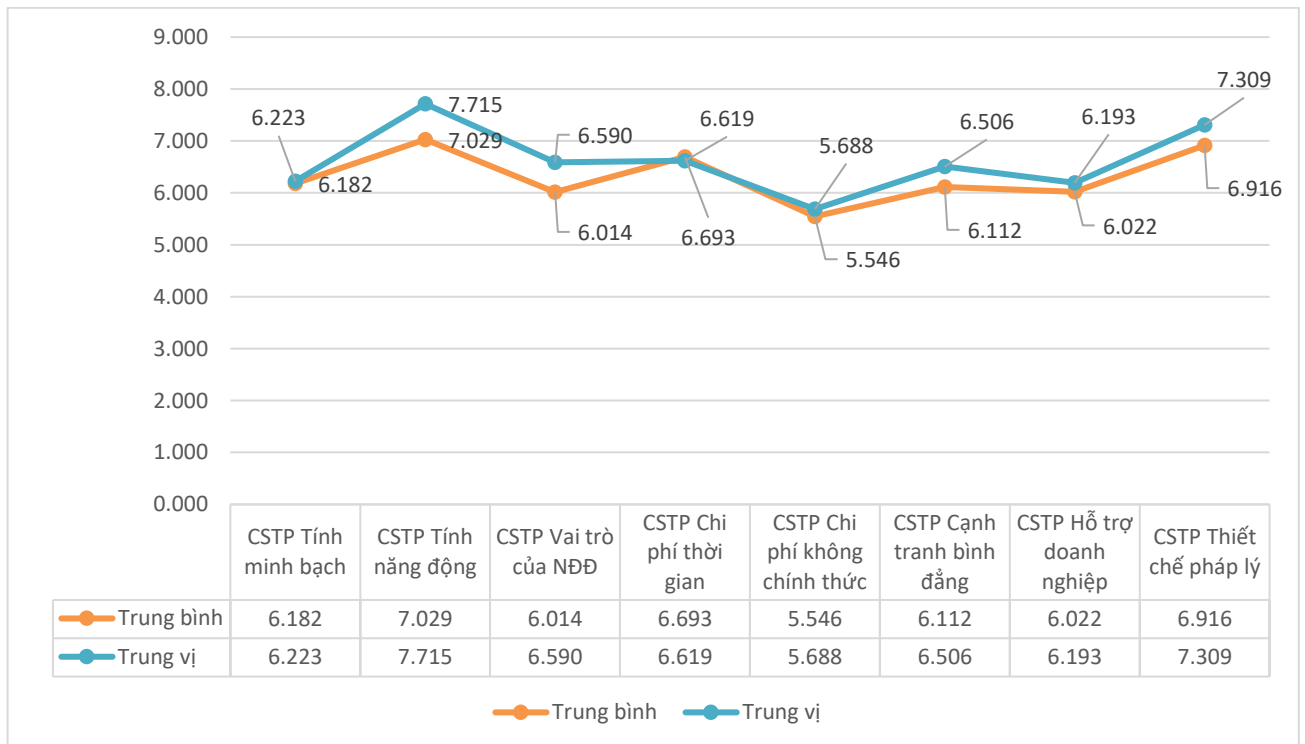
Bảng 6 trình bày một số chỉ tiêu thống kê của chỉ số tổng hợp và các CSTP của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban ngành tỉnh Kon Tum năm 2024. Các chỉ tiêu thống kê được cung cấp bao gồm giá trị trung bình, giá trị trung vị và độ lệch chuẩn.

Bảng 6: Kết quả thống kê các CSTP của DeptCI

Các chỉ số	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung vị
Chỉ số tổng hợp	62,392	14,561	65,088
CSTP Tính minh bạch	6,182	1,671	6,223
CSTP Tính năng động	7,029	2,019	7,715
CSTP Vai trò của NĐĐ	6,014	2,161	6,590
CSTP Chi phí thời gian	6,693	1,295	6,619

CSTP Chi phí không chính thức	5,546	1,300	5,688
CSTP Cạnh tranh bình đẳng	6,112	2,269	6,506
CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp	6,022	1,957	6,193
CSTP Thiết chế pháp lý	6,916	1,481	7,309

Hình 9 trực quan kết quả thống kê về giá trị trung bình và trung vị của các CSTP của DeptCI. Theo đó, các CSTP được nhận dạng có điểm trung bình và trung vị tương đối thấp cần phải được cải thiện gồm: CSTP 1 – Tính minh bạch; CSTP 5 – Chi phí không chính thức; CSTP 7 – Hỗ trợ doanh nghiệp.



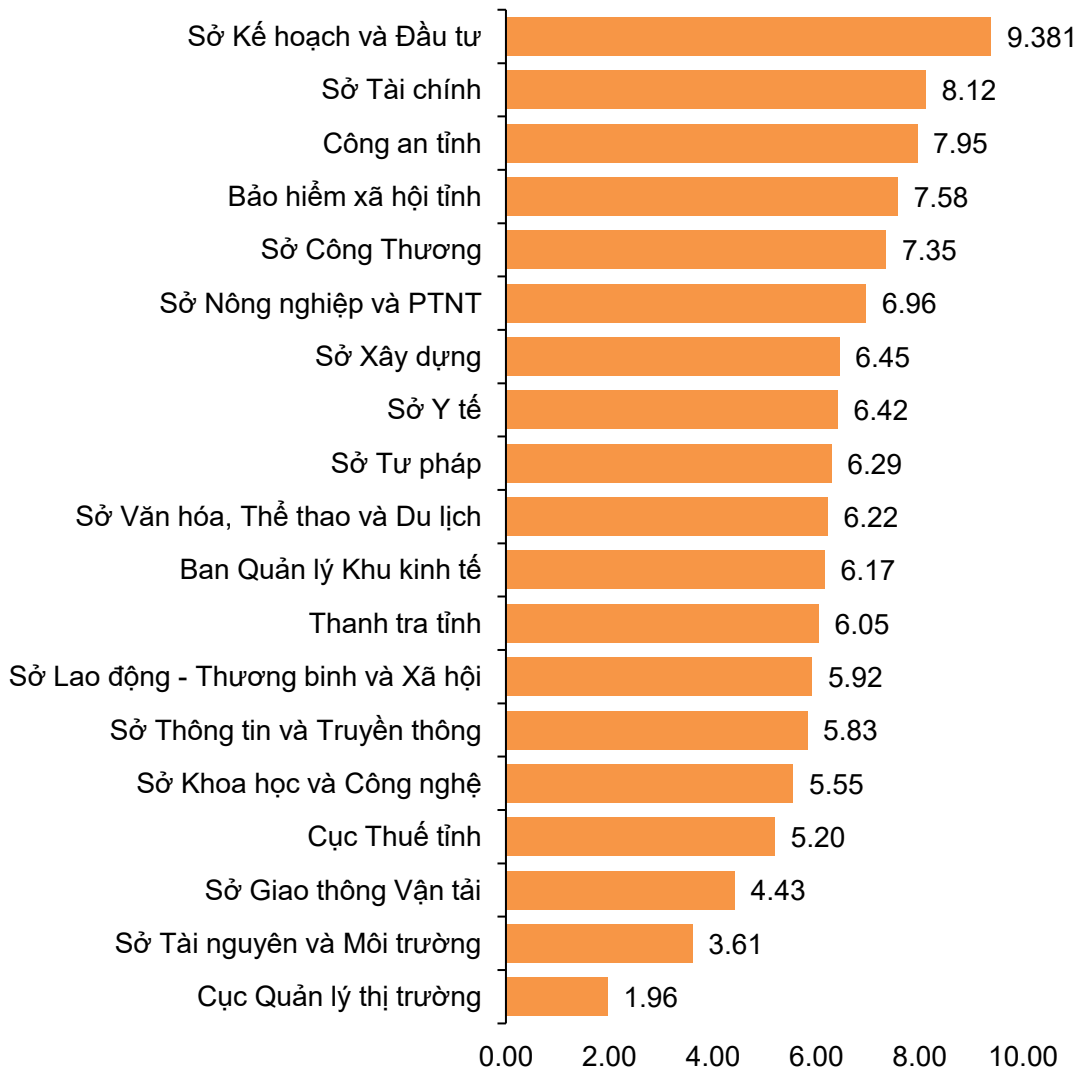
Hình 9: So sánh điểm trung bình và trung vị của các CSTP của DeptCI

2.2. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN (DeptCI)

2.2.1. CSTP 1: Tính minh bạch

CSTP Tính minh bạch đề cập tới khả năng các đối tượng kinh doanh có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những kế hoạch và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của sở ngành, cấp huyện mà cần thiết cho hoạt động kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch. Tính minh bạch về thông tin khi được đảm bảo sẽ góp phần giảm các chi phí trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, quy định, cũng như giảm các sai sót của những đối tượng kinh doanh khi thực hiện các TTHC. Bên cạnh đó,

khi các thông tin được công khai rõ ràng sẽ giúp các đối tượng kinh doanh có được sự nhìn nhận đầy đủ hơn về MTKD, giảm bớt tính bất định trong việc thực thi chính sách ở cấp sở ngành, cấp huyện.



Hình 10: Kết quả phân nhóm CSTP 1: Tính minh bạch

Kết quả đánh giá CSTP này được tính toán và trình bày tại Hình 10. Theo đó, kết quả đánh giá đã ghi nhận đơn vị có điểm số cao nhất đạt 9,38 điểm, đứng thứ nhất là Sở Kế hoạch và Đầu tư; kế đến là Sở Tài chính với 8,12 điểm, Công an tỉnh với 7,95 điểm; trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong nhóm các Sở, ngành là Cục Quản lý thị trường, với 1,96 điểm.

Mức độ hữu ích, tính minh bạch của các thông tin

Doanh nghiệp đánh giá Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của nhóm Sở, ngành, đơn vị có tỷ trọng DN đánh giá *Dễ tiếp cận/Tương đối dễ tiếp cận* đạt mức tỷ trọng trung vị 85,19% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 91,30%; thấp nhất với 65,38%).

“Mức độ thường xuyên truy cập vào website của các sở, ban, ngành” có tỷ trọng

DN đánh giá *Rất thường xuyên/Thường xuyên* đạt mức tỷ trọng trung vị 60,78% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 70,59%; thấp nhất với 40,74%).

Khi được hỏi đánh giá “Tính hữu ích của thông tin trên website của các sở, ban, ngành đối với doanh nghiệp” có tỷ trọng DN đánh giá *Rất hữu ích/Tương đối hữu ích* đạt mức tỷ trọng trung vị 87,50% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 97,06%; thấp nhất với 78,79%).

Bảng 7: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính minh bạch của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của sở, ban, ngành và địa phương (Tỷ lệ Dễ tiếp cận)	Thường xuyên truy cập vào website của các sở, ban, ngành và địa phương (Tỷ lệ thường xuyên)	Tính hữu ích của thông tin trên website của các sở, ban, ngành và địa phương đối với doanh nghiệp (Tỷ lệ hữu ích)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	89,09%	40,74%	90,91%
2	Cục Quản lý thị trường	65,38%	44,00%	84,00%
3	Sở Tài chính	79,17%	66,67%	95,83%
4	Sở Công Thương	86,54%	60,78%	90,20%
5	Công an tỉnh	84,62%	64,10%	92,31%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	84,85%	57,58%	78,79%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	85,19%	61,54%	88,46%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	90,48%	64,29%	81,40%
9	Sở Tư pháp	86,36%	59,09%	88,37%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	91,30%	60,87%	86,96%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	79,17%	62,50%	87,50%
12	Sở Xây dựng	86,67%	58,62%	88,14%
13	Sở Y tế	88,00%	64,00%	80,00%
14	Thanh tra tỉnh	83,33%	62,50%	83,33%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	91,18%	70,59%	97,06%
16	Sở Giao thông Vận tải	80,00%	60,00%	83,33%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	88,57%	47,06%	94,29%
18	Cục Thuế tỉnh	77,36%	57,41%	86,79%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	78,38%	50,00%	83,33%
	Giá trị cao nhất	91,30%	70,59%	97,06%
	Giá trị thấp nhất	65,38%	40,74%	78,79%
	Giá trị trung vị	85,19%	60,78%	87,50%

Doanh nghiệp đánh giá “Tính kịp thời cung cấp thông tin” của Sở, ban, ngành, đơn vị có tỷ trọng DN đánh giá *Rất kịp thời/Tương đối kịp thời* đạt mức tỷ trọng trung vị 87,72% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 96,00%; thấp nhất với 73,08%).

Đánh giá về “Nội dung thông tin được cung cấp” có tỷ trọng DN đánh giá *Rất rõ ràng/Rõ ràng* đạt mức tỷ trọng trung vị 75,93% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 84,85%; thấp nhất với 66,67%).

Bảng 8: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính minh bạch của các Sở, ngành

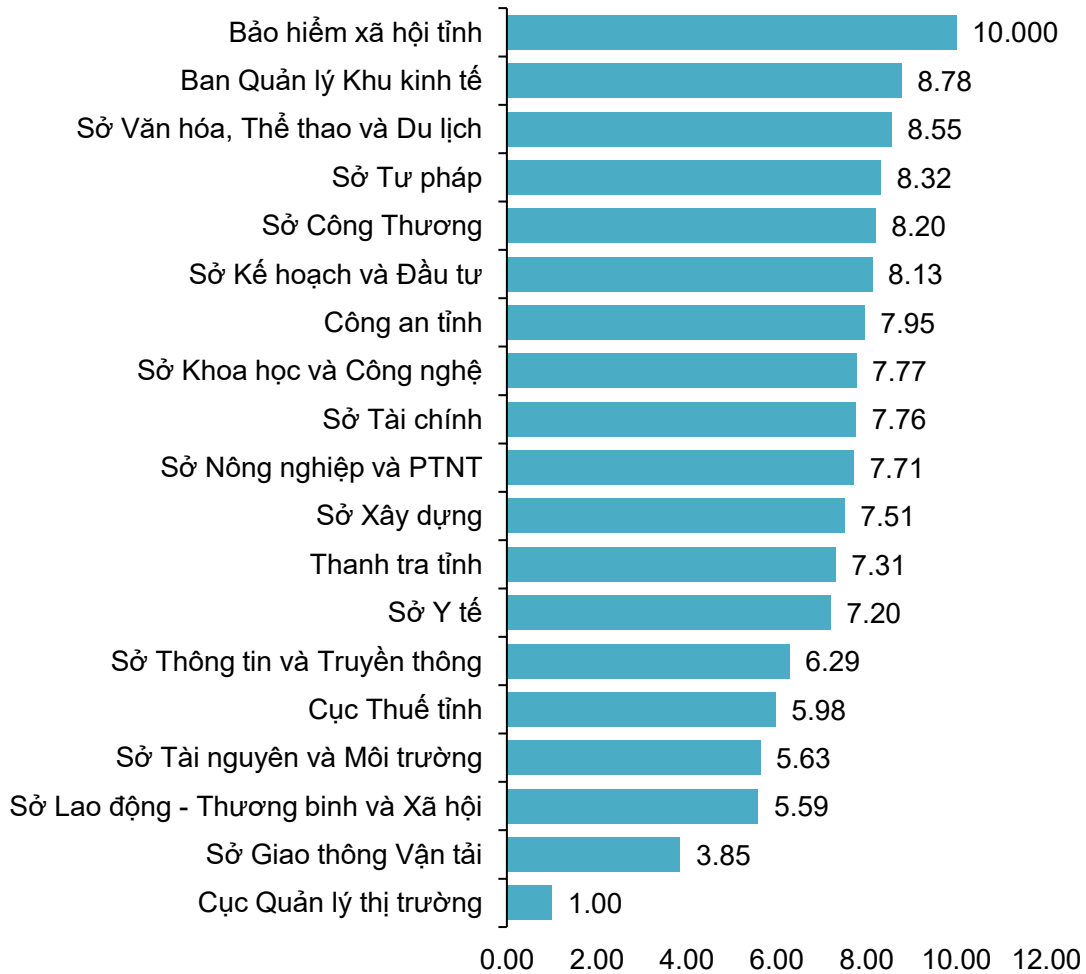
STT	Đơn vị	Tính kịp thời cung cấp thông tin (Tỷ lệ đánh giá Kịp thời)	Nội dung thông tin được cung cấp (Tỷ lệ đánh giá rõ ràng)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	91,07%	75,93%
2	Cục Quản lý thị trường	73,08%	69,23%
3	Sở Tài chính	95,65%	78,26%
4	Sở Công Thương	88,24%	80,39%
5	Công an tỉnh	89,74%	82,50%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	81,82%	81,82%
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	80,77%	74,07%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	90,48%	78,57%
9	Sở Tư pháp	86,05%	74,42%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	78,26%	72,73%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	88,00%	76,00%
12	Sở Xây dựng	87,72%	75,00%
13	Sở Y tế	96,00%	72,00%
14	Thanh tra tỉnh	83,33%	79,17%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	88,24%	84,85%
16	Sở Giao thông Vận tải	83,33%	66,67%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	91,67%	82,86%
18	Cục Thuế tỉnh	86,79%	71,70%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	75,00%	72,22%
	Giá trị cao nhất	96,00%	84,85%
	Giá trị thấp nhất	73,08%	66,67%
	Giá trị trung vị	87,72%	75,93%

2.2.2. CSTP 2: *Tính năng động*

Kết quả đánh giá về Tính năng động của lãnh đạo Sở, ban ngành, đơn vị đạt điểm cao nhất là 10,00 điểm, mức trung bình đạt 7,03/10 điểm và trung vị đạt 7,72 điểm, đây được xem là điểm trung bình khá.

Độ lệch chuẩn đạt 2,02, do đó nhiều đơn vị còn có điểm chất lượng lệch tương đối lớn với các đơn vị thực hiện tốt. Kết quả đánh giá CSTP 2 - Tính năng động được trình bày tại Hình dưới đây. Theo đó, có 13/19 đơn vị đạt điểm trên 7,00 điểm trong CSTP này.

Kết quả đánh giá có 9/19 Sở, ban ngành đạt mức điểm cao hơn trung vị (7,72 điểm). Các đơn vị có điểm thấp gồm: Sở Giao thông Vận tải, Cục Quản lý thị trường.



Hình 11: Kết quả phân nhóm CSTP 2: Tính năng động

Liên quan đến Tính năng động của Sở, ngành trong việc triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và của UBND tỉnh trong năm qua:

Bảng 9: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính năng động của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Các sở, ban, ngành và địa phương linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi cho các DN (%Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý)	Cách phản ứng của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh (Tỷ lệ đánh giá tích cực)	Sở, ban, ngành và địa phương có kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình (Tỷ lệ đánh giá kịp thời)	Đối với những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp ngoài phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị thì cách phản ứng của đơn vị (Tỷ lệ đánh giá tích cực)

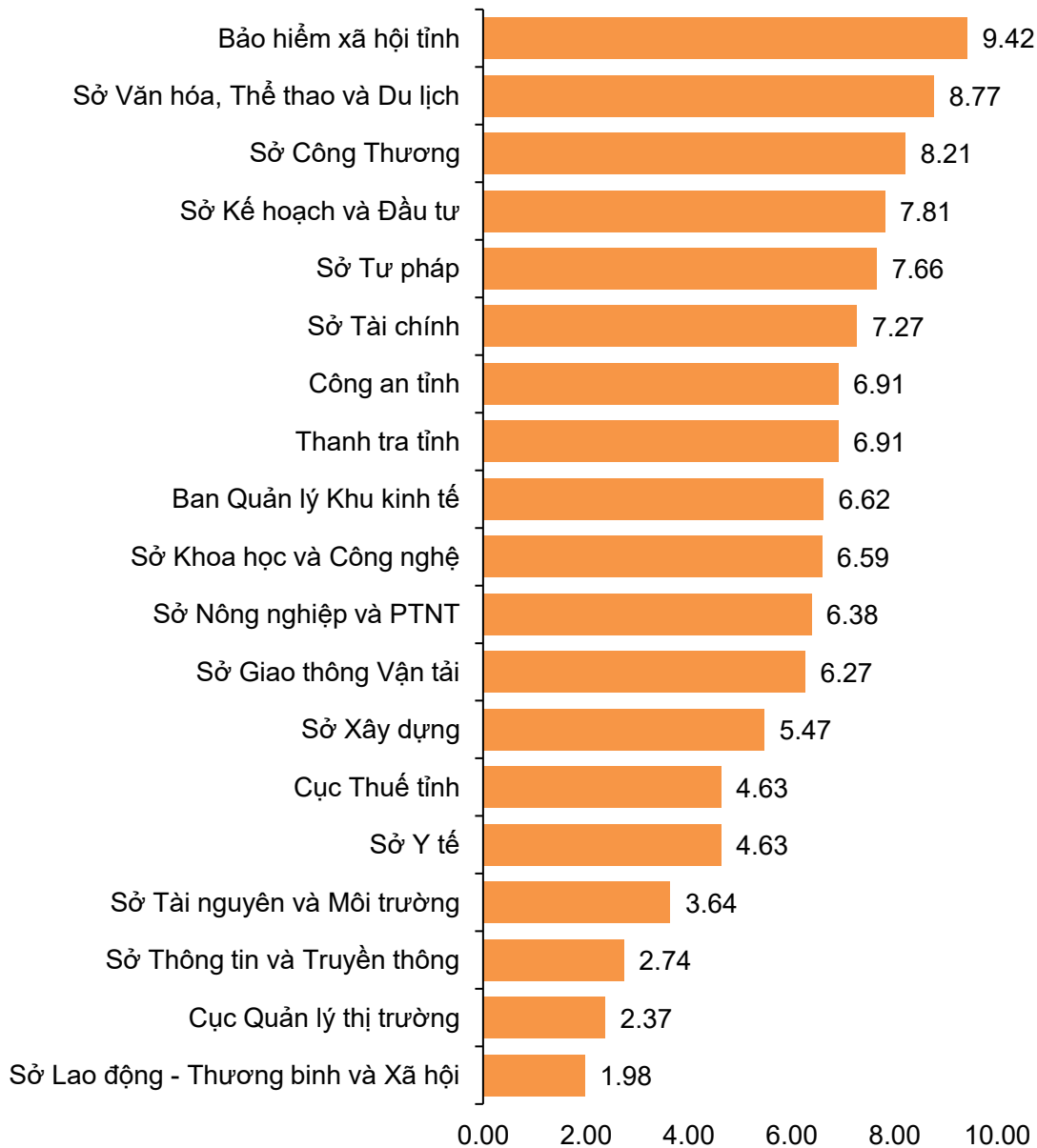
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	98,21%	92,59%	90,74%	96,23%
2	Cục Quản lý thị trường	69,23%	76,00%	72,00%	72,00%
3	Sở Tài chính	86,96%	95,45%	90,91%	90,91%
4	Sở Công Thương	92,16%	94,00%	92,00%	91,84%
5	Công an tỉnh	87,18%	97,37%	92,11%	89,47%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	90,91%	96,88%	84,38%	93,75%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	73,08%	92,31%	84,62%	88,46%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	88,37%	92,86%	90,24%	92,68%
9	Sở Tư pháp	93,02%	92,68%	92,86%	92,86%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	73,91%	95,45%	81,82%	95,45%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	96,00%	95,83%	87,50%	95,83%
12	Sở Xây dựng	96,49%	92,73%	85,71%	89,09%
13	Sở Y tế	88,00%	91,67%	87,50%	91,67%
14	Thanh tra tỉnh	91,67%	95,65%	82,61%	91,30%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	90,91%	100,00%	87,50%	90,91%
16	Sở Giao thông Vận tải	76,67%	82,76%	75,86%	86,21%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	100,00%	100,00%	93,94%	96,97%
18	Cục Thuế tỉnh	81,13%	90,38%	84,62%	88,24%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	83,33%	86,11%	83,33%	88,57%
Giá trị cao nhất		100,00%	100,00%	93,94%	96,97%
Giá trị thấp nhất		69,23%	76,00%	72,00%	72,00%
Giá trị trung vị		88,37%	92,86%	87,50%	91,30%

Trung vị có 88,37% DN được hỏi đánh giá đơn vị Sở ngành linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi cho các DN; (Trung vị 92,86%) Chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh; (Trung vị 87,50%) Sở, ban, ngành và địa phương kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; (Trung vị 91,30%) Đối với những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp ngoài phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị thì cách phản ứng của Sở, ngành *Chủ động nghiên cứu, trao đổi/Xin ý kiến chỉ đạo*.

2.2.3. CSTP 3: Vai trò của người đứng đầu

CSTP Vai trò của người đứng đầu nhằm đo lường khả năng doanh nghiệp có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những quy hoạch, kế hoạch, định hướng phát triển và văn bản pháp lý mang tính

chất công khai của Sở, ban, ngành cần thiết cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch. Tính minh bạch khi được đảm bảo sẽ góp phần giảm các chi phí trong việc tìm hiểu về pháp luật, chính sách, quy định, cũng như giảm các sai sót cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính. Bên cạnh đó, khi các thông tin được công khai rõ ràng sẽ giúp doanh nghiệp có được sự nhìn nhận đầy đủ hơn về môi trường đầu tư, kinh doanh, giảm bớt tính bất định trong việc thực thi chính sách ở các sở, ban, ngành.



Hình 12: Kết quả phân nhóm CSTP 3: Vai trò của người đứng đầu

Kết quả đánh giá CSTP này được tính toán và trình bày tại Hình 12. Theo đó, kết quả đánh giá đã ghi nhận đơn vị có điểm số cao nhất đạt 9,42 điểm, đứng thứ nhất là Bảo hiểm xã hội tỉnh; kế đến là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương với 8,77 điểm và 8,21 điểm, trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong nhóm các Sở, ngành là Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, với 1,98 điểm.

Doanh nghiệp đánh giá các nhận định của công tác điều hành của người đứng đầu của đơn vị trong năm qua:

Bảng 10: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương có tinh thần dám quyết/ dám làm và dám chịu trách nhiệm (%Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý)	Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp (%Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý)	Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp (%Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý)	Hiện tượng "Cấp trên bảo cấp dưới không nghe" tại các sở, ban, ngành và địa phương (%Không tồn tại)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	96,08%	90,20%	94,00%	88,24%
2	Cục Quản lý thị trường	78,26%	86,96%	86,96%	78,26%
3	Sở Tài chính	95,00%	95,00%	95,00%	90,00%
4	Sở Công Thương	95,74%	97,87%	97,83%	91,30%
5	Công an tỉnh	94,29%	91,43%	97,22%	86,11%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	90,00%	93,33%	96,67%	86,67%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	78,26%	82,61%	86,96%	78,26%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	85,00%	95,00%	97,50%	86,84%
9	Sở Tư pháp	92,68%	94,87%	100,00%	87,50%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	90,00%	75,00%	90,00%	75,00%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	100,00%	100,00%	95,24%	95,45%
12	Sở Xây dựng	92,59%	88,89%	90,74%	87,04%
13	Sở Y tế	90,91%	81,82%	90,91%	86,36%
14	Thanh tra tỉnh	90,48%	90,48%	95,24%	95,24%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	93,33%	90,00%	100,00%	93,33%
16	Sở Giao thông Vận tải	84,00%	84,62%	100,00%	92,31%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	100,00%	93,55%	100,00%	100,00%
18	Cục Thuế tỉnh	87,50%	83,33%	93,75%	83,33%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	85,29%	87,88%	90,91%	75,76%
	Giá trị cao nhất	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
	Giá trị thấp nhất	78,26%	75,00%	86,96%	75,00%
	Giá trị trung vị	90,91%	90,20%	95,24%	87,04%

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành có tinh thần dám quyết/ dám làm và dám chịu trách nhiệm: trên 78,26% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *Đồng ý/Hoàn toàn đồng ý* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; trung vị đạt 90,91%).

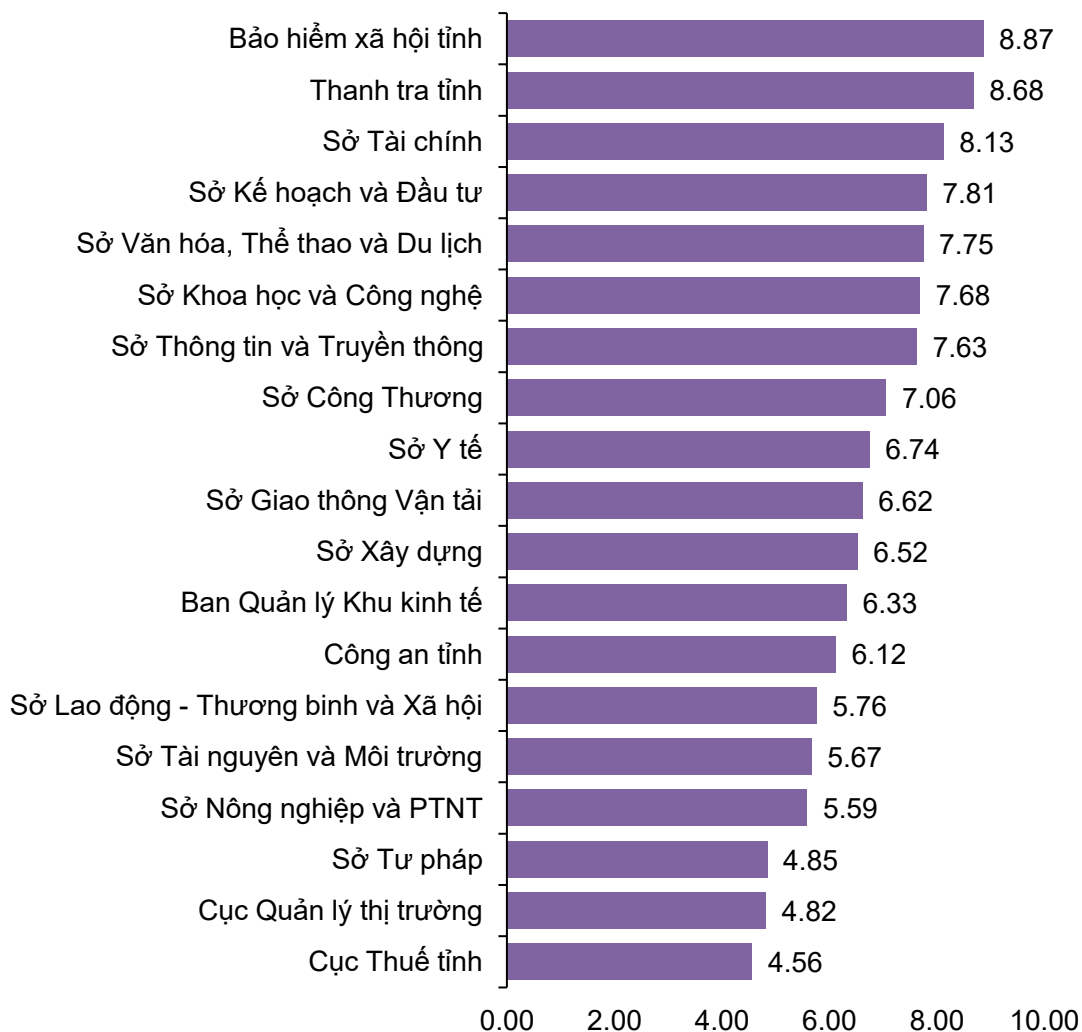
+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp: trung vị có 90,20% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *Đồng ý* và *Hoàn toàn đồng ý* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; thấp nhất đạt 75,00%).

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu sở, ban, ngành lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp: trên 86,96% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *Đồng ý/Hoàn toàn đồng ý* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; trung vị đạt 95,24%).

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá *Không tồn tại* Hiện tượng "Cấp trên bảo cấp dưới không nghe" tại các sở, ban, ngành và địa phương: trung vị 87,04%.

2.2.4. CSTP 4: Chi phí thời gian

CSTP Chi phí thời gian nhằm đo lường DN đánh giá chi phí và thời gian phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian DN phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước của địa phương thực hiện việc thanh tra, kiểm tra.



Hình 13: Kết quả phân nhóm CSTP 4: Chi phí thời gian

Kết quả đánh giá CSTP này được tính toán và trình bày tại Hình 13. Theo đó, kết quả đánh giá đã ghi nhận đơn vị có điểm số cao nhất đạt 8,87 điểm, đứng thứ nhất là Bảo hiểm xã hội tỉnh; kế đến là Thanh tra tỉnh với 8,68 điểm, trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong nhóm các Sở, ngành là Cục Thuế tỉnh, với 4,56 điểm.

Hoạt động thanh kiểm tra riêng:

Bảng 11: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Trong năm các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao nhiêu lần? (Tỷ lệ đánh giá không quá 1 lần)	Nội dung các cuộc thanh, kiểm tra có đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành (Tỷ lệ đánh giá tích cực)	Các cuộc thanh tra, kiểm tra ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (Tỷ lệ đánh giá tích cực)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	82,00%	91,67%	95,74%
2	Cục Quản lý thị trường	95,83%	80,00%	85,00%
3	Sở Tài chính	90,48%	88,24%	100,00%
4	Sở Công Thương	87,23%	97,62%	97,62%
5	Công an tỉnh	70,27%	96,97%	87,88%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	93,33%	91,67%	100,00%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	83,33%	90,48%	90,48%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	90,24%	86,11%	91,67%
9	Sở Tư pháp	85,37%	94,59%	97,30%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	95,24%	93,75%	87,50%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	86,96%	88,24%	100,00%
12	Sở Xây dựng	90,74%	91,84%	91,84%
13	Sở Y tế	95,65%	83,33%	94,44%
14	Thanh tra tỉnh	95,65%	95,00%	100,00%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	93,55%	96,30%	92,59%
16	Sở Giao thông Vận tải	89,29%	92,00%	96,00%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	81,25%	96,77%	100,00%
18	Cục Thuế tỉnh	82,35%	91,84%	91,84%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	94,29%	89,66%	86,67%
Giá trị cao nhất		95,83%	97,62%	100,00%
Giá trị thấp nhất		70,27%	80,00%	85,00%
Giá trị trung vị		90,24%	91,84%	94,44%

Đánh giá về chỉ tiêu “Trong năm các sở, ban, ngành thực hiện thanh tra, kiểm tra

doanh nghiệp bao nhiêu lần”: trung vị có 90,24% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *không quá 1 lần* (trong đó, cao nhất đạt 95,83%; thấp nhất đạt 70,27%).

Về chỉ tiêu “Nội dung các cuộc thanh, kiểm tra có đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành”: trung vị có 91,84% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *trong phạm vi* (trong đó, cao nhất đạt 97,62%; thấp nhất đạt 80,00%).

Khi được hỏi “Các cuộc thanh tra, kiểm tra ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp”: trung vị có 94,44% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *không ảnh hưởng* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; thấp nhất đạt 85,00%).

Hoạt động thực hiện TTHC:

Bảng 12: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn (Tỷ lệ đánh giá không có)	Các sở, ban, ngành và địa phương tuân thủ thời gian khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp (Tỷ lệ đánh giá sớm hạn và đúng hạn)	DN phải đi lại bao nhiêu lần để hoàn tất thủ tục hành chính (Tỷ lệ đánh giá Từ 1-2 lần)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	84,31%	97,92%	85,71%
2	Cục Quản lý thị trường	78,26%	100,00%	82,61%
3	Sở Tài chính	90,00%	100,00%	90,00%
4	Sở Công Thương	87,50%	95,74%	85,11%
5	Công an tỉnh	94,44%	97,22%	88,89%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	86,67%	96,67%	90,00%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	86,96%	100,00%	78,26%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	82,05%	97,44%	84,62%
9	Sở Tư pháp	72,50%	95,00%	77,50%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	90,00%	100,00%	90,00%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	86,36%	100,00%	90,91%
12	Sở Xây dựng	87,04%	94,44%	92,59%
13	Sở Y tế	86,36%	95,45%	95,45%
14	Thanh tra tỉnh	90,48%	100,00%	85,71%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	93,33%	96,67%	90,00%
16	Sở Giao thông Vận tải	88,89%	92,59%	92,59%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	93,75%	100,00%	93,55%
18	Cục Thuế tỉnh	79,59%	95,92%	77,55%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	91,18%	96,97%	78,79%

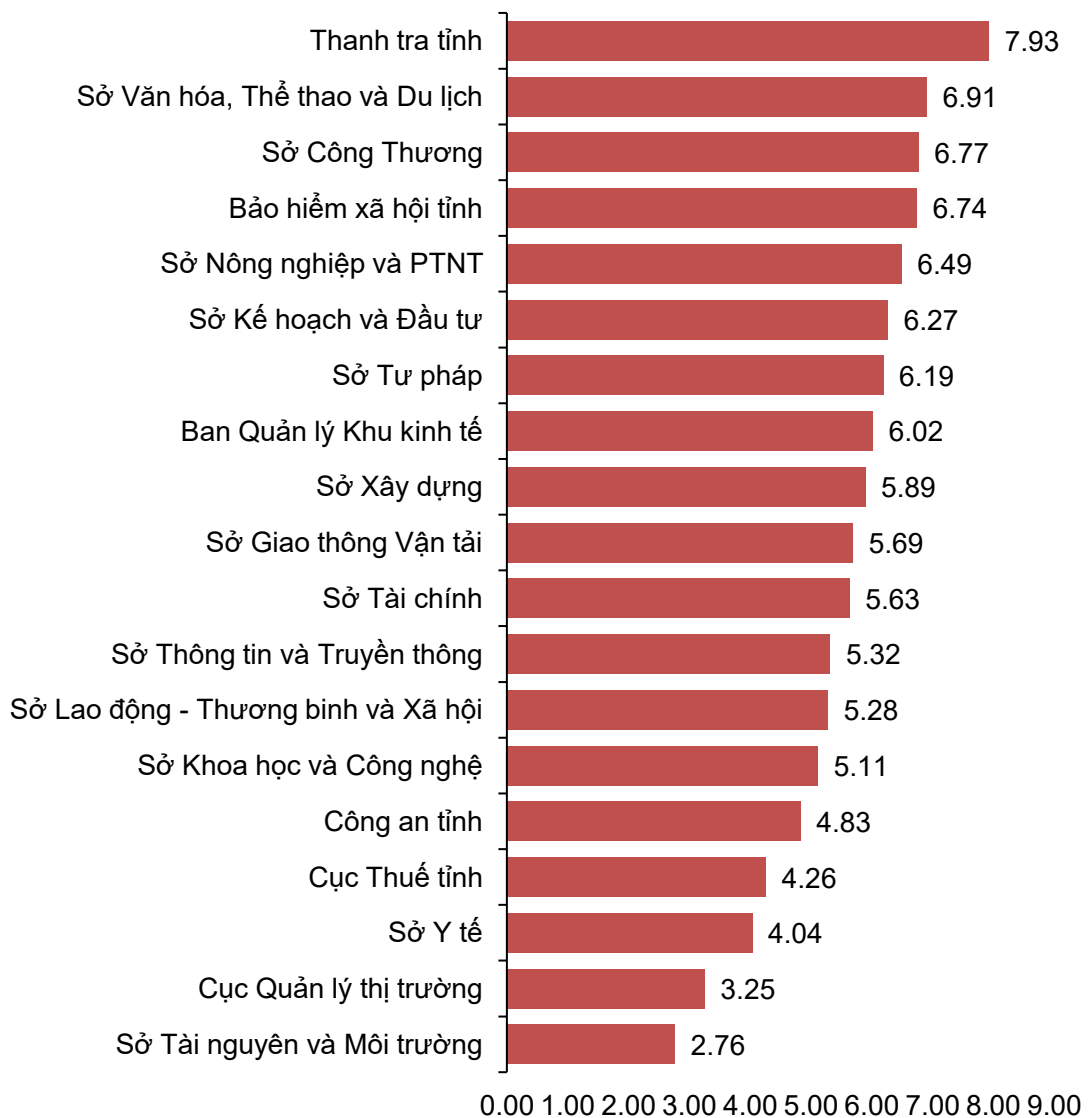
Giá trị cao nhất	94,44%	100,00%	95,45%
Giá trị thấp nhất	72,50%	92,59%	77,50%
Giá trị trung vị	87,04%	97,22%	88,89%

Đánh giá về chỉ tiêu “Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn”: trung vị có 87,04% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *không có* (trong đó, cao nhất đạt 94,44%; thấp nhất đạt 72,50%).

Về chỉ tiêu “Các sở, ban, ngành và địa phương tuân thủ thời gian khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp”: trung vị có 97,22% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *sớm hẹn và đúng hẹn* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; thấp nhất đạt 92,59%).

Khi được hỏi “DN phải đi lại bao nhiêu lần để hoàn tất thủ tục hành chính”: trung vị có 88,89% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *từ 1-2 lần* (trong đó, cao nhất đạt 95,45%; thấp nhất đạt 77,50%).

2.2.5. CSTP 5: Chi phí không chính thức



Hình 14: Kết quả phân nhóm CSTP 5: Chi phí không chính thức

Kết quả đánh giá CSTP này được tính toán và trình bày tại Hình 14. Theo đó, kết quả đánh giá đã ghi nhận đơn vị có điểm số cao nhất đạt 7,93 điểm, đứng thứ nhất là Thanh tra tỉnh; kế đến là Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Công Thương với điểm số lần lượt là 6,91 và 6,77 điểm, trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong nhóm các Sở, ngành là Sở Tài nguyên và Môi trường, với 2,76 điểm.

Tình trạng những nhiễu:

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức: trung vị có 72,73% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *không phải trả*.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Hiện tượng những nhiễu là phổ biến khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành”: trung vị 80,00% doanh nghiệp đánh giá *Không đồng ý*.

Bảng 13: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Doanh nghiệp có phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (Tỷ lệ đánh giá Không)	Hiện tượng những nhiễu là phổ biến khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành (Tỷ lệ đánh giá Không đồng ý)	Công việc sẽ đạt kết quả hơn nếu chi trả chi phí không chính thức (Tỷ lệ đánh giá đồng ý)	So với những năm trước thì chi phí không chính thức năm nay như thế nào (về giá trị)? (%Không tồn tại/Giảm bớt)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	84,00%	80,00%	49,02%	78,43%
2	Cục Quản lý thị trường	60,87%	78,26%	56,52%	52,17%
3	Sở Tài chính	70,00%	84,21%	63,16%	65,00%
4	Sở Công Thương	87,23%	85,11%	51,06%	78,72%
5	Công an tỉnh	72,22%	80,00%	42,86%	77,14%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	73,33%	76,67%	60,00%	66,67%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	69,57%	73,91%	73,91%	60,87%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	80,00%	83,33%	61,11%	72,22%
9	Sở Tư pháp	72,50%	81,58%	63,16%	73,68%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	68,42%	75,00%	70,00%	65,00%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	72,73%	90,91%	68,18%	68,18%
12	Sở Xây dựng	79,63%	75,47%	56,60%	77,36%
13	Sở Y tế	54,55%	71,43%	63,64%	68,18%
14	Thanh tra tỉnh	95,24%	95,24%	57,14%	71,43%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	80,00%	86,67%	43,33%	83,33%
16	Sở Giao thông Vận tải	77,78%	81,48%	66,67%	59,26%

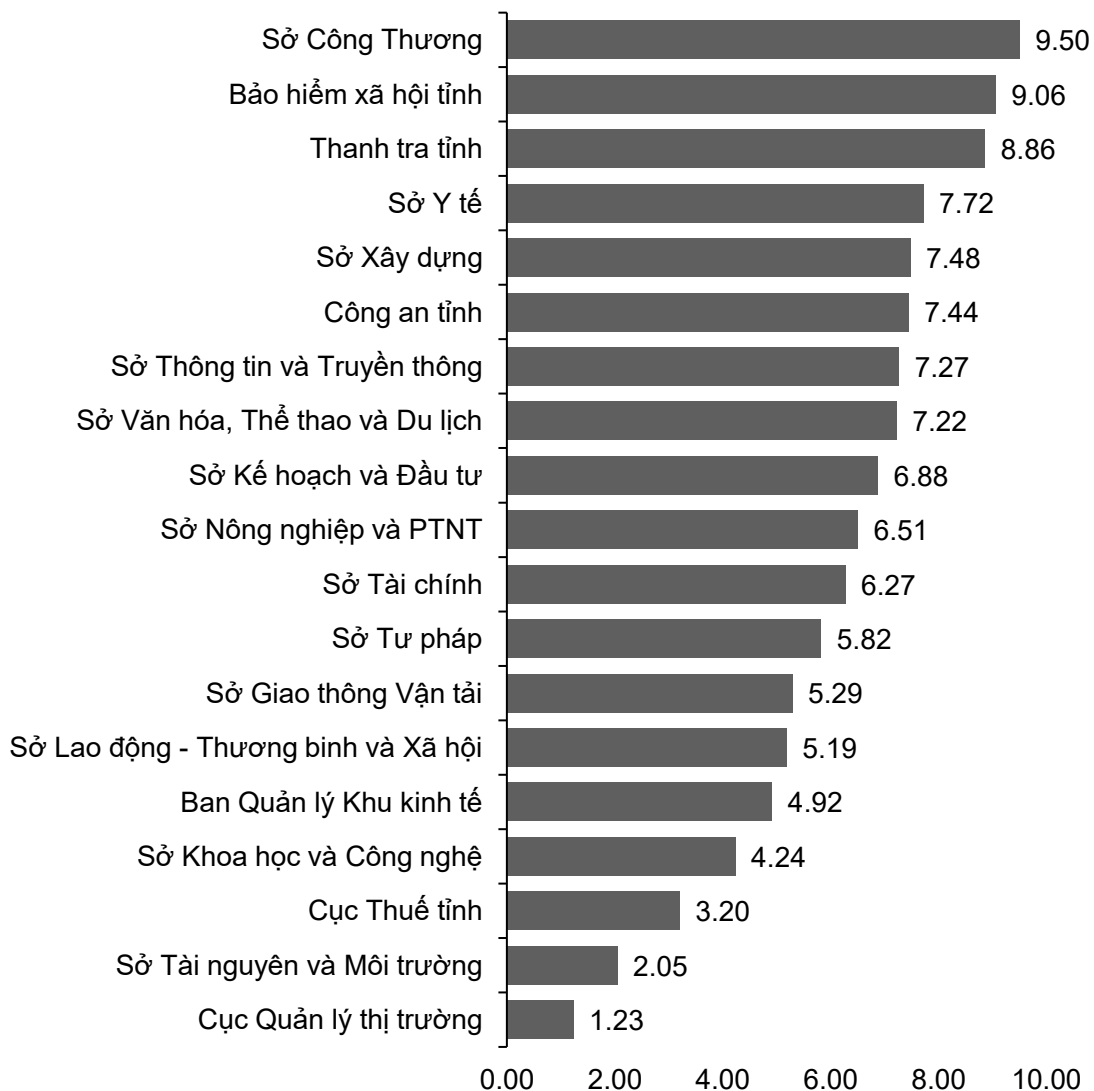
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	90,32%	86,21%	54,84%	70,97%
18	Cục Thuế tỉnh	70,21%	73,33%	60,00%	60,87%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	54,55%	66,67%	64,52%	54,84%
	Giá trị cao nhất	95,24%	95,24%	73,91%	83,33%
	Giá trị thấp nhất	54,55%	66,67%	42,86%	52,17%
	Giá trị trung vị	72,73%	80,00%	60,00%	68,18%

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Công việc sẽ đạt kết quả hơn nếu chi trả chi phí không chính thức: trung vị 60,00% doanh nghiệp đánh giá *Đồng ý* về nhận định này.

+ Có trên 52,17% DN được hỏi đánh giá rằng: so với những năm trước thì chi phí không chính thức năm nay (về giá trị) *Không tồn tại/Giảm bớt*.

2.2.6. CSTP 6: *Cạnh tranh bình đẳng*

CSTP Cạnh tranh bình đẳng nhằm đo lường DN đánh giá liệu các doanh nghiệp lớn hoặc doanh nghiệp thân hữu có hiện diện phổ biến hay không; Các hình thức đặc quyền, ưu đãi cụ thể khi tiếp cận các nguồn lực cho phát triển như đất đai, tín dụng...



Hình 15: Kết quả phân nhóm CSTP 5: *Cạnh tranh bình đẳng*

Kết quả đánh giá CSTP này được tính toán và trình bày tại Hình 15 Theo đó, kết quả đánh giá đã ghi nhận đơn vị có điểm số cao nhất đạt 9,50 điểm, đứng thứ nhất là Sở Công Thương; kế đến là Bảo hiểm xã hội tỉnh với điểm số 9,06 điểm, trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong nhóm các Sở, ngành là Cục Quản lý thị trường, với 1,23 điểm.

Bảng 14: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Cảnh tranh bình đẳng của các Sở, ngành

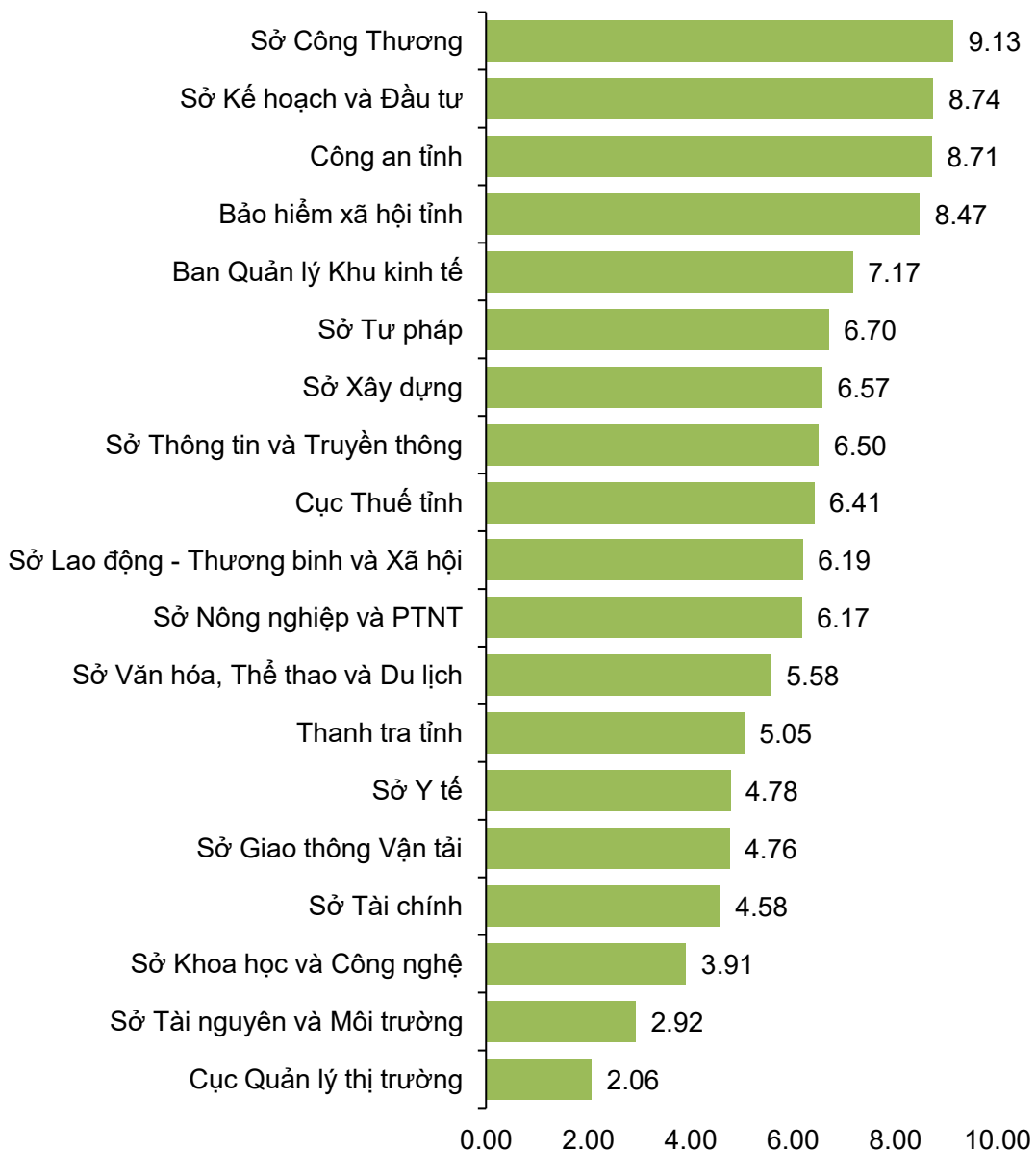
STT	Đơn vị	Doanh nghiệp sân sau, doanh nghiệp thân hữu được ưu ái, ưu tiên hơn so với các doanh nghiệp khác (Tỷ lệ đánh giá Không đồng ý)	Doanh nghiệp lớn được ưu ái, ưu tiên hơn so với các doanh nghiệp khác (Tỷ lệ đánh giá Không đồng ý)	Việc ưu ái cho các DN sân sau, DN thân hữu (nếu có) có gây khó khăn cho DN không (Tỷ lệ đánh giá không ảnh hưởng)	Việc ưu ái cho các DN lớn (nếu có) có gây khó khăn cho DN (Tỷ lệ đánh giá không ảnh hưởng)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	70,00%	72,00%	87,76%	89,80%
2	Cục Quản lý thị trường	60,87%	60,87%	78,26%	78,26%
3	Sở Tài chính	75,00%	75,00%	95,00%	90,00%
4	Sở Công Thương	89,36%	89,36%	97,83%	97,83%
5	Công an tỉnh	77,78%	86,11%	91,67%	94,44%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	60,00%	70,00%	89,66%	89,66%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	73,91%	82,61%	86,96%	82,61%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	82,05%	79,49%	84,21%	94,87%
9	Sở Tư pháp	75,00%	80,00%	87,18%	89,74%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	80,00%	90,00%	90,00%	90,00%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	77,27%	77,27%	95,45%	95,45%
12	Sở Xây dựng	83,33%	85,19%	92,59%	90,74%
13	Sở Y tế	72,73%	81,82%	95,45%	100,00%
14	Thanh tra tỉnh	85,71%	85,00%	100,00%	95,24%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	86,67%	83,33%	86,67%	90,00%
16	Sở Giao thông Vận tải	74,07%	77,78%	88,89%	85,19%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	83,33%	83,33%	100,00%	100,00%
18	Cục Thuế tỉnh	61,70%	68,09%	84,78%	84,78%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	57,58%	69,70%	81,25%	78,79%

Giá trị cao nhất	89,36%	90,00%	100,00%	100,00%
Giá trị thấp nhất	57,58%	60,87%	78,26%	78,26%
Giá trị trung vị	75,00%	80,00%	89,66%	90,00%

Mức độ hiện diện của doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp thân hữu của sở, ban, ngành: trên 57,58% DN được hỏi đánh giá “Không có sự ưu ái, ưu tiên hơn cho Doanh nghiệp sâu sau, doanh nghiệp thân hữu”; trên 60,87% đánh giá “Không có sự ưu ái, ưu tiên hơn cho các doanh nghiệp lớn” và trên 78,26% đánh giá “Việc ưu ái cho các DN sâu sau, DN thân hữu, DN lớn không gây khó khăn cho DN”.

2.2.7. CSTP 7: Hỗ trợ doanh nghiệp

CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp nhằm đo lường DN đánh giá về việc tiếp cận các chương trình, chính sách, sáng kiến của tỉnh hỗ trợ; DN tiếp cận chính sách, đối thoại chính sách.



Hình 16: Kết quả phân nhóm CSTP 7: Hỗ trợ doanh nghiệp

Kết quả đánh giá CSTP này được tính toán và trình bày tại Hình 16. Theo đó, kết quả đánh giá đã ghi nhận đơn vị có điểm số cao nhất đạt 9,13 điểm, đứng thứ nhất là Sở Công Thương; kế đến là Sở Kế hoạch và Đầu tư với 8,74 điểm, trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong nhóm các Sở, ngành là Cục Quản lý thị trường, với 2,06 điểm.

Chương trình hỗ trợ, trao đổi thông tin, đối thoại với doanh nghiệp:

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Tần suất tổ chức các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do các sở, ban, ngành tổ chức mà doanh nghiệp được biết: Đa số Doanh nghiệp có biết (trung vị đạt 88,46%) (trong đó, cao nhất với 96,67%; thấp nhất là 77,27%).

Khi được hỏi đánh giá về “DN cảm nhận thế nào về chất lượng các chương trình hỗ trợ DN do sở, ban, ngành tổ chức”: trung vị đạt 88,89% đánh giá *thiết thực*.

Doanh nghiệp đánh giá Tần suất tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp do sở, ban, ngành tổ chức mà doanh nghiệp được biết: Đa số Doanh nghiệp đánh giá *trên 1 lần* (trung vị đạt 88,46%) (trong đó, cao nhất với 95,65%; thấp nhất là 75,00%).

Bảng 15: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Tần suất tổ chức các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức mà doanh nghiệp được biết (Tỷ lệ đánh giá có)	DN cảm nhận thế nào về chất lượng các chương trình hỗ trợ DN do sở, ban, ngành và địa phương tổ chức (Tỷ lệ đánh giá thiết thực)	Tần suất tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp do sở, ban, ngành và địa phương tổ chức mà doanh nghiệp được biết (Tỷ lệ đánh giá trên 1 lần)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	92,31%	86,79%	94,23%
2	Cục Quản lý thị trường	77,27%	80,00%	77,27%
3	Sở Tài chính	84,21%	82,35%	78,95%
4	Sở Công Thương	95,65%	93,33%	95,65%
5	Công an tỉnh	94,29%	91,43%	94,29%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	86,21%	78,57%	85,19%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	95,45%	85,71%	90,48%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	94,74%	89,19%	91,89%
9	Sở Tư pháp	87,18%	92,11%	86,84%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	89,47%	88,89%	84,21%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	85,71%	89,47%	80,95%
12	Sở Xây dựng	90,57%	90,20%	92,45%

13	Sở Y tế	85,71%	80,00%	85,71%
14	Thanh tra tỉnh	80,00%	89,47%	75,00%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	86,21%	92,86%	92,86%
16	Sở Giao thông Vận tải	88,46%	84,00%	88,46%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	96,67%	93,33%	93,33%
18	Cục Thuế tỉnh	91,67%	85,11%	93,62%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	83,87%	74,19%	83,87%
	Giá trị cao nhất	96,67%	93,33%	95,65%
	Giá trị thấp nhất	77,27%	74,19%	75,00%
	Giá trị trung vị	88,46%	88,89%	88,46%

Hoạt động đối thoại, trả lời phản ánh, vướng mắc của doanh nghiệp:

Bảng 16: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Hỗ trợ DN của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin những vướng mắc, kiến nghị, khó khăn được giải quyết (Tỷ lệ đánh giá được giải quyết)	Sở, ban, ngành và địa phương có thường xuyên quan tâm đến các doanh nghiệp nhỏ (Tỷ lệ đánh giá quan tâm)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	78,43%	68,63%
2	Cục Quản lý thị trường	66,67%	57,14%
3	Sở Tài chính	78,95%	66,67%
4	Sở Công Thương	86,96%	73,33%
5	Công an tỉnh	86,11%	74,29%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	64,29%	66,67%
7	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	77,27%	57,14%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	69,44%	59,46%
9	Sở Tư pháp	81,58%	67,57%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	78,95%	72,22%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	71,43%	75,00%
12	Sở Xây dựng	75,47%	62,75%
13	Sở Y tế	76,19%	65,00%
14	Thanh tra tỉnh	80,00%	73,68%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	89,66%	82,14%
16	Sở Giao thông Vận tải	72,00%	56,00%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	80,00%	72,41%
18	Cục Thuế tỉnh	76,09%	63,83%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	71,88%	54,84%
	Giá trị cao nhất	89,66%	82,14%

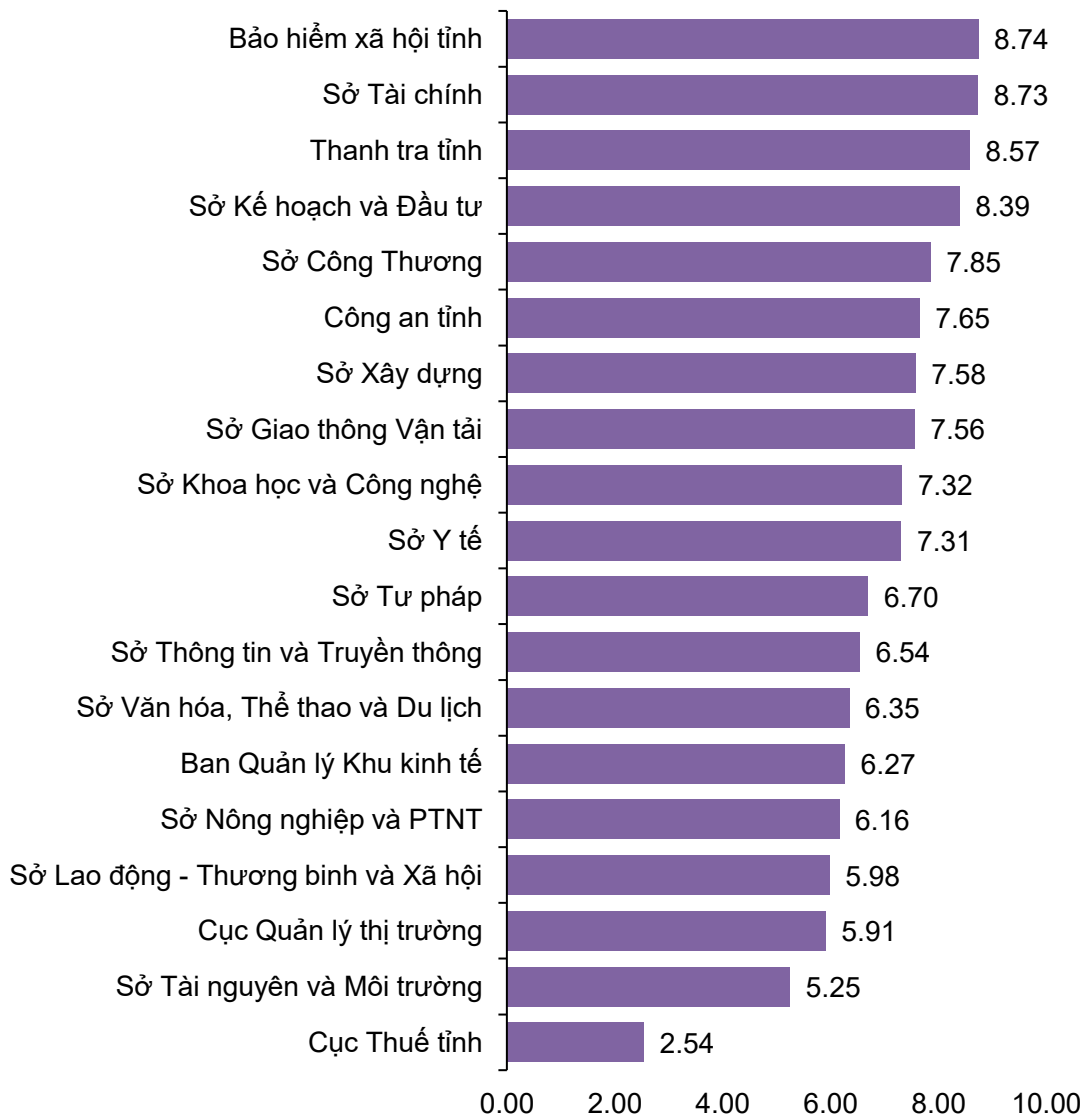
Giá trị thấp nhất	64,29%	54,84%
Giá trị trung vị	77,27%	66,67%

Những doanh nghiệp đã từng tham gia hoạt động đối thoại, trao đổi thông tin với doanh nghiệp: DN đánh giá sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin những vướng mắc, kiến nghị, khó khăn được giải quyết (trung vị đạt 77,27%) (trong đó, cao nhất tại Sở Kế hoạch và Đầu tư với 89,66%).

Khi được hỏi đánh giá về “Sở, ban, ngành có thường xuyên quan tâm đến các doanh nghiệp nhỏ”: trung vị đạt 66,67% đánh giá *Có quan tâm* (trong đó, tỷ trọng có quan tâm cao nhất tại Sở Kế hoạch và Đầu tư với 82,14%).

2.2.8. CSTP 8: Thiết chế pháp lý

CSTP Thiết chế pháp lý nhằm đo lường DN đánh giá Sở, ban ngành thực hiện hiệu quả các văn bản pháp luật nghiêm minh theo đúng quy trình, quy định; DN đánh giá Sở, ban ngành trong việc hỗ trợ pháp lý cho DN khi họ có phản ánh, khiếu nại, kiến nghị, tố cáo hành vi vi phạm.



Hình 17: Kết quả phân nhóm CSTP 8: Thiết chế pháp lý

Kết quả đánh giá CSTP Thiết chế pháp lý cho thấy, đơn vị có điểm số cao nhất đạt 8,74 điểm, đứng thứ nhất là Bảo hiểm xã hội tỉnh; kế đến là Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh với số điểm lần lượt là 8,73 và 8,57 điểm, trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong nhóm các Sở, ngành là Cục Thuế tỉnh, với 2,54 điểm.

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành “Các văn bản pháp luật đã ban hành trong năm được doanh nghiệp đánh giá tốt và có tính thực thi cao”: trên 89,80% doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát, đánh giá *có tính thực thi cao* (trong đó, cao nhất tại Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Thanh tra tỉnh; Sở Giao thông Vận tải).

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành “Công tác truyền thông và phổ biến văn bản pháp luật đang được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ”: trên 89,58% doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát, đánh giá *đồng ý* (trong đó, cao nhất với 100,00%; trung vị đạt 95,24%).

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sở, ban, ngành “Việc thực thi văn bản pháp luật được thực hiện nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định”: trên 97,37% doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát, đánh giá *đồng ý* (trong đó, cao nhất với 100,00%).

Bảng 17: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Các văn bản pháp luật đã ban hành trong năm được doanh nghiệp đánh giá tốt và có tính thực thi cao (Tỷ lệ đánh giá có)	Công tác truyền thông và phổ biến văn bản pháp luật đang được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ (Tỷ lệ đánh giá đồng ý)	Việc thực thi văn bản pháp luật được thực hiện nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (Tỷ lệ đánh giá đồng ý)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	89.80%	91.84%	100.00%
2	Cục Quản lý thị trường	95.00%	100.00%	100.00%
3	Sở Tài chính	94.74%	100.00%	100.00%
4	Sở Công Thương	97.83%	93.33%	100.00%
5	Công an tỉnh	97.22%	94.29%	100.00%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	100.00%	100.00%	100.00%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	100.00%	95.45%	100.00%
8	Sở Nông nghiệp và PTNT	97.30%	94.44%	100.00%
9	Sở Tư pháp	97.30%	92.11%	97.37%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	94.74%	94.74%	100.00%

11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	90.48%	90.48%	100.00%
12	Sở Xây dựng	97.87%	95.83%	100.00%
13	Sở Y tế	95.24%	95.24%	100.00%
14	Thanh tra tỉnh	100.00%	100.00%	100.00%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	93.10%	96.55%	100.00%
16	Sở Giao thông Vận tải	100.00%	100.00%	100.00%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	96.55%	100.00%	100.00%
18	Cục Thuế tỉnh	91.11%	89.58%	97.87%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	96.55%	93.10%	100.00%
	Giá trị cao nhất	100.00%	100.00%	100.00%
	Giá trị thấp nhất	89.80%	89.58%	97.37%
	Giá trị trung vị	96.55%	95.24%	100.00%

Mức độ đánh giá của doanh nghiệp trong trường hợp có gặp cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan sở, ban, ngành làm trái với các quy định của pháp luật: trung vị có 77,78% doanh nghiệp đánh giá các khiếu nại của doanh nghiệp lên lãnh đạo các sở, ban, ngành luôn được giải quyết thỏa đáng; 92,59% DN đánh giá có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phản ánh, khiếu nại hành vi sai trái; trung vị có 83,33% doanh nghiệp cho rằng luôn có cách thức đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, khiếu nại.

Bảng 18: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của các Sở, ngành

STT	Đơn vị	Các khiếu nại của doanh nghiệp lên lãnh đạo các sở, ban, ngành và địa phương có được giải quyết thỏa đáng (Tỷ lệ đánh giá luôn luôn)	Có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phản ánh, khiếu nại hành vi sai trái (Tỷ lệ đánh giá đồng ý)	Luôn có cách thức đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, khiếu nại (Tỷ lệ đánh giá đảm bảo)
1	Ban Quản lý Khu kinh tế	86,00%	90,00%	92,00%
2	Cục Quản lý thị trường	65,22%	86,96%	73,91%
3	Sở Tài chính	68,42%	100,00%	95,00%
4	Sở Công Thương	80,85%	97,87%	93,62%
5	Công an tỉnh	86,11%	91,67%	83,33%
6	Sở Khoa học và Công nghệ	83,33%	86,67%	75,86%
7	Sở Lao động - Thương binh và XH	65,22%	95,65%	73,91%

8	Sở Nông nghiệp và PTNT	77,50%	82,05%	82,05%
9	Sở Tư pháp	79,49%	100,00%	92,31%
10	Sở Thông tin và Truyền thông	75,00%	90,00%	80,00%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	68,18%	95,45%	86,36%
12	Sở Xây dựng	69,81%	94,34%	92,45%
13	Sở Y tế	81,82%	90,91%	81,82%
14	Thanh tra tỉnh	85,71%	95,24%	80,95%
15	Sở Kế hoạch và Đầu tư	83,33%	93,33%	90,00%
16	Sở Giao thông Vận tải	77,78%	92,59%	77,78%
17	Bảo hiểm xã hội tỉnh	83,87%	93,55%	87,10%
18	Cục Thuế tỉnh	69,39%	83,67%	79,59%
19	Sở Tài nguyên và Môi trường	69,70%	87,88%	84,85%
	Giá trị cao nhất	86,11%	100,00%	95,00%
	Giá trị thấp nhất	65,22%	82,05%	73,91%
	Giá trị trung vị	77,78%	92,59%	83,33%



PHẦN 3

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ

PHẦN 3:

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC
CẠNH TRANH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ

3.1. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CHỈ SỐ NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP HUYỆN, THÀNH PHỐ CỦA TỈNH KON TUM NĂM 2024

Điểm tổng hợp Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Huyện, thành phố của tỉnh Kon Tum năm 2024 được thể hiện ở dưới đây:

Bảng 19: Điểm số và vị trí sắp xếp theo tổng điểm của các Huyện, thành phố

Thứ hạng năm 2024	Đơn vị được đánh giá	Điểm tổng hợp	Xếp loại năm 2024
1	TP. Kon Tum	86,62	Rất Tốt
2	H. Kon Rẫy	80,72	Rất Tốt
3	H. Kon Plông	79,48	Rất Tốt
4	H. Sa Thầy	73,35	Tốt
5	H. Đăk Glei	61,51	Khá
6	H. Ia H'Drai	56,41	Khá
7	H. Tu Mơ Rông	55,43	Khá
8	H. Ngọc Hồi	49,70	Khá
9	H. Đăk Hà	44,67	Trung bình
10	H. Đăk Tô	36,21	Trung bình

Kết quả đánh giá tổng hợp chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện/thành phố (DistCI) tỉnh Kon Tum năm 2024 được trình bày tại Bảng trên. Trung bình điểm số đánh giá của khối huyện/thành phố là 62,41 điểm (độ lệch chuẩn 16,93), giá trị trung vị là 58,96 điểm. Độ lệch chuẩn khá lớn cho thấy mức độ chênh lệch lớn trong năng lực điều hành kinh tế và năng lực cạnh tranh của UBND các Huyện, thành phố của tỉnh Kon Tum năm 2024. Độ lệch chuẩn của chỉ số DistCI tổng hợp là 16,93 điểm (cao hơn mức 14,56 điểm của khối các Sở, ngành) – được đánh giá là còn khá lớn, mức độ chênh lệch rộng hơn nhóm Sở, ngành, phần nào cho thấy mức độ kém đồng đều hơn trong cải thiện chất lượng điều hành kinh tế giữa các đơn vị cấp Huyện, thành phố so với các đơn vị cấp Sở, ngành.

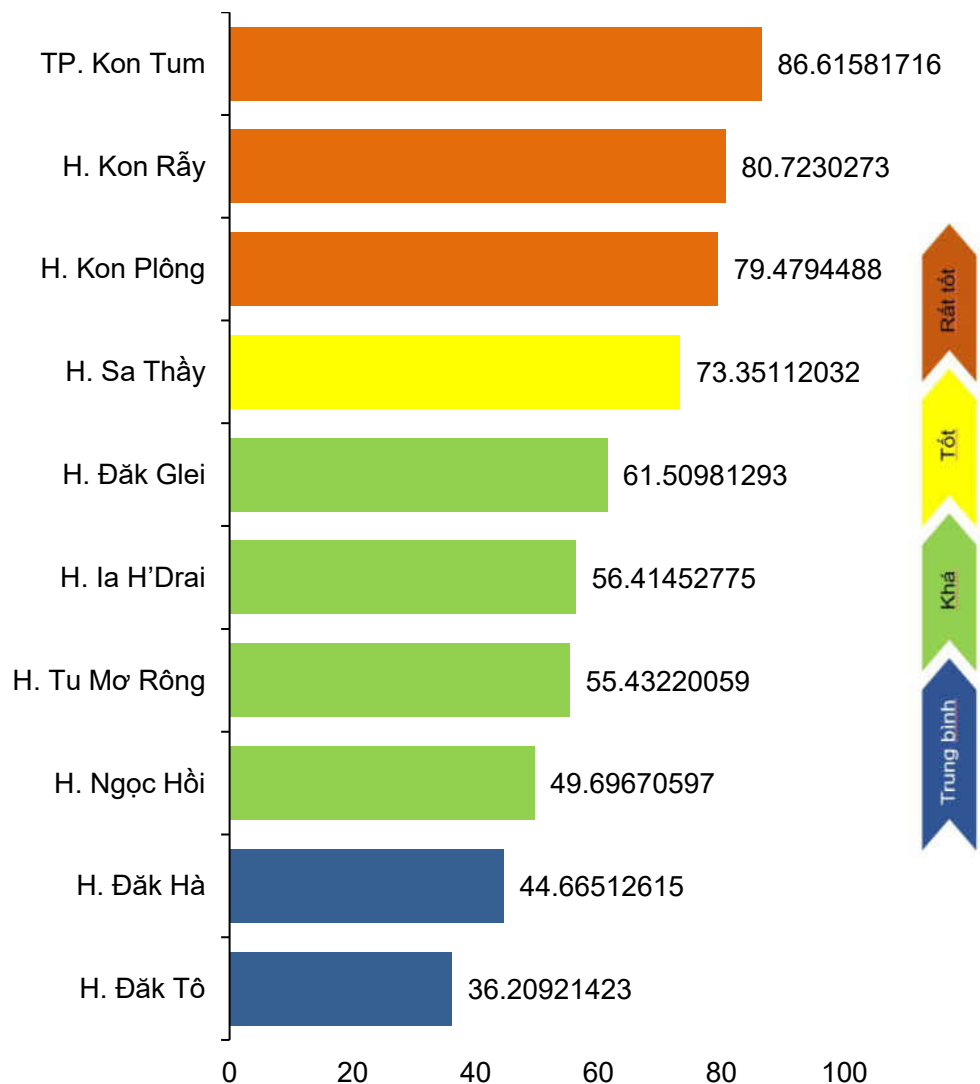
Kết quả đánh giá DistCI 2024 cho thấy, TP Kon Tum có điểm số cao nhất với 86,62 điểm, xếp hạng Rất Tốt; kế đến là huyện Kon Rẫy (80,72 điểm), xếp hạng Rất Tốt; thấp nhất là huyện Đăk Tô (36,21 điểm), xếp loại Trung bình.

Trên kết quả đánh giá năm 2024, nhóm nghiên cứu đã tiến hành phân nhóm các huyện/thành phố của tỉnh dựa trên các mốc của bách phân vị. Theo đó, Nhóm 'Rất tốt'

có số điểm đánh giá lớn hơn hoặc bằng 79,34. Đối với nhóm ‘Tốt’ có số điểm đánh giá thấp hơn 79,34 điểm và lớn hơn hoặc bằng 62,41 điểm. Nhóm ‘Khá’ được nhận dạng gồm những đơn vị có điểm đánh giá thấp hơn 62,41 điểm và lớn hơn hoặc bằng 45,48 điểm. Nhóm ‘Trung bình’ gồm những đơn vị có điểm đánh giá thấp hơn 45,48 điểm.

Kết quả phân nhóm cuối cùng (Hình 18) được nhận dạng như sau:

- Nhóm Rất tốt gồm: TP. Kon Tum; Huyện Kon Rẫy; Huyện Kon Plông.
- Nhóm Tốt gồm: Huyện Sa Thầy.
- Nhóm Khá gồm: Huyện Đăk Glei; Huyện Ia H’Drai; Huyện Tu Mơ Rông; Huyện Ngọc Hồi.
- Nhóm Trung bình gồm các đơn vị còn lại.



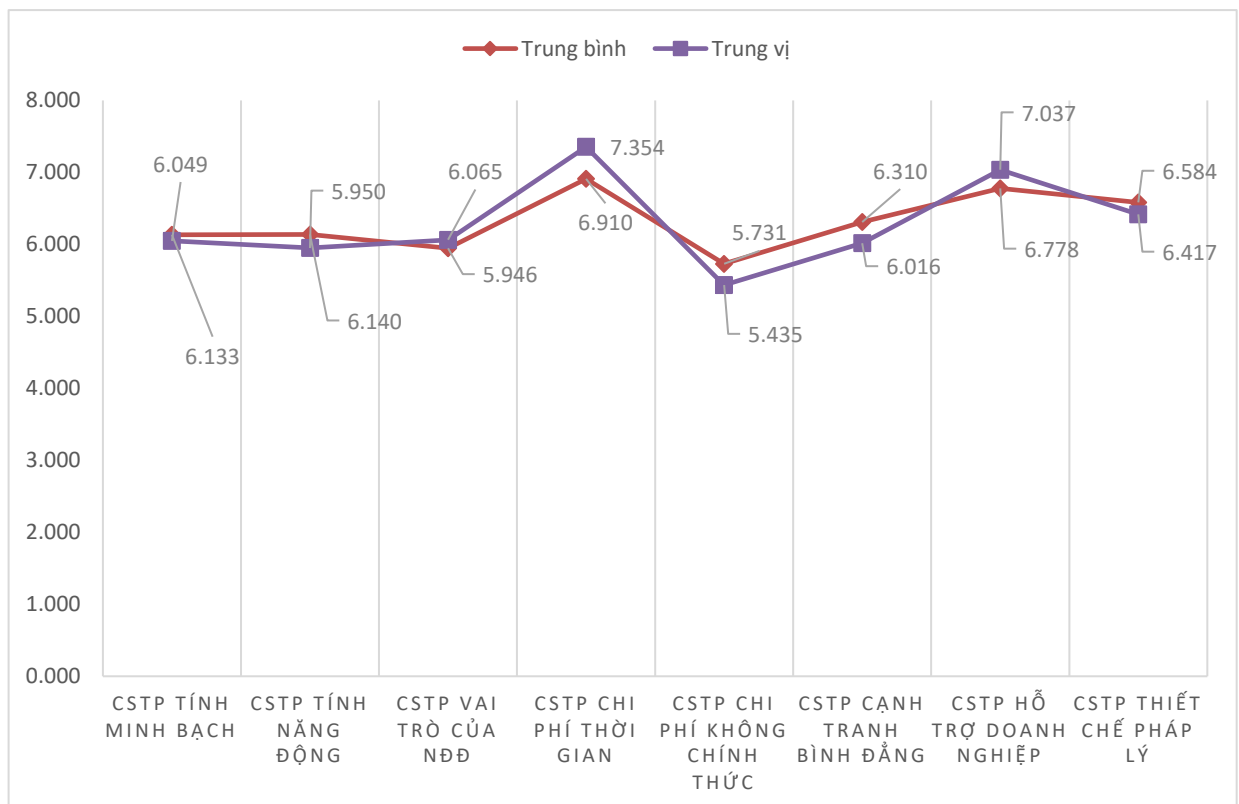
Hình 18: Kết quả phân nhóm Chỉ số DistCI tổng hợp

Bảng 20 trình bày một số chỉ tiêu thống kê của chỉ số tổng hợp và các CSTP của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện/thành phố tỉnh Kon Tum năm 2024. Các chỉ tiêu thống kê được cung cấp bao gồm giá trị trung bình, giá trị trung vị và độ lệch chuẩn.

Bảng 20: Kết quả thống kê các CSTP của DistCI

Các chỉ số	Trung bình	Độ lệch chuẩn	Trung vị
Chỉ số tổng hợp	62,410	16,934	58,962
CSTP Tính minh bạch	6,133	2,272	6,049
CSTP Tính năng động	6,140	2,524	5,950
CSTP Vai trò của NĐĐ	5,946	2,258	6,065
CSTP Chi phí thời gian	6,910	2,007	7,354
CSTP Chi phí không chính thức	5,731	1,571	5,435
CSTP Cạnh tranh bình đẳng	6,310	1,508	6,016
CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp	6,778	2,021	7,037
CSTP Thiết chế pháp lý	6,584	1,832	6,417

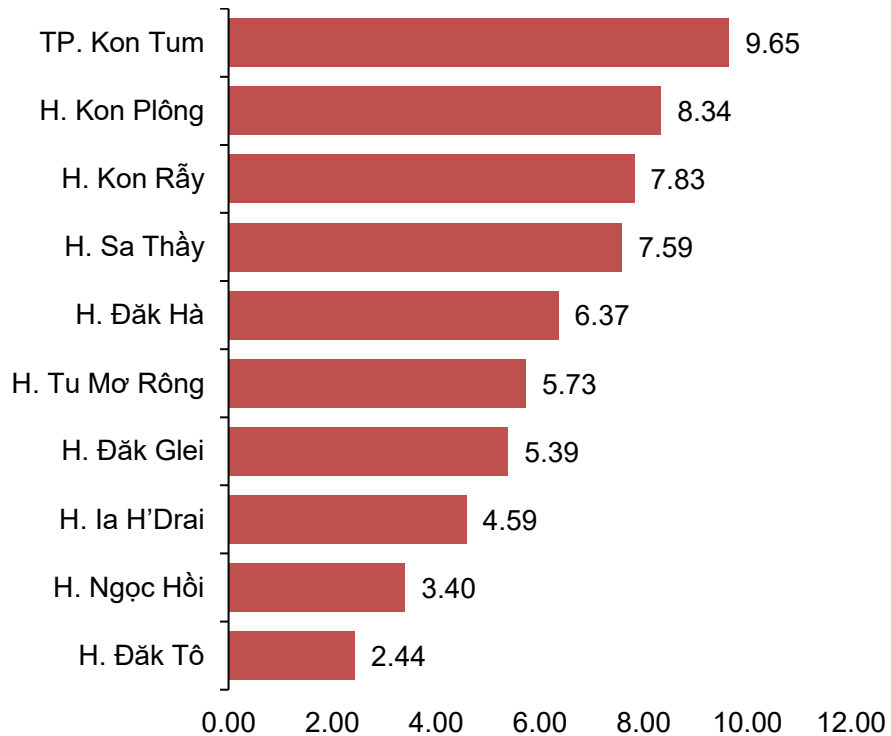
Hình 19 trực quan kết quả thống kê về giá trị trung bình và trung vị của các CSTP của DistCI. Theo đó, các CSTP được nhận dạng có điểm trung bình và trung vị tương đối thấp cần phải được cải thiện gồm: CSTP 1 – Tính minh bạch; CSTP 2 – Tính năng động; CSTP 3 – Vai trò của người đứng đầu; CSTP 5 – Chi phí không chính thức.



Hình 19: So sánh điểm trung bình và trung vị của các CSTP của DistCI

3.2. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC CHỈ SỐ THÀNH PHẦN (DistCI)

3.2.1. CSTP 1: Tính minh bạch



Hình 20: Kết quả phân nhóm CSTP 1: Tính minh bạch

Điểm số Tính minh bạch của các đơn vị cấp Huyện của tỉnh Kon Tum trong khảo sát năm 2024 ở mức điểm Trung bình khá (điểm trung vị đạt 6,55). Đơn vị được đánh giá cao nhất là TO Kon Tum với 9,65 điểm, trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong nhóm các đơn vị cấp huyện là Huyện Đăk Tô, với 2,44 điểm. Dữ liệu cho thấy, phổ điểm Tính minh bạch ở nhóm các đơn vị cấp Huyện cao hơn so với nhóm các Sở, ngành.

Mức độ hữu ích, tính minh bạch của các thông tin

Doanh nghiệp đánh giá Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của nhóm đơn vị cấp huyện, đơn vị có tỷ trọng DN đánh giá *Đễ tiếp cận/Tương đối dễ tiếp cận* đạt mức tỷ trọng trung vị 87,75% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 93,10%; thấp nhất với 82,50%).

“Mức độ thường xuyên truy cập vào website của các đơn vị cấp huyện” có tỷ trọng DN đánh giá *Rất thường xuyên/Thường xuyên* đạt mức tỷ trọng trung vị 61,08% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 89,66%; thấp nhất với 10,34%).

Khi được hỏi đánh giá “Tính hữu ích của thông tin trên website của các đơn vị cấp huyện đối với doanh nghiệp” có tỷ trọng DN đánh giá *Rất hữu ích/Tương đối hữu ích* đạt mức tỷ trọng trung vị 86,76% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 100,00%; thấp nhất với 72,00%).

Bảng 21: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính minh bạch của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Khả năng tiếp cận tài liệu, thông tin (tài liệu quy hoạch hoặc văn bản quy phạm pháp luật) của sở, ban, ngành và địa phương (Tỷ lệ Dễ tiếp cận)	Thường xuyên truy cập vào website của các sở, ban, ngành và địa phương (Tỷ lệ thường xuyên)	Tính hữu ích của thông tin trên website của các sở, ban, ngành và địa phương đối với doanh nghiệp (Tỷ lệ hữu ích)
1	H. Tu Mơ Rông	87.50%	36.00%	92.00%
2	H. Ia H'Drai	82.61%	60.87%	82.61%
3	H. Đăk Glei	87.10%	61.29%	77.42%
4	H. Sa Thầy	91.67%	70.83%	83.33%
5	H. Kon Plông	92.16%	75.51%	90.20%
6	H. Đăk Hà	86.36%	63.64%	90.91%
7	H. Ngọc Hồi	88.00%	56.00%	72.00%
8	H. Kon Rẫy	93.10%	10.34%	96.55%
9	H. Đăk Tô	82.50%	45.00%	72.50%
10	TP. Kon Tum	93.10%	89.66%	100.00%
	Giá trị cao nhất	93.10%	89.66%	100.00%
	Giá trị thấp nhất	82.50%	10.34%	72.00%
	Giá trị trung vị	87.75%	61.08%	86.76%

Doanh nghiệp đánh giá “Tính kịp thời cung cấp thông tin” của các đơn vị cấp huyện, đơn vị có tỷ trọng DN đánh giá *Rất kịp thời/Tương đối kịp thời* đạt mức tỷ trọng trung vị 91,24% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 96,55%; thấp nhất với 80,00%).

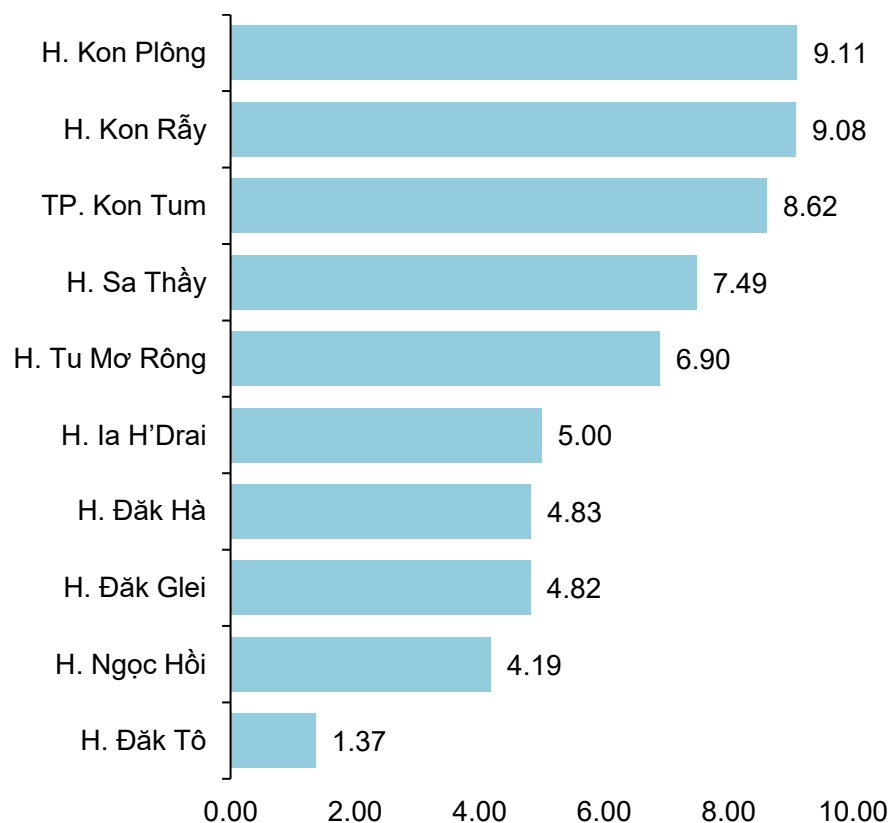
Đánh giá về “Nội dung thông tin được cung cấp” có tỷ trọng DN đánh giá *Rất rõ ràng/Rõ ràng* đạt mức tỷ trọng trung vị 82,58% (trong đó, đơn vị cao nhất đạt 96,55%; thấp nhất với 56,00%).

Bảng 22: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính minh bạch của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Tính kịp thời cung cấp thông tin (Tỷ lệ đánh giá Kịp thời)	Nội dung thông tin được cung cấp (Tỷ lệ đánh giá rõ ràng)
1	H. Tu Mơ Rông	92.00%	72.00%

2	H. Ia H'Drai	86.96%	78.26%
3	H. Đăk Glei	86.67%	87.10%
4	H. Sa Thầy	95.83%	83.33%
5	H. Kon Plông	94.12%	90.20%
6	H. Đăk Hà	90.48%	81.82%
7	H. Ngọc Hồi	84.00%	56.00%
8	H. Kon Rẫy	96.55%	93.10%
9	H. Đăk Tô	80.00%	70.00%
10	TP. Kon Tum	93.33%	96.55%
Giá trị cao nhất		96.55%	96.55%
Giá trị thấp nhất		80.00%	56.00%
Giá trị trung vị		91.24%	82.58%

3.2.2. CSTP 2: Tính năng động



Hình 21: Kết quả phân nhóm CSTP 2: Tính năng động

Điểm số Tính năng động của các đơn vị cấp Huyện của tỉnh Kon Tum trong khảo sát năm 2024 ở mức điểm Trung bình (điểm trung vị đạt 5,95). Đơn vị được đánh giá cao nhất là Huyện Kon Plông với 9,11 điểm, trong khi đó đơn vị có điểm số thấp nhất trong

nhóm các đơn vị cấp huyện là Huyện Đăk Tô, với 1,37 điểm. Dữ liệu cho thấy, phổ điểm Tính năng động ở nhóm các đơn vị cấp Huyện thấp hơn so với nhóm các Sở, ngành.

Liên quan đến Tính năng động của các Huyện/TP trong việc triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và của UBND tỉnh trong năm qua:

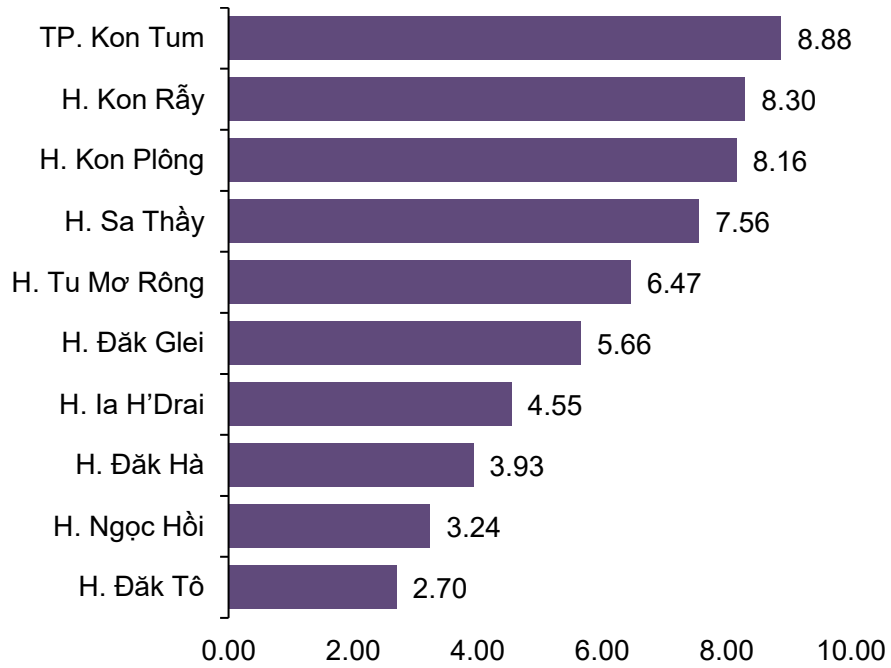
Bảng 23: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Tính năng động của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Các sở, ban, ngành và địa phương linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi cho các DN (%Hoàn toàn đồng ý/Đồng ý)	Cách phản ứng của các sở, ban, ngành và địa phương trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh (Tỷ lệ đánh giá tích cực)	Sở, ban, ngành và địa phương có kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình (Tỷ lệ đánh giá kịp thời)	Đối với những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp ngoài phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị thì cách phản ứng của đơn vị (Tỷ lệ đánh giá tích cực)
1	H. Tu Mơ Rông	96.00%	96.00%	76.00%	96.00%
2	H. Ia H'Drai	91.30%	91.30%	86.96%	86.96%
3	H. Đăk Glei	87.10%	90.32%	80.65%	93.55%
4	H. Sa Thầy	87.50%	95.83%	87.50%	100.00%
5	H. Kon Plông	96.00%	95.92%	96.00%	98.00%
6	H. Đăk Hà	86.36%	90.91%	85.71%	90.91%
7	H. Ngọc Hồi	88.00%	92.00%	80.00%	88.00%
8	H. Kon Rẫy	96.55%	96.55%	96.55%	96.55%
9	H. Đăk Tô	80.00%	82.05%	79.49%	87.18%
10	TP. Kon Tum	90.32%	93.10%	100.00%	100.00%
Giá trị cao nhất		96.55%	96.55%	100.00%	100.00%
Giá trị thấp nhất		80.00%	82.05%	76.00%	86.96%
Giá trị trung vị		89.16%	92.55%	86.34%	94.77%

Trung vị có 89,16% DN được hỏi đánh giá đơn vị cấp huyện linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi cho các DN; (Trung vị 92,55%) Chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh trong việc giải quyết những vấn đề mới phát sinh; (Trung vị 86,34%) địa phương kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc

của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; (Trung vị 94,77%) Đối với những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp ngoài phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị thì cách phản ứng của các đơn vị cấp huyện *Chủ động nghiên cứu, trao đổi/Xin ý kiến chỉ đạo*.

3.2.3. CSTP 3: Vai trò của người đứng đầu



Hình 22: Kết quả phân nhóm CSTP 3: Vai trò của người đứng đầu

TP. Kon Tum, Huyện Kon Rẫy và Kon Plông là những đơn vị cấp huyện có điểm số đánh giá cao nhất, với số điểm lần lượt là 8,88 điểm; 8,30 điểm; 8,16 điểm. Phổ điểm Vai trò của người đứng đầu ở nhóm các đơn vị cấp Huyện thấp hơn so với nhóm các Sở, ngành.

Doanh nghiệp đánh giá các nhận định của công tác điều hành của người đứng đầu của đơn vị trong năm qua:

Bảng 24: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Vai trò của người đứng đầu của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương có tinh thần dám quyết/dám làm và dám chịu trách nhiệm (%Hoàn toàn đồng ý/Đồng	Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp (%Hoàn toàn đồng	Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp (%Hoàn toàn đồng ý/Đồng	Hiện tượng "Cấp trên bảo cấp dưới không nghe" tại các sở, ban, ngành và địa phương (%Không tồn tại)

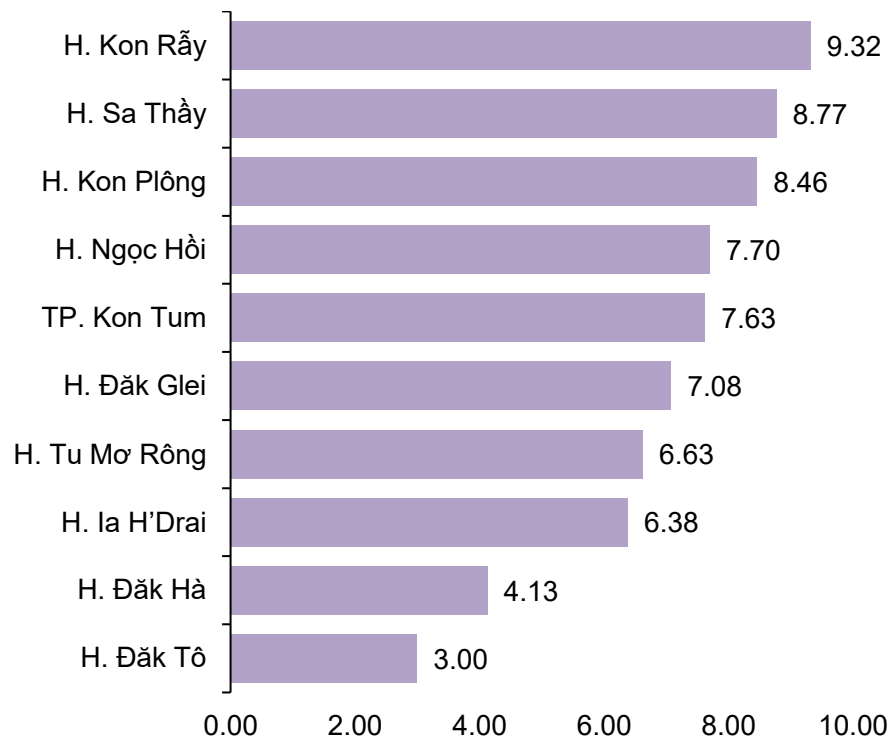
		ý)	ý/Đồng ý)	ý)	
1	H. Tu Mơ Rông	91.67%	87.50%	95.83%	91.67%
2	H. Ia H'Drai	86.96%	91.30%	86.96%	82.61%
3	H. Đăk Glei	87.10%	96.77%	90.00%	80.00%
4	H. Sa Thầy	95.83%	91.67%	95.83%	91.67%
5	H. Kon Plông	100.00%	93.62%	93.75%	93.88%
6	H. Đăk Hà	95.45%	81.82%	86.36%	81.82%
7	H. Ngọc Hồi	80.00%	88.00%	91.67%	72.00%
8	H. Kon Rẫy	96.55%	93.10%	96.55%	96.55%
9	H. Đăk Tô	87.50%	87.50%	85.00%	67.50%
10	TP. Kon Tum	90.32%	96.55%	100.00%	100.00%
Giá trị cao nhất		100.00%	96.77%	100.00%	100.00%
Giá trị thấp nhất		80.00%	81.82%	85.00%	67.50%
Giá trị trung vị		90.99%	91.49%	92.71%	87.14%

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu các đơn vị cấp huyện có tinh thần dám quyết/ dám làm và dám chịu trách nhiệm: trên 80,00% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *Đồng ý/Hoàn toàn đồng ý* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; trung vị đạt 90,99%).

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu các đơn vị cấp huyện có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp: trung vị có 91,49% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *Đồng ý* và *Hoàn toàn đồng ý* (trong đó, cao nhất đạt 96,77%; thấp nhất đạt 81,82%).

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá người đứng đầu các đơn vị cấp huyện lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp: trên 85,00% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *Đồng ý/Hoàn toàn đồng ý* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; trung vị đạt 92,71%).

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá *Không tồn tại* Hiện tượng "Cấp trên bảo cấp dưới không nghe" tại địa phương: trung vị 87,14%.

3.2.4. CSTP 4: Chi phí thời gian**Hình 23: Kết quả phân nhóm CSTP 4: Chi phí thời gian**

Đối với Chỉ số thành phần Chi phí thời gian, các DN trên địa bàn tỉnh Kon Tum được hỏi đánh giá các đơn vị cấp Huyện có phổ điểm dao động từ 3,00 điểm đến 9,32 điểm (có 8/10 đơn vị cấp Huyện có số điểm trên 6,00 điểm). Trong các đơn vị cấp Huyện, huyện Kon Rẫy và Sa Thầy có số điểm cao nhất, lần lượt là 9,32 điểm và 8,77 điểm, đơn vị có số điểm thấp nhất là Huyện Đăk Tô với 3,00 điểm. Dữ liệu cho thấy, phổ điểm Chi phí thời gian ở nhóm các đơn vị cấp Huyện cao hơn so với nhóm các Sở, ngành.

Hoạt động thanh kiểm tra riêng:**Bảng 25: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của các đơn vị cấp huyện**

STT	Đơn vị	Trong năm các sở, ban, ngành và địa phương thực hiện thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao nhiêu lần? (Tỷ lệ đánh giá không quá 1 lần)	Nội dung các cuộc thanh, kiểm tra có đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành (Tỷ lệ đánh giá tích cực)	Các cuộc thanh tra, kiểm tra ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (Tỷ lệ đánh giá tích cực)
1	H. Tu Mơ Rông	82.61%	90.48%	94.74%

2	H. Ia H'Drai	86.96%	100.00%	85.71%
3	H. Đăk Glei	80.65%	100.00%	92.86%
4	H. Sa Thầy	95.83%	100.00%	95.65%
5	H. Kon Plông	90.20%	97.96%	96.00%
6	H. Đăk Hà	61.90%	94.44%	83.33%
7	H. Ngọc Hồi	76.00%	100.00%	100.00%
8	H. Kon Rẫy	93.10%	100.00%	96.55%
9	H. Đăk Tô	61.54%	97.37%	81.58%
10	TP. Kon Tum	100.00%	90.00%	93.55%
	Giá trị cao nhất	100.00%	100.00%	100.00%
	Giá trị thấp nhất	61.54%	90.00%	81.58%
	Giá trị trung vị	84.78%	98.98%	94.14%

Đánh giá về chỉ tiêu “Trong năm các đơn vị cấp huyện thực hiện thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao nhiêu lần”: trung vị có 84,78% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *không quá 1 lần* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; thấp nhất đạt 61,54%).

Về chỉ tiêu “Nội dung các cuộc thanh, kiểm tra có đúng như trong phạm vi của Quyết định thanh, kiểm tra đã ban hành”: trung vị có 98,98% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *trong phạm vi* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; thấp nhất đạt 90,00%).

Khi được hỏi “Các cuộc thanh tra, kiểm tra ảnh hưởng như thế nào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp”: trung vị có 94,14% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *không ảnh hưởng* (trong đó, cao nhất đạt 100,00%; thấp nhất đạt 81,58%).

Hoạt động thực hiện TTHC:

Bảng 26: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí thời gian của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn (Tỷ lệ đánh giá không có)	Các sở, ban, ngành và địa phương tuân thủ thời gian khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp (Tỷ lệ đánh giá sớm hẹn và đúng hẹn)	DN phải đi lại bao nhiêu lần để hoàn tất thủ tục hành chính (Tỷ lệ đánh giá Từ 1-2 lần)
1	H. Tu Mơ Rông	87.50%	95.83%	83.33%
2	H. Ia H'Drai	86.96%	90.91%	69.57%
3	H. Đăk Glei	87.10%	96.77%	54.84%

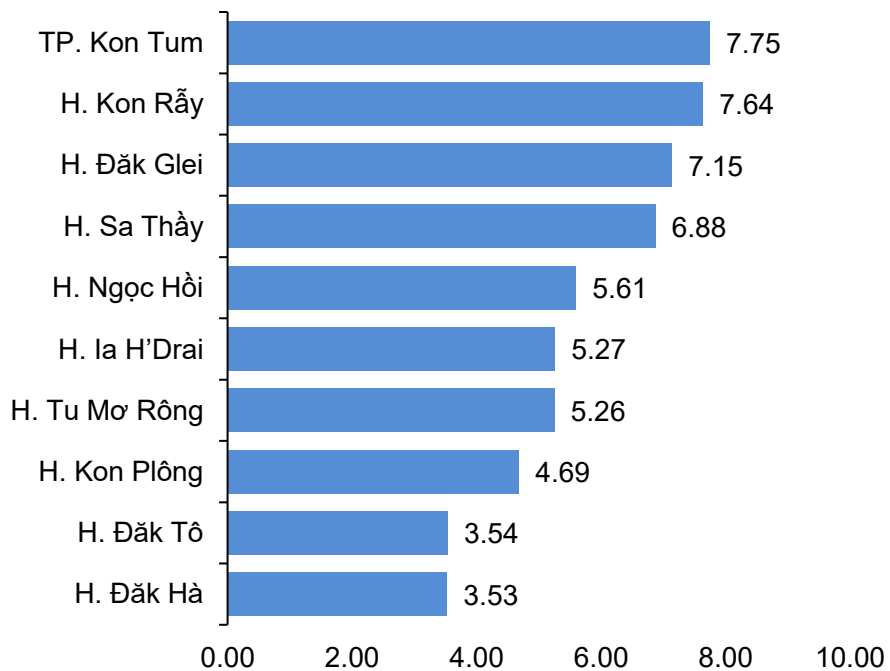
4	H. Sa Thầy	87.50%	95.83%	87.50%
5	H. Kon Plông	87.50%	95.83%	93.75%
6	H. Đăk Hà	90.91%	85.71%	77.27%
7	H. Ngọc Hồi	88.00%	96.00%	64.00%
8	H. Kon Rẫy	93.10%	96.55%	93.10%
9	H. Đăk Tô	66.67%	92.31%	46.15%
10	TP. Kon Tum	87.50%	96.55%	96.43%
Giá trị cao nhất		93.10%	96.77%	96.43%
Giá trị thấp nhất		66.67%	85.71%	46.15%
Giá trị trung vị		87.50%	95.83%	80.30%

Đánh giá về chỉ tiêu “Có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn”: trung vị có 87,50% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *không có* (trong đó, cao nhất đạt 93,10%; thấp nhất đạt 66,67%).

Về chỉ tiêu “Các sở, ban, ngành và địa phương tuân thủ thời gian khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp”: trung vị có 95,83% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *sớm hẹn và đúng hẹn* (trong đó, cao nhất đạt 96,77%; thấp nhất đạt 85,71%).

Khi được hỏi “DN phải đi lại bao nhiêu lần để hoàn tất thủ tục hành chính”: trung vị có 80,30% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *từ 1-2 lần* (trong đó, cao nhất đạt 96,43%; thấp nhất đạt 46,15%).

3.2.5. CSTP 5: Chi phí không chính thức



Hình 24: Kết quả phân nhóm CSTP 5: Chi phí không chính thức

Đối với Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức, các DN trên địa bàn tỉnh Kon Tum được hỏi đánh giá các đơn vị cấp Huyện có phổ điểm dao động từ 3,53 điểm đến 7,75 điểm (có 4/10 đơn vị cấp Huyện có số điểm trên 6,00 điểm). Trong các đơn vị cấp Huyện, TP. Kon Tum và huyện Kon Rẫy có số điểm cao nhất, lần lượt là 7,75 điểm và 7,64 điểm, đơn vị có số điểm thấp nhất là Huyện Đăk Hà với 3,53 điểm. Dữ liệu cho thấy, phổ điểm Chi phí không chính thức ở nhóm các đơn vị cấp Huyện cao hơn so với nhóm các Sở, ngành.

Tình trạng những nhiễu:

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức: trung vị có 87,75% doanh nghiệp được hỏi đánh giá *không phải trả*.

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá “Hiện tượng nhiễu là phổ biến khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành”: trung vị 79,58% doanh nghiệp đánh giá *Không đồng ý*.

Bảng 27: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của các đơn vị cấp huyện

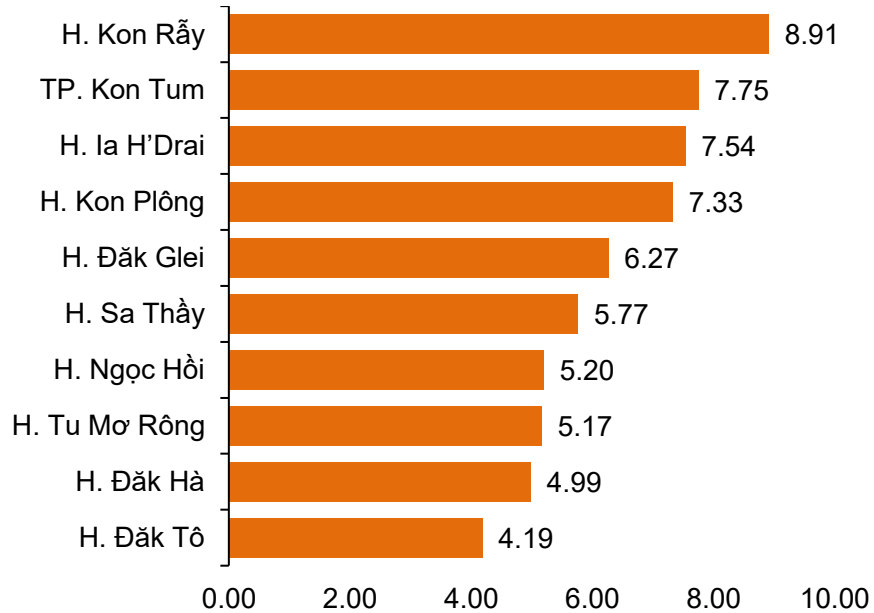
STT	Đơn vị	Doanh nghiệp có phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức (Tỷ lệ đánh giá Không)	Hiện tượng nhiễu là phổ biến khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành (Tỷ lệ đánh giá Không đồng ý)	Công việc sẽ đạt kết quả hơn nếu chi trả chi phí không chính thức (Tỷ lệ đánh giá đồng ý)	So với những năm trước thì chi phí không chính thức năm nay như thế nào (về giá trị)? (%Không tồn tại/Giảm bớt)
1	H. Tu Mơ Rông	90.91%	79.17%	54.17%	75.00%
2	H. Ia H'Drai	86.96%	73.91%	47.83%	86.96%
3	H. Đăk Glei	96.67%	93.55%	41.94%	83.87%
4	H. Sa Thầy	87.50%	91.67%	62.50%	83.33%
5	H. Kon Plông	77.55%	75.51%	40.82%	91.84%
6	H. Đăk Hà	81.82%	72.73%	47.62%	72.73%
7	H. Ngọc Hồi	88.00%	80.00%	35.00%	90.00%
8	H. Kon Rẫy	100.00%	89.29%	27.59%	96.43%
9	H. Đăk Tô	75.00%	70.00%	42.50%	85.00%
10	TP. Kon Tum	100.00%	100.00%	0.00%	100.00%
	Giá trị cao nhất	100.00%	100.00%	62.50%	100.00%
	Giá trị thấp nhất	75.00%	70.00%	0.00%	72.73%
	Giá trị trung vị	87.75%	79.58%	43.22%	85.98%

+ Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Công việc sẽ đạt kết quả hơn nếu chi trả chi phí

không chính thức: trung vị 43,22% doanh nghiệp đánh giá *Đồng ý* về nhận định này.

+ Có trên 72,73% DN được hỏi đánh giá rằng: so với những năm trước thì chi phí không chính thức năm nay (về giá trị) *Không tồn tại/Giảm bớt*.

3.2.6. CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng



Hình 25: Kết quả phân nhóm CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng

Kết quả khảo sát Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng cho thấy, phổ điểm phản ánh có sự dao động từ 4,19 điểm tới 8,91 điểm. Huyện Kon Rẫy, TP. Kon Tum và Huyện Ia H'Drai là những đơn vị cấp huyện có điểm số đánh giá cao nhất, với số điểm lần lượt là 8,91 điểm; 7,75 điểm; 7,54 điểm. Phổ điểm Cạnh tranh bình đẳng ở nhóm các đơn vị cấp Huyện cao hơn so với nhóm các Sở, ngành.

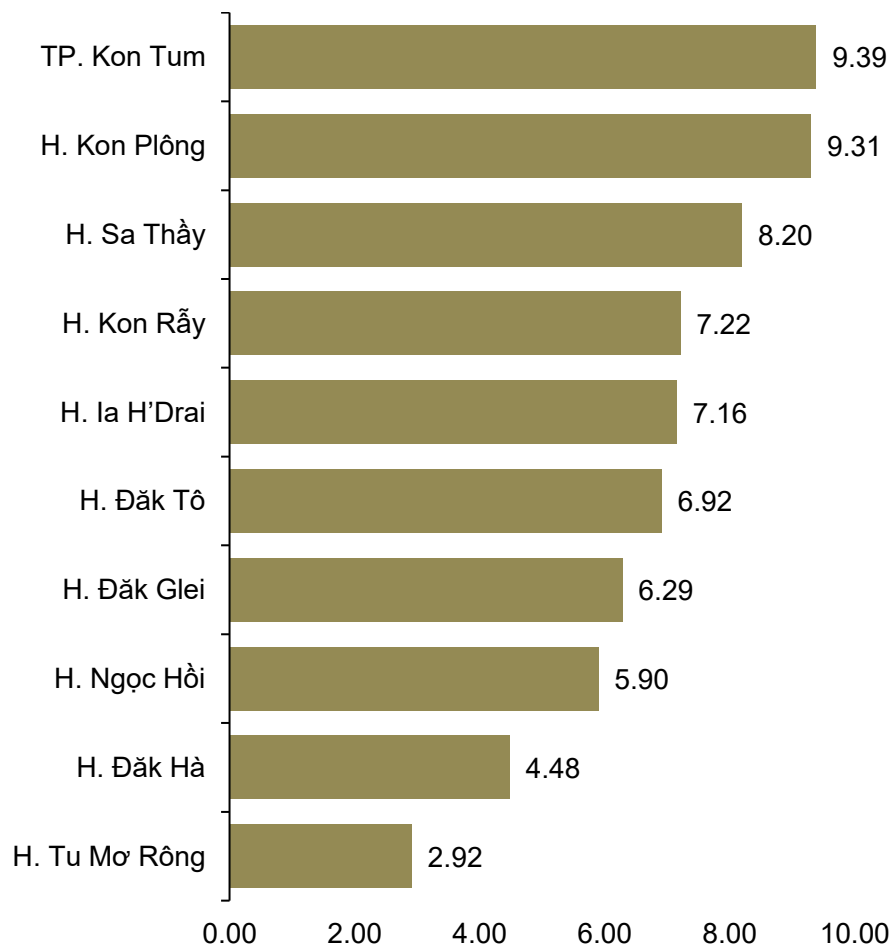
Bảng 28: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Doanh nghiệp sản sau, doanh nghiệp thân hữu được ưu ái, ưu tiên hơn so với các doanh nghiệp khác (Tỷ lệ đánh giá Không đồng ý)	Doanh nghiệp lớn được ưu ái, ưu tiên hơn so với các doanh nghiệp khác (Tỷ lệ đánh giá Không đồng ý)	Việc ưu ái cho các DN sản sau, DN thân hữu (nếu có) có gây khó khăn cho DN không (Tỷ lệ đánh giá không ảnh hưởng)	Việc ưu ái cho các DN lớn (nếu có) có gây khó khăn cho DN (Tỷ lệ đánh giá không ảnh hưởng)
1	H. Tu Mơ Rông	62.50%	66.67%	95.83%	95.83%
2	H. Ia H'Drai	82.61%	78.26%	95.65%	95.65%
3	H. Đăk Glei	74.19%	83.87%	87.10%	87.10%
4	H. Sa Thầy	79.17%	79.17%	83.33%	83.33%

5	H. Kon Plông	77.55%	76.60%	97.87%	97.96%
6	H. Đăk Hà	85.71%	75.00%	76.19%	76.19%
7	H. Ngọc Hồi	72.00%	84.00%	80.00%	80.00%
8	H. Kon Rẫy	89.66%	93.10%	93.10%	93.10%
9	H. Đăk Tô	67.50%	65.00%	87.18%	84.62%
10	TP. Kon Tum	93.33%	93.10%	100.00%	33.33%
Giá trị cao nhất		93.33%	93.10%	100.00%	97.96%
Giá trị thấp nhất		62.50%	65.00%	76.19%	33.33%
Giá trị trung vị		78.36%	78.71%	90.14%	85.86%

Mức độ hiện diện của doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp thân hữu của các đơn vị cấp huyện: trên 62,50% DN được hỏi đánh giá “Không có sự ưu ái, ưu tiên hơn cho Doanh nghiệp sâu sau, doanh nghiệp thân hữu”; trên 65,00% đánh giá “Không có sự ưu ái, ưu tiên hơn cho các doanh nghiệp lớn”, trên 76,19% đánh giá “Việc ưu ái cho các DN sâu sau, DN thân hữu không gây khó khăn cho DN” và trên 33,33% đánh giá “Việc ưu ái cho DN lớn không gây khó khăn cho DN”.

3.2.7. CSTP 7: Hỗ trợ doanh nghiệp



Hình 26: Kết quả phân nhóm CSTP 7: Hỗ trợ doanh nghiệp

Kết quả khảo sát Chỉ số Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cho thấy, phổ điểm phản ánh có sự dao động từ 2,92 điểm tới 9,39 điểm. TP. Kon Tum, huyện Kon Plông và huyện Sa Thầy là những đơn vị cấp huyện có điểm số đánh giá cao nhất, với số điểm lần lượt là 9,39 điểm; 9,31 điểm; 8,20 điểm. Phổ điểm Hỗ trợ doanh nghiệp ở nhóm các đơn vị cấp Huyện cao hơn so với nhóm các Sở, ngành.

Chương trình hỗ trợ, trao đổi thông tin, đối thoại với doanh nghiệp:

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá Tồn suất tổ chức các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do các đơn vị cấp huyện tổ chức mà doanh nghiệp được biết: Đa số Doanh nghiệp có biết (trung vị đạt 98,28%) (trong đó, cao nhất với 100,00%; thấp nhất là 80,95%).

Khi được hỏi đánh giá về “DN cảm nhận thế nào về chất lượng các chương trình hỗ trợ DN do các đơn vị cấp huyện tổ chức”: trung vị đạt 88,91% đánh giá *thiết thực*.

Doanh nghiệp đánh giá Tồn suất tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp do các đơn vị cấp huyện tổ chức mà doanh nghiệp được biết: Đa số Doanh nghiệp đánh giá *trên 1 lần* (trên 81,82%).

Bảng 29: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Hỗ trợ doanh nghiệp của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Tồn suất tổ chức các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp (khóa đào tạo, tập huấn, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật,...) do các sở, ban, ngành và địa phương tổ chức mà doanh nghiệp được biết (Tỷ lệ đánh giá có)	DN cảm nhận thế nào về chất lượng các chương trình hỗ trợ DN do sở, ban, ngành và địa phương tổ chức (Tỷ lệ đánh giá thiết thực)	Tồn suất tổ chức các chương trình trao đổi thông tin, đối thoại doanh nghiệp do sở, ban, ngành và địa phương tổ chức mà doanh nghiệp được biết (Tỷ lệ đánh giá trên 1 lần)
1	H. Tu Mơ Rông	86.36%	77.27%	81.82%
2	H. Ia H’Drai	95.65%	91.30%	100.00%
3	H. Đăk Glei	100.00%	80.65%	100.00%
4	H. Sa Thầy	100.00%	91.67%	100.00%
5	H. Kon Plông	100.00%	93.75%	100.00%
6	H. Đăk Hà	80.95%	85.71%	90.48%
7	H. Ngọc Hồi	96.00%	72.00%	100.00%
8	H. Kon Rẫy	100.00%	93.10%	100.00%
9	H. Đăk Tô	100.00%	87.50%	100.00%
10	TP. Kon Tum	96.55%	90.32%	100.00%
	Giá trị cao nhất	100.00%	93.75%	100.00%
	Giá trị thấp nhất	80.95%	72.00%	81.82%
	Giá trị trung vị	98.28%	88.91%	100.00%

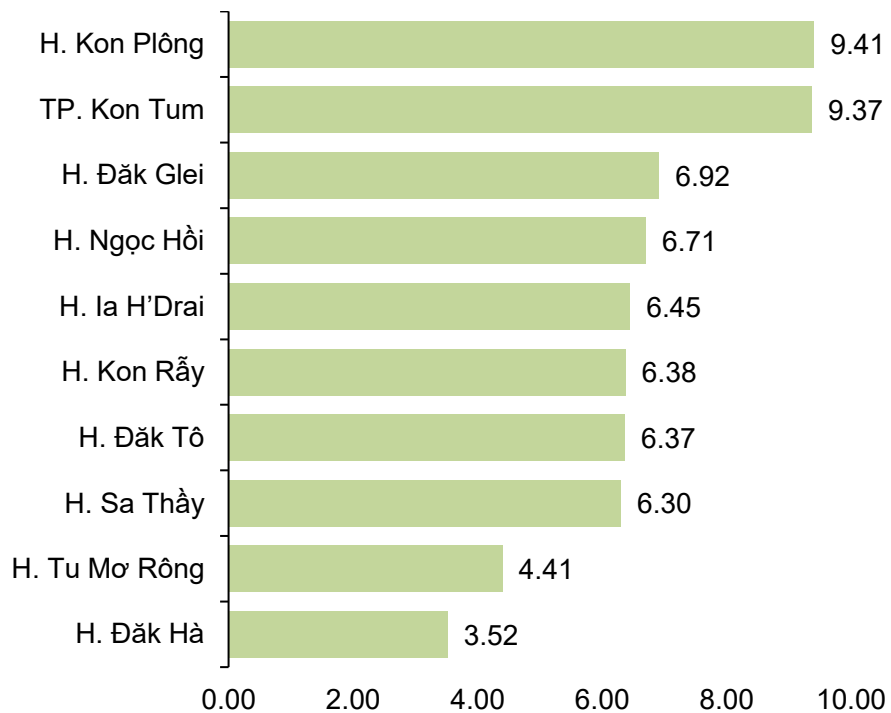
Hoạt động đối thoại, trả lời phản ánh, vướng mắc của doanh nghiệp:

Bảng 30: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Hỗ trợ DN của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin những vướng mắc, kiến nghị, khó khăn được giải quyết (Tỷ lệ đánh giá được giải quyết)	Sở, ban, ngành và địa phương có thường xuyên quan tâm đến các doanh nghiệp nhỏ (Tỷ lệ đánh giá quan tâm)
1	H. Tu Mơ Rông	50.00%	61.90%
2	H. Ia H'Drai	60.87%	60.87%
3	H. Đăk Glei	58.62%	46.67%
4	H. Sa Thầy	70.83%	70.83%
5	H. Kon Plông	85.42%	87.76%
6	H. Đăk Hà	71.43%	47.62%
7	H. Ngọc Hồi	68.00%	62.50%
8	H. Kon Rẫy	72.41%	17.24%
9	H. Đăk Tô	62.50%	42.50%
10	TP. Kon Tum	96.43%	100.00%
	Giá trị cao nhất	96.43%	100.00%
	Giá trị thấp nhất	50.00%	17.24%
	Giá trị trung vị	69.42%	61.39%

Những doanh nghiệp đã từng tham gia hoạt động đối thoại, trao đổi thông tin với doanh nghiệp: DN đánh giá sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin những vướng mắc, kiến nghị, khó khăn được giải quyết (trung vị đạt 69,42%) (trong đó, cao nhất tại TP. Kon Tum với 96,43%).

Khi được hỏi đánh giá về “Đơn vị cấp huyện có thường xuyên quan tâm đến các doanh nghiệp nhỏ”: trung vị đạt 61,39% đánh giá *Có quan tâm* (trong đó, tỷ trọng có quan tâm cao nhất tại TP. Kon Tum với 100,00%).

3.2.8. CSTP 8: Thiết chế pháp lý**Hình 27: Kết quả phân nhóm CSTP 8: Thiết chế pháp lý**

Phần lớn các đơn vị cấp Huyện trên địa bàn tỉnh Kon Tum được các doanh nghiệp được hỏi đánh giá ở mức điểm trên 5,00 trong chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý (có 8/10 đơn vị cấp Huyện). Đối với các đơn vị cấp Huyện, các đối tượng kinh doanh đánh giá huyện Kon Plông có điểm số cao nhất (9,41 điểm), thấp nhất là Huyện Đắk Hà với 3,52 điểm. Dữ liệu cho thấy, phổ điểm Thiết chế pháp lý ở nhóm các đơn vị cấp Huyện thấp hơn so với nhóm các Sở, ngành.

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các đơn vị cấp huyện “Các văn bản pháp luật đã ban hành trong năm được doanh nghiệp đánh giá tốt và có tính thực thi cao”: trên 92,86% doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát, đánh giá *có tính thực thi cao*.

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các đơn vị cấp huyện “Công tác truyền thông và phổ biến văn bản pháp luật đang được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ”: trên 86,67% doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát, đánh giá *đồng ý*.

Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá các đơn vị cấp huyện “Việc thực thi văn bản pháp luật được thực hiện nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định”: trên 95,65% doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát, đánh giá *đồng ý* (trong đó, cao nhất với 100,00%).

Bảng 31: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Các văn bản pháp luật đã ban hành trong năm được doanh nghiệp	Công tác truyền thông và phổ biến văn bản pháp luật đang được thực	Việc thực thi văn bản pháp luật được thực hiện nghiêm minh,

		đánh giá tốt và có tính thực thi cao (Tỷ lệ đánh giá có)	hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ (Tỷ lệ đánh giá đồng ý)	theo đúng quy trình, quy định (Tỷ lệ đánh giá đồng ý)
1	H. Tu Mơ Rông	95.83%	95.83%	95.65%
2	H. Ia H'Drai	100.00%	100.00%	100.00%
3	H. Đăk Glei	100.00%	96.15%	100.00%
4	H. Sa Thầy	100.00%	95.83%	95.83%
5	H. Kon Plông	100.00%	100.00%	100.00%
6	H. Đăk Hà	92.86%	86.67%	100.00%
7	H. Ngọc Hồi	100.00%	95.65%	100.00%
8	H. Kon Rẫy	96.55%	96.55%	96.55%
9	H. Đăk Tô	100.00%	93.94%	100.00%
10	TP. Kon Tum	100.00%	96.55%	100.00%
	Giá trị cao nhất	100.00%	100.00%	100.00%
	Giá trị thấp nhất	92.86%	86.67%	95.65%
	Giá trị trung vị	100.00%	95.99%	100.00%

Mức độ đánh giá của doanh nghiệp trong trường hợp có gặp cán bộ, nhân viên thuộc cơ quan các đơn vị cấp huyện làm trái với các quy định của pháp luật: trung vị có 77,23% doanh nghiệp đánh giá các khiếu nại của doanh nghiệp lên lãnh đạo các đơn vị cấp huyện luôn được giải quyết thỏa đáng; 90,16% DN đánh giá có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phản ánh, khiếu nại hành vi sai trái; trung vị có 77,84% doanh nghiệp cho rằng luôn có cách thức đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, khiếu nại.

Bảng 32: Tỷ trọng DN đánh giá một số chỉ tiêu thuộc Chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của các đơn vị cấp huyện

STT	Đơn vị	Các khiếu nại của doanh nghiệp lên lãnh đạo các sở, ban, ngành và địa phương có được giải quyết thỏa đáng (Tỷ lệ đánh giá luôn luôn)	Có hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp phản ánh, khiếu nại hành vi sai trái (Tỷ lệ đánh giá đồng ý)	Luôn có cách thức đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, khiếu nại (Tỷ lệ đánh giá đảm bảo)
1	H. Tu Mơ Rông	73.91%	86.36%	78.26%
2	H. Ia H'Drai	63.64%	82.61%	78.26%

3	H. Đắk Glei	70.97%	90.32%	77.42%
4	H. Sa Thầy	78.26%	95.83%	79.17%
5	H. Kon Plông	92.00%	95.92%	89.80%
6	H. Đắk Hà	76.19%	76.19%	76.19%
7	H. Ngọc Hồi	80.00%	88.00%	68.00%
8	H. Kon Rẫy	89.66%	96.55%	75.86%
9	H. Đắk Tô	70.00%	90.00%	72.50%
10	TP. Kon Tum	93.33%	93.33%	100.00%
	Giá trị cao nhất	93.33%	96.55%	100.00%
	Giá trị thấp nhất	63.64%	76.19%	68.00%
	Giá trị trung vị	77.23%	90.16%	77.84%



PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH

PHẦN 4:**ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG
KINH DOANH VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH****4.1. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG KINH DOANH
VÀ NĂNG LỰC CẠNH TRANH**

Bộ Chỉ số DDCI có mục tiêu là góp phần nhận diện những “nút thắt” trong cải thiện MTKD, đánh giá chất lượng điều hành kinh tế tại các Sở, ngành/địa phương. Những “nút thắt” nhận diện từ Chỉ số DDCI được kiểm chứng thông qua cảm nhận của doanh nghiệp, được đo đạc dựa trên cách tiếp cận trong bộ công cụ đánh giá năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Quy đồng những vấn đề chung đó, có thể cải thiện thông qua nghiên cứu, vận dụng những cách làm hay, những mô hình sáng tạo trong cải cách hành chính, cải thiện MTKD, hiệu quả hóa vận hành bộ máy chính quyền tại một số địa phương.

Trên cơ sở sử dụng phương pháp luận DDCI, nhóm nghiên cứu đã tính toán và xếp hạng các Sở, ngành và địa phương dựa trên các chỉ số thành phần. Kết quả cho thấy điểm trung vị của Chỉ số DDCI của Kon Tum năm 2024 ở mức trung bình khá, cụ thể: ở mức 65.09 điểm với các Sở ngành và 58.96 điểm với các Huyện/Thành phố. Khoảng cách điểm giữa nhóm xếp hạng thấp nhất và cao nhất là tương đối rộng (biên độ 57.86 điểm ở nhóm sở, ban, ngành và 50.41 điểm ở nhóm Huyện/TP), điều này cho thấy có tồn tại sự thiếu đồng đều trong CCHC và cải thiện MTKD giữa các đơn vị ở tỉnh Kon Tum.

Việc xếp thứ hạng của các Sở, ngành, Huyện/Thành phố là có ý nghĩa, tuy nhiên điều quan trọng hơn là Chỉ số DDCI của Kon Tum cũng cho thấy một số Chỉ số thành phần còn thấp, và nhất là khoảng cách ở từng Chỉ số thành phần đối với điểm trung vị các đơn vị khá lớn, cho thấy việc cải thiện MTKD cần tập trung hơn vào góc nhìn cảm nhận của doanh nghiệp. Vì vậy vẫn còn dư địa cải thiện MTKD ở Kon Tum, đây là khoảng trống cần khai thác để tạo ra những chuyển động mới về thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển KTXH ở địa phương trong những năm tới. Ngoài ra, dựa trên kết quả tỷ trọng các doanh nghiệp trả lời cho từng câu hỏi trong bộ chỉ số DDCI cũng cho thấy những mặt tích cực cũng như hạn chế của tỉnh Kon Tum nói chung và từng Sở, ngành, huyện, thành phố nói riêng.

Báo cáo này dựa trên phương pháp mô hình hóa dạng ma trận để tóm lược những điểm mạnh và hạn chế của từng sở ngành, huyện, thành phố theo từng chỉ số thành phần DDCI được trình bày trong hai bảng sau đây, trong đó điểm màu xanh ■ được xác định là những điểm mà các sở ngành, địa phương đang ở mức trên trung vị của các đơn vị, có thể tạm thời coi là thế mạnh của đơn vị đó. Với những ô ● thể hiện điểm của sở ngành, huyện, thành phố đó chỉ ngang bằng với mức trung vị, cần chú ý cải thiện trong thời gian tới và ●● là những điểm thấp hơn trung vị, cần đặc biệt quan tâm và cải thiện trong thời gian tới để nâng được chỉ số chung DDCI.

Bảng 33: Những điểm cần chú ý với các sở, ngành

■ Cao hơn trung vị ● Tiệm cận với mức trung vị ●● Thấp hơn trung vị

Đơn vị Sở, ngành	1.Tính minh bạch	2. Tính năng động	3.Vai trò của NĐĐ	4.Chi phí thời gian	5.Chi phí không chính thức	6. Cạnh tranh bình đẳng	7. Hỗ trợ DN	8.Thiết chế pháp lý
Bảo hiểm xã hội tỉnh	■	■	■	■	■	■	■	■
Sở Công Thương	■	■	■	■	■	■	■	■
Sở Kế hoạch và Đầu tư	■	■	■	■	■	●	■	■
Thanh tra tỉnh	●●	●●	■	■	■	■	●●	■
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	●	■	■	■	■	■	●●	●●
Công an tỉnh	■	■	■	●●	●●	■	■	■
Sở Tài chính	■	●	■	■	●	●	●●	■
Sở Tư pháp	●	■	■	●●	■	●●	■	●
Sở Xây dựng	■	●	●●	●	●	■	■	■
Sở Nông nghiệp và PTNT	■	●	●	●●	■	●	●	●●
Ban Quản lý Khu kinh tế	●	■	●	●●	■	●●	■	●●
Sở Khoa học và Công nghệ	●●	■	●	■	●●	●●	●●	●
Sở Y tế	■	●●	●●	●	●●	■	●●	●
Sở Thông tin và Truyền thông	●●	●●	●●	■	●●	■	■	●●
Sở Giao thông Vận tải	●●	●●	●●	●	●	●●	●●	■
Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●	●●
Cục Thuế tỉnh	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●	●●
Sở Tài nguyên và Môi trường	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●●
Cục Quản lý thị trường	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●●

Bảng 34: Những điểm cần chú ý với các huyện, thành phố

■ Cao hơn trung vị ● Tiệm cận với mức trung vị ●● Thấp hơn trung vị

Đơn vị Huyện/Thành phố	1.Tính minh bạch	2. Tính năng động	3.Vai trò của NĐĐ	4.Chi phí thời gian	5.Chi phí không chính thức	6. Cạnh tranh bình đẳng	7. Hỗ trợ DN	8.Thiết chế pháp lý
TP. Kon Tum	■	■	■	●	■	■	■	■
H. Kon Rẫy	■	■	■	■	■	■	■	●
H. Kon Plông	■	■	■	■	●●	■	■	■
H. Sa Thầy	■	●	■	■	■	●	■	●●
H. Đắk Glei	●●	●●	●	●	■	●	●●	■
H. Ia H'Drai	●●	●	●●	●●	●	■	●	●
H. Tu Mơ Rông	●	■	●	●●	●●	●●	●●	●●
H. Ngọc Hồi	●●	●●	●●	■	●	●●	●●	■
H. Đắk Hà	●	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●●
H. Đắk Tô	●●	●●	●●	●●	●●	●●	●	●●

Ngoài những điểm tóm lược thông qua phương pháp chỉ số ở trên, một số nhận định chung về những mặt tích cực và hạn chế trong CCHC và cải thiện MTKD ở tỉnh Kon Tum được phân tích thông qua tỷ trọng doanh nghiệp trả lời các câu hỏi cụ thể, có thể được trình bày như sau:

4.2. MỘT SỐ ĐIỂM THỂ HIỆN CHẤT LƯỢNG ĐIỀU HÀNH

4.2.1. Về mặt tích cực

1) Liên quan đến việc tuân thủ thời gian thực hiện thủ tục hành chính đúng với quy định, qua khảo sát cho thấy, đa số DN được hỏi đánh giá khá tích cực (Trên 92,59%) về việc tuân thủ thời gian khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp; (Tối đa 94,44%) Không có hiện tượng đùn đẩy công việc tại đơn vị và/hoặc đơn vị đùn đẩy công việc lên cấp có thẩm quyền cao hơn.

2) Liên quan đến tính năng động của Sở, ngành trong việc triển khai các quyết định, chính sách, quy định của pháp luật và của tỉnh trong năm qua, các Sở, ngành chủ động hơn trong cải thiện MTKD. Trung vị có 88,37% DN được hỏi đánh giá đơn vị Sở ngành linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo MTKD thuận lợi cho các DN; (Trung vị 92,86%) Chủ động tham mưu và kiến nghị UBND tỉnh trong việc giải quyết những vấn

đề mới phát sinh; (Trung vị 87,50%) Sở, ban, ngành và địa phương kịp thời nắm bắt và có phương án xử lý những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình; (Trung vị 91,30%) Đối với những bất cập, vướng mắc của doanh nghiệp ngoài phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của đơn vị thì cách phản ứng của Sở, ngành *Chủ động nghiên cứu, trao đổi/Xin ý kiến chỉ đạo.*

3) Vai trò của người đứng đầu các Sở, ngành là rất lớn. Doanh nghiệp đánh giá các nhận định của công tác điều hành của người đứng đầu của đơn vị trong năm. Kết quả khảo sát cho thấy, DN được hỏi đánh giá tích cực (Tỷ trọng trên 90,00%) các chỉ tiêu: Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương có tinh thần dám quyết/ dám làm và dám chịu trách nhiệm; Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương có hành động cụ thể và thiết thực để giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp; Lãnh đạo sở, ban, ngành và địa phương lắng nghe và tiếp thu các ý kiến góp ý của doanh nghiệp.

4) Doanh nghiệp đã tiếp cận được tới các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của các Sở, ngành: Đa số Doanh nghiệp đã từng tham gia các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp do Sở, ngành tổ chức, đánh giá chất lượng các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp là thiết thực (Trung vị đạt 88,89%); DN đánh giá sau các buổi đối thoại, trao đổi thông tin những vướng mắc, kiến nghị, khó khăn được giải quyết: tỷ trọng tối đa đạt 89,66% đánh giá *được giải quyết.*

5) Đa số DN tham gia trả lời khảo sát, đánh giá tích cực với các nhận định liên quan tới công tác thi hành, thực thi pháp luật của các đơn vị trong năm 2024, cụ thể: Các văn bản pháp luật đã ban hành trong năm được doanh nghiệp đánh giá tốt và có tính thực thi cao (Tỷ trọng trung vị 96,55%); Công tác truyền thông và phổ biến văn bản pháp luật được thực hiện kịp thời, rõ ràng và đầy đủ (Tỷ trọng tối đa 100,00%); Việc thực thi văn bản pháp luật được thực hiện nghiêm minh, theo đúng quy trình, quy định (Tỷ trọng thấp nhất 97,37%); Các khiếu nại của doanh nghiệp lên lãnh đạo các sở, ban, ngành và địa phương có được giải quyết thỏa đáng (Tỷ trọng tối đa 86,11%); Luôn có cách thức đảm bảo công bằng, minh bạch trong giải quyết phản ánh, khiếu nại (Tỷ trọng tối đa 95,00%).

4.2.2. Về mặt hạn chế

1) Các doanh nghiệp cho rằng vẫn còn hiện tượng "Cấp trên bảo cấp dưới không nghe" tại các sở, ban, ngành và địa phương: có đơn vị 25,00% DN được hỏi đánh giá *Nghiêm trọng/Có nhưng không nghiêm trọng.*

2) Doanh nghiệp vẫn còn phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính: có đơn vị 95,45% DN đánh giá phải đi lại 1-2 lần; có đơn vị 22,50% DN đánh giá phải đi lại từ 3 lần trở lên để hoàn tất thủ tục hành chính liên quan tới các Sở, ngành/Địa phương.

Có đơn vị DN đánh giá 13,33% DN mất thời gian để tiếp đón đoàn thanh tra, kiểm tra liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3) Hiện tượng những nhiễu còn tồn tại thông qua đánh giá của DN về “Hiện tượng những nhiễu là phổ biến khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành” ở cấp Sở, ngành (có đơn vị 33,33%). Đặc biệt vẫn còn hiện tượng những nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của Sở, ngành/Huyện/Thành phố: có đơn vị tới 29,73% DN được hỏi đánh giá bị thanh tra, kiểm tra trong năm qua từ 3 lần thanh tra, kiểm tra riêng của Sở ngành tiến hành thanh tra, kiểm tra hoạt động sản xuất kinh doanh của DN.

4) Chi phí không chính thức còn tồn tại, gây cản trở cho DN: Tình trạng doanh nghiệp phải trả chi phí không chính thức cho cán bộ các cơ quan sở, ban, ngành: tỷ trọng cao nhất là 44,45% doanh nghiệp được hỏi đánh giá phải chi trả chi phí không chính thức và 33,33% DN cho rằng hiện tượng những nhiễu là phổ biến khi giải quyết thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan tại các sở, ban, ngành. Có đơn vị có tỷ lệ 47,83% DN được hỏi đánh giá so với những năm trước thì chi phí không chính thức có tăng về giá trị.

5) Về tính công bằng, doanh nghiệp đánh giá có sự ưu ái cho doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp sâu sau, thân hữu trong việc tiếp cận các nguồn lực nhà nước: Tỷ lệ doanh nghiệp nhận định, những doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp thân hữu có nhận được sự ưu ái từ Sở, ngành về giải quyết thủ tục hành chính, tỷ lệ đơn vị tối đa đạt 39,13% đánh giá Có. Tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự ưu ái cho các doanh nghiệp thân hữu, sâu sau và doanh nghiệp lớn sẽ gây ảnh hưởng cho doanh nghiệp: Có tối đa 21,74% DN được hỏi đánh giá *khó khăn*.



PHẦN 5
KẾT LUẬN
&
KHUYẾN NGHỊ



PHẦN 5: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

5.1. KẾT LUẬN

Bộ chỉ số DDCI 2024 là kết quả đánh giá trên nhiều mặt của năng lực điều hành kinh tế của các Sở, ban ngành, UBND Huyện, thành phố qua ý kiến khách quan của DN (DN lớn nhỏ vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã), đa ngành nghề, trên nhiều địa bàn thuộc tỉnh. Do đó, kết quả đánh giá có thể dùng trong tham khảo cho công tác đánh giá năng lực cán bộ, hiệu quả các hoạt động các đơn vị trong cải thiện môi trường kinh doanh, căn cứ quan trọng trong xây dựng kế hoạch cải thiện năng lực cạnh tranh tỉnh Kon Tum với các cơ quan và địa phương cụ thể.

Các chỉ số đo lường DDCI 2024 căn cứ trên nhiều nội dung quan trọng liên quan chức năng nhiệm vụ của các Sở, ban ngành, UBND Huyện, thành phố trong khuôn khổ nhiệm vụ được pháp luật quy định. DDCI 2024 đã thực hiện lấy ý kiến đóng góp của các đơn vị được đánh giá để không ngừng hoàn thiện phương pháp đánh giá, hướng tới tính thực tiễn của bộ chỉ tiêu đánh giá. Tuy nhiên, DDCI sẽ còn tiếp tục nhận ý kiến đóng góp hoàn thiện trong các năm tiếp theo để phù hợp với sự thay đổi của cấu trúc mới của các cơ quan, đơn vị trong tình hình mới. Các chỉ số cũng sẽ hướng đến tính phù hợp đối với chức năng nhiệm vụ mới. Do đó, vai trò tham vấn của các đơn vị được đánh giá sẽ có giá trị vô cùng to lớn trong xây dựng DDCI ngày càng hoàn thiện hơn, trở thành công cụ hữu ích để các đơn vị tham khảo trong xây dựng và hoàn thiện năng lực điều hành kinh tế.

Các kiến nghị và giải pháp mang tính tập trung, không theo hướng dàn trải. Thực tiễn, các đơn vị được đánh giá đối diện thách thức vừa thực hiện nhiệm vụ cơ bản được giao về quản lý nhà nước, vừa xây dựng năng lực của một bộ máy của Chính quyền phục vụ DN với bộ máy đòi hỏi tinh gọn sẽ là áp lực công việc rất lớn. Việc tập trung vào một số giải pháp cấp bách là cần thiết.

Thể chế chính sách, chất lượng văn bản pháp luật chưa hoàn thiện là một thách thức lớn đối với cán bộ công chức và lãnh đạo trong Sở, ban ngành, địa phương thuộc tỉnh Kon Tum. Quan tâm trong kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện pháp luật, chính sách là một vấn đề phải được duy trì, thực hiện quyết liệt. Đánh giá năng lực điều hành kinh tế của các đơn vị sẽ phiến diện nếu bỏ qua chất lượng VBPL làm cho cán bộ lúng túng trong xử lý các vấn đề phức tạp, hoặc các vấn đề mới của tỉnh Kon Tum.

Kết quả DDCI mong muốn đạt được sự cạnh tranh lành mạnh trong bộ máy quản lý nhà nước tại tỉnh Kon Tum nhằm hướng đến hoàn thiện năng lực, phát hiện và chia sẻ những mô hình hay, việc làm tốt để biểu dương, xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, thân thiện.

5.2. KHUYẾN NGHỊ

5.2.1. Căn cứ khuyến nghị giải pháp

Quyết tâm cải cách của lãnh đạo cho sự thay đổi, lãnh đạo và đội ngũ cán bộ công chức trong đổi mới tư duy về vai trò của DN tư nhân, đặc biệt DN nhỏ và siêu nhỏ, hộ kinh doanh và hợp tác xã đối với phát triển kinh tế địa phương, tạo việc làm, ổn định xã hội vô cùng to lớn. Xây dựng đúng tinh thần chính quyền phục vụ DN, cũng là phục vụ nhân dân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Cải cách là thực hiện từ dưới lên, từ trên xuống kết hợp chặt chẽ. Cải cách được thực hiện từ Bộ, ngành Trung ương kết hợp với cơ quan chính quyền địa phương (Chính quyền tỉnh và chính quyền các cấp, Sở, ban ngành) không phải là xuất phát cải cách đơn lẻ mà thành công. Do đó, Sở, ban ngành và UBND các cấp trong việc tự thực hiện năng lực thực thi chính sách pháp luật để có môi trường kinh doanh tốt hơn thì không gì khác hơn tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho bộ máy công chức bằng việc góp ý cải thiện, hoàn thiện chất lượng văn bản pháp luật. Đây là công việc mang tính lâu dài, không thể có tác dụng ngay trong một năm nhưng hướng đến sự thay đổi về chất đối với thể chế chính sách.

Lãnh đạo không chỉ tạo điều kiện nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo các phòng ban mà còn tạo điều kiện phát hiện và nhân rộng những sáng kiến cấp cơ sở dù nhỏ nhất.

Minh bạch và chủ động trong tiếp cận DN, đối thoại với nhiều hình thức đa dạng, phát huy tính sáng tạo và linh hoạt trong đối thoại. Phát huy vai trò cầu nối của Hiệp hội DN và Hiệp hội chuyên ngành đại diện cho tiếng nói của DN.

Công tác truyền thông các kết quả cải thiện của tỉnh, các đơn vị trong bộ máy Sở, ban ngành và UBND Huyện, thành phố để DN hiểu rõ.

Căn cứ theo kết quả khảo sát từ DDCI 2024, kiến nghị các giải pháp phải được tập trung những vấn đề trọng tâm, không dàn trải trên quá nhiều mục tiêu để thực hiện.

Về đối tượng Sở, ban ngành, các đơn vị thấp điểm cần kế hoạch cải thiện cụ thể để xây dựng đồng bộ về năng lực triển khai như nâng cao hiệu quả chuyển đổi số, Minh bạch thông tin, giảm thiểu Chi phí không chính thức, Hỗ trợ kinh doanh và Doanh nghiệp.

Về đối tượng UBND Huyện, thành phố, các đơn vị thấp điểm nên tập trung cải

thiện năng lực ở các chỉ số thấp điểm như Tính minh bạch; Tính năng động; Vai trò của người đứng đầu; Chi phí không chính thức.

Về các CSTP DDCI 2024 làm căn cứ cho đề xuất các giải pháp ưu tiên cải thiện DDCI 2024 tỉnh Kon Tum, trước mắt các giải pháp tập trung nhất đối với các CSTP DDCI 2024 thấp điểm đáng quan ngại nhất gồm: (i) Tính minh bạch, (ii) Chi phí không chính thức và (iii) Hỗ trợ doanh nghiệp đều đang diễn ra ở các Sở, ban ngành và UBND Huyện, thành phố.

Kể đến là giải pháp tập trung ở chỉ số có tỷ lệ DN phản ánh chưa hài lòng ở mức cao hoặc nỗ lực hiện tại còn ở mức bình thường có khả năng sẽ tụt hậu do bối cảnh môi trường kinh doanh trở nên khắc nghiệt hơn trước. Các chỉ số còn lại tiếp tục duy trì các giải pháp hiện tại mà các đơn vị đã và đang áp dụng, cải thiện được xem là điểm cộng để xây dựng hình ảnh tỉnh đáng lựa chọn để khởi nghiệp, đầu tư mới.

5.2.2. Một số giải pháp quan trọng

(1) Đối với Tính minh bạch

Đưa vào tiêu chí đánh giá công tác năng lực cán bộ về văn hóa công vụ, thái độ làm việc, chuẩn mực giao tiếp, ứng xử trong quá trình đón tiếp và đặc biệt trong giải quyết TTHC. Theo đó, đánh giá điểm trừ khi các phản ánh cụ thể đến từ khiếu nại của các đối tượng DN nhỏ, siêu nhỏ, kinh tế hộ, kinh tế tập thể, phụ nữ và các vấn đề liên quan đối tượng yếu thế. Duy trì thiết kế đánh giá đa chiều bằng hệ thống khảo sát ngẫu nhiên, định kỳ, tại chỗ làm việc hoặc qua hệ thống CNTT gửi đến DN có tương tác với cơ quan ban ngành.

Học tập mô hình điểm, cách làm tốt của các địa phương có chỉ số tính minh bạch cao trong PCI 2024, các địa phương và Sở, ban ngành điểm cao của chỉ số Tính minh bạch trong DDCI 2024.

Kiện toàn bộ máy Hiệp hội DN phải được được xem trọng, lãnh đạo Hiệp hội phải là các cá nhân tiên phong trong đổi mới, năng động, dẫn dắt định hướng đầu tư kinh doanh mới của tỉnh, là kênh thông tin kịp thời về tình hình DN và cán bộ công chức, có đủ sức đề xuất những kiến nghị thoả đáng hoặc hiến kế vì cái chung cho sự phát triển kinh tế.

(2) Đối với chi phí không chính thức

Tỉnh và các cơ quan đơn vị tiếp tục việc làm rà soát cơ chế hợp tác trong các cơ quan giải quyết thủ tục hành chính trong quy trình để giải quyết thủ tục hành chính trên

thực tế, phát hiện, hoàn thiện, bổ sung cơ chế hợp tác giữa các cơ quan để giảm thiểu rủi ro chi phí không chính thức.

Tập trung rà soát ở các lĩnh vực nhạy cảm liên quan đến nguồn lực địa điểm kinh doanh, cơ sở kinh doanh, nguồn lao động của DN như tình trạng trẻ hẹn, dây dưa trong giải quyết và trả kết quả giải quyết hồ sơ TTHC, phổ biến ở một số lĩnh vực trọng tâm, như: đất đai, xây dựng, lao động - thương binh và xã hội, thuế, thanh kiểm tra chuyên ngành trong các ngành phân phối hàng hoá, xuất khẩu của tỉnh.

Tỉnh Kon Tum đặt mục tiêu cụ thể để rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Nhà nước đã quy định thời gian tối đa để giải quyết thủ tục hành chính, thời gian TTHC càng dài dễ phát sinh chi phí không chính thức do sự “nôn nóng” muốn xong việc của DN với nhiều trạng thái nhu cầu và động cơ khác nhau.

Xử lý thoả đáng các trường hợp những nhiều DN khi có thông tin phản ánh từ DN, hoặc từ Hiệp hội. Chú trọng công tác tuyên truyền trong nêu gương lãnh đạo xuất sắc để tạo niềm tin cho DN về tính quyết liệt của lãnh đạo Sở, ban ngành, UBND Huyện, thành phố.

Đa dạng hoá, đơn giản hoá đối thoại qua nhiều kênh để thông tin khách quan, mạnh dạn từ DN, ứng dụng CNTT. Lãnh đạo và bộ phận tham mưu làm rõ quy trình xử lý kết luận sau đối thoại, trách nhiệm việc thanh tra, giám sát. Học tập mô hình Thừa Thiên Huế như lập tổ công tác liên ngành để xử lý những hồ sơ, đầu tư phức tạp cần sự hỗ trợ kịp thời. Cụ thể hoá thành các nhóm dự án đã được chấp thuận nhà đầu tư, hỗ trợ thủ tục để khởi công; nhóm các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cần hỗ trợ để lựa chọn nhà đầu tư; nhóm các dự án đang lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư; nhóm các dự án đang ở bước quy hoạch, chưa thực hiện các thủ tục khác. Nghiên cứu áp dụng thí điểm đối thoại với DN qua trang Fanpage của UBND Tỉnh để xử lý các tình huống DN gặp phải, xây dựng được hình ảnh một chính quyền thân thiện, hiện đại.

(3) Chi phí thời gian thực hiện thủ tục hành chính và dịch vụ công đối với Sở, ban ngành

Cập nhật, rà soát, công bố TTHC và dịch vụ công, tuyên truyền khi có điểm mới để DN hiểu rõ về nỗ lực các Sở, ban ngành đối với cải cách, đổi mới luôn được quan tâm.

Công việc rà soát hoàn thiện cơ chế, chính sách trong cung ứng dịch vụ công, xác định mối tương quan giữa khu vực công và khu vực tư về cung ứng dịch vụ công, đồng thời tăng số lượng các dịch vụ có thể xã hội hóa dịch vụ công.

Trong phân cấp về cung cấp dịch vụ hành chính công: Thẩm quyền của từng cấp chính quyền trong cung cấp dịch vụ hành chính công phải được xác định rõ ràng, trong đó chính quyền địa phương là những pháp nhân công quyền có ngân sách độc lập với chính quyền Trung ương. Phân quyền từng bước góp phần nâng cao năng lực xử lý cho cán bộ các cấp, khắc phục tình trạng thiếu nhân lực, công việc DN đang ngày càng nhiều. Các vấn đề chưa được làm rõ, cần tiếp tục kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện về mặt thể chế.

Hoàn thiện Hệ thống thông tin Một cửa điện tử, Cổng dịch vụ công của tỉnh, chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ, kết nối hoàn chỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia.

Kiện toàn bộ máy quản lý khu vực dịch vụ công và một cửa. Xây dựng lề lối làm việc của công chức, lãnh đạo trong môi trường ứng dụng CNTT. 100% các Huyện, thành phố, xã phường thị trấn có khả năng thực hiện hội nghị trực tuyến với MS team, zoom, viber đến được DN và người dân. Là cách đa dạng hình thức cải thiện nhanh chóng các vấn đề mà DN gặp phải trong TTHC và dịch vụ công.

Duy trì xét thi đua, khen thưởng các sở, ngành, địa phương và người đứng đầu cơ quan thực hiện tốt đối với tiêu chí quan trọng này.

(4) Đa dạng hóa kênh tương tác, kết nối thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp

Kiện toàn bộ máy công chức có đủ năng lực tư vấn cho DN trong thực hiện TTHC. Đặc biệt nghiên cứu và triển khai mô hình bác sĩ Doanh nghiệp trong hoạt động tư vấn, với các thành viên là những chuyên gia có kinh nghiệm, cán bộ giỏi tham gia phân tích, tư vấn dành cho DN nhỏ, hộ kinh doanh, hợp tác xã.

Đẩy mạnh, triển khai hiệu quả mô hình cà phê DN đến từng Huyện, thành phố để lãnh đạo lắng nghe DN, có sự tham gia của Sở ngành liên quan đến DN đề cập trong các chủ đề đối thoại, trong đó vai trò Hiệp hội DN, hội chuyên ngành hoặc chi hội, câu lạc bộ DN rất quan trọng.

Đa dạng hóa cách thức doanh nghiệp tiếp cận lãnh đạo theo hình thức thu hẹp khoảng cách với sự hỗ trợ của khoa học công nghệ (điện thoại, website, tin nhắn, ứng dụng di động) là việc nên làm vì một mặt nó giúp doanh nghiệp tự tin hơn và có nhiều lựa chọn, mặt khác cũng giảm áp lực khi muốn trình bày trực tiếp một vấn đề cụ thể với lãnh đạo tỉnh.

(5) Chất lượng dịch vụ công trong cấp phép và hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm tra UBND Huyện, thành phố

Hoạt động thanh kiểm tra là một trong những hoạt động nhạy cảm dễ nhận được phản hồi không tích cực của DN. Do đó các hoạt động thanh kiểm tra phải được lựa chọn kỹ lưỡng, thu thập đầy đủ thông tin về tình hình hoạt động của DN. Các đối tượng thanh tra tập trung đối tượng có khả năng gây thiệt hại lớn, trực lợi chính sách gây dư luận, vi phạm pháp luật có khả năng gây ra tổn hại môi trường, sức khoẻ cộng đồng. Thanh kiểm tra làm tình huống để răn đe các hành động của văn hoá kinh doanh không chính đáng.

Thanh kiểm tra mang tính hướng dẫn chuẩn mực để DN thực thi pháp luật: Về lâu dài, hoạt động hỗ trợ hướng dẫn đối với các DN để giảm thiểu xử lý sai phạm sau thanh tra để xây dựng thương hiệu uy tín DN, góp phần DN lớn mạnh, niềm tin của DN vào môi trường kinh doanh hấp dẫn.

Học tập mô hình về quan điểm “Một văn hoá – một ngôn ngữ” ứng xử của lãnh đạo đến cơ sở thống nhất về hỗ trợ DN, về các nội dung, lĩnh vực có tác động xấu diện rộng thuộc diện thanh kiểm tra để đảm bảo thanh kiểm tra là một hành động cần thiết, bảo vệ môi trường kinh doanh bình đẳng.

(6) Hiệu quả công tác đối thoại và trách nhiệm giải trình của các UBND cấp Huyện, thành phố

Nghiêm túc kiểm tra tình hình thực hiện chức năng nhiệm vụ về trách nhiệm giải trình của cơ quan Nhà nước trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, chú trọng trong các lĩnh vực, các ngành khi có nhiều vấn đề bức xúc trong DN.

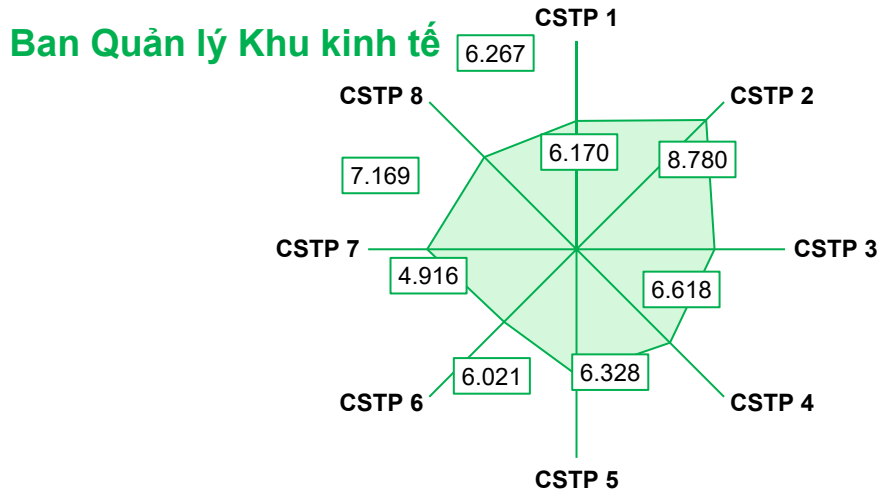
Khâu lấy ý kiến DN trên địa bàn là quan trọng trong lấy ý kiến các hoạch định chính sách phát triển địa phương, chất lượng hoạt động đối thoại được thể hiện qua chất lượng các kết luận xử lý rõ ràng, phân rõ trách nhiệm xử lý, thời gian báo cáo kết quả, các vướng mắc tồn tại cần giải quyết cụ thể tiếp theo.

Nâng cao hiệu quả đối thoại doanh nghiệp một cách thực chất, thu hẹp khoảng cách giữa doanh nghiệp, người dân và lãnh đạo. Hiện nay, ở các tỉnh/thành phố, cơ quan thuế và hải quan đều đã tổ chức hoạt động đối thoại với doanh nghiệp. Một số địa phương năng động đã tiên phong tổ chức đối thoại theo hình thức chia nhóm doanh nghiệp để cụ thể hơn vấn đề đối thoại và đề ra những giải pháp cụ thể, sát thực với nhu cầu của doanh nghiệp. Việc thu nhận ý kiến doanh nghiệp và có giải quyết các vấn đề một cách nghiêm túc, thực chất sẽ giúp đối thoại trở nên thực chất, nâng cao sự tự tin của doanh nghiệp khi trình bày các vấn đề của mình.

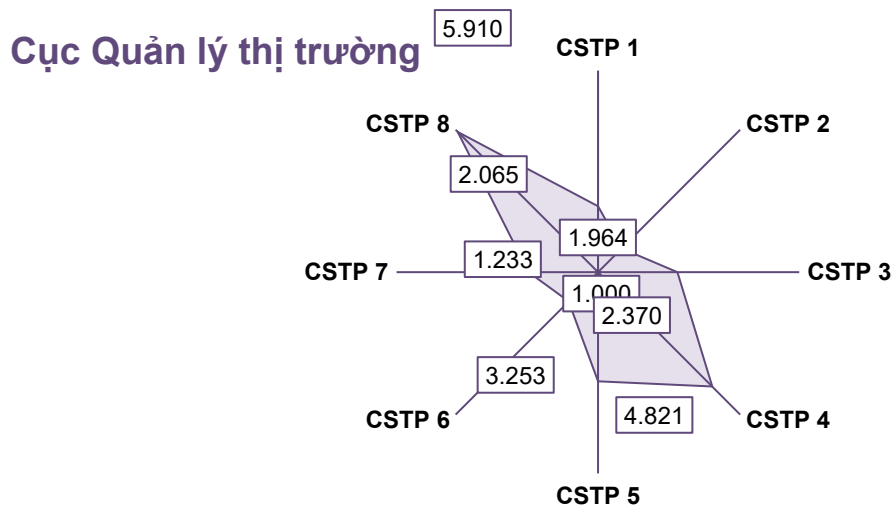
PHỤ LỤC 1

BIỂU ĐỒ DDCI CỦA TỪNG ĐƠN VỊ

Trong phần này, báo cáo cung cấp dữ liệu chi tiết đánh giá DDCI năm 2024 cho từng đơn vị Sở, ban ngành và Huyện, thành phố của tỉnh Kon Tum. Từ dữ liệu này, các đơn vị có căn cứ để nhận dạng các điểm mạnh, điểm yếu của tổ chức để phục vụ kế hoạch phát huy và cải thiện chỉ số DDCI trong các năm sau.

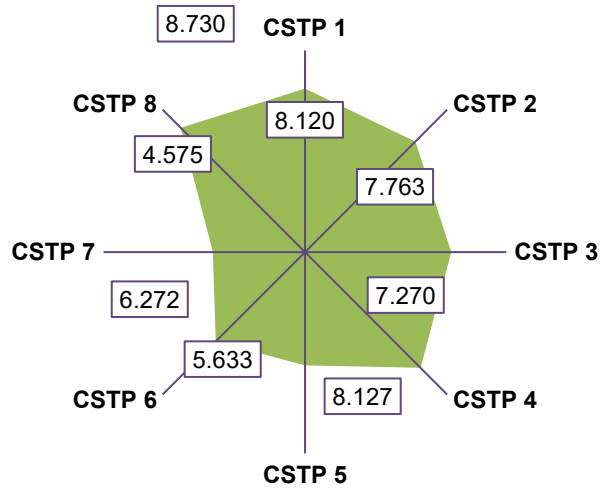


Dữ liệu DDCI – Ban Quản lý Khu kinh tế



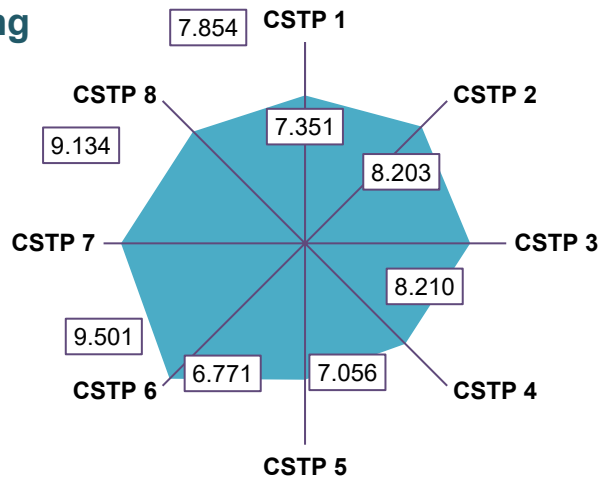
Dữ liệu DDCI – Cục Quản lý thị trường

Sở Tài chính



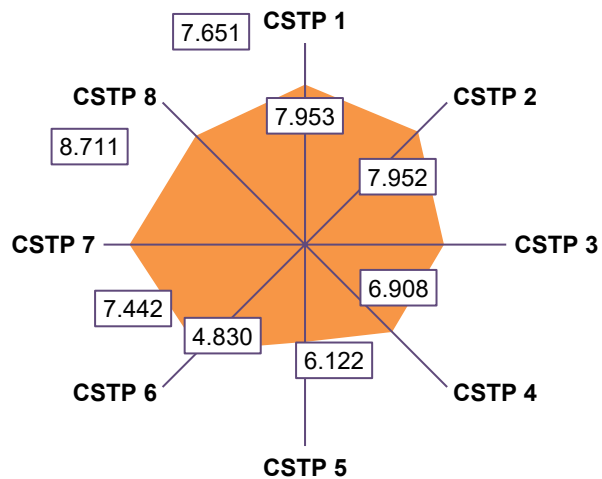
Dữ liệu DDCI – Sở Tài chính

Sở Công Thương



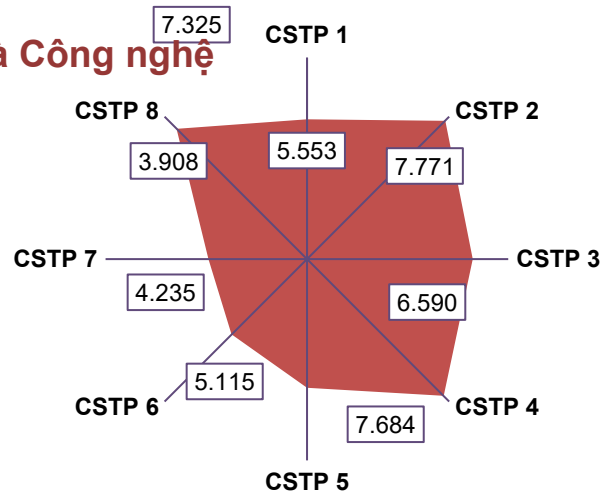
Dữ liệu DDCI – Sở Công Thương

Công an tỉnh



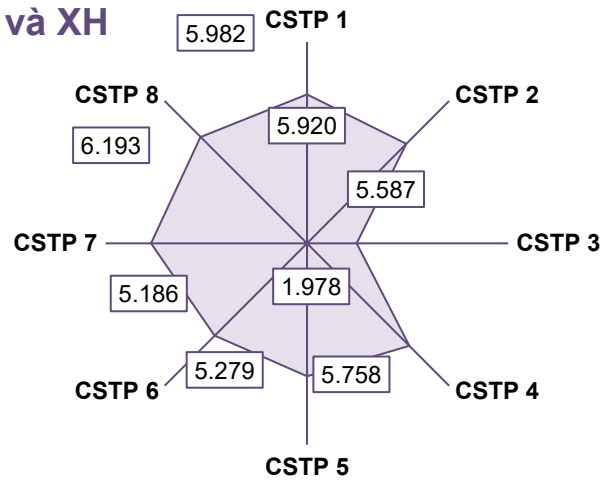
Dữ liệu DDCI – Công an tỉnh

Sở Khoa học và Công nghệ



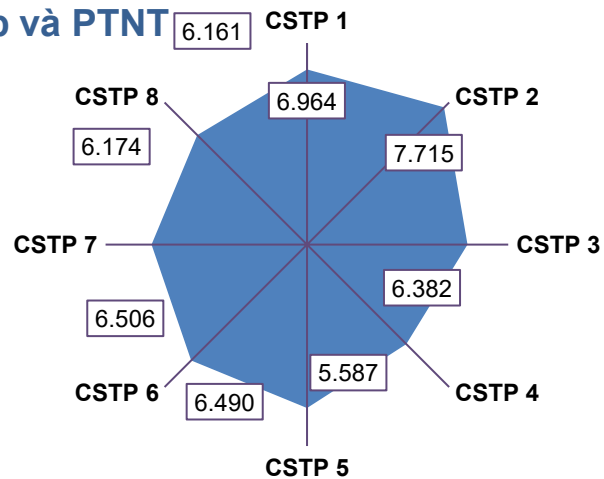
Dữ liệu DDCI – Sở Khoa học và Công nghệ

Sở Lao động - TB và XH



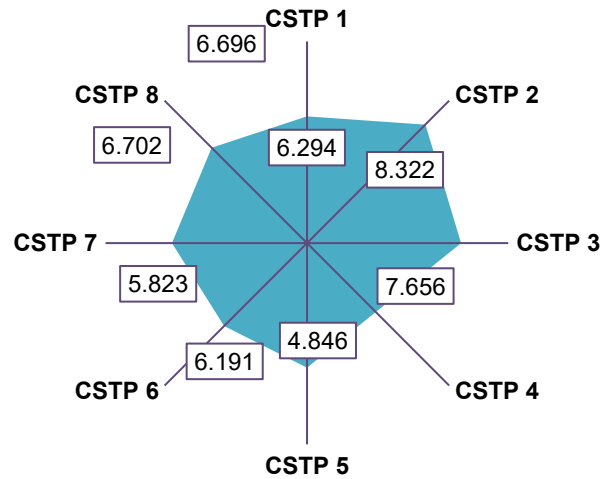
Dữ liệu DDCI – Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Sở Nông nghiệp và PTNT



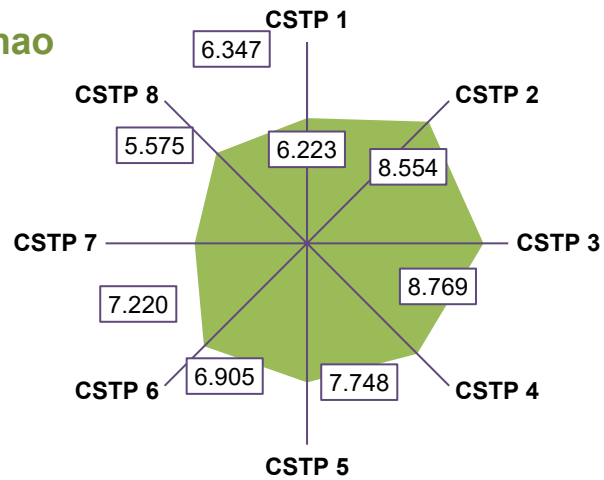
Dữ liệu DDCI – Sở Nông nghiệp và PTNT

Sở Tư pháp



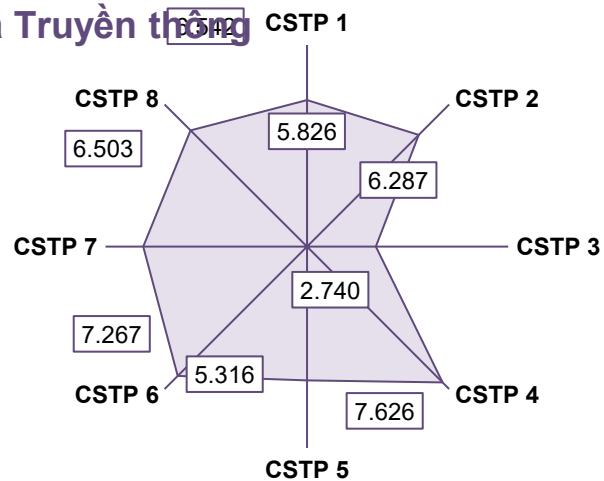
Dữ liệu DDCI – Sở Tư pháp

Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch



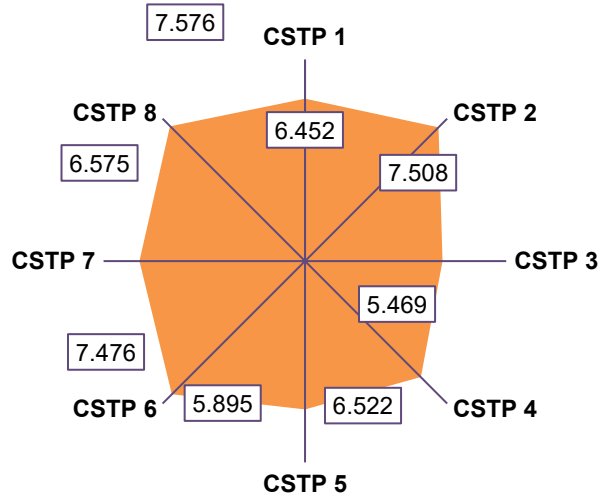
Dữ liệu DDCI – Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch

Sở Thông tin và Truyền thông



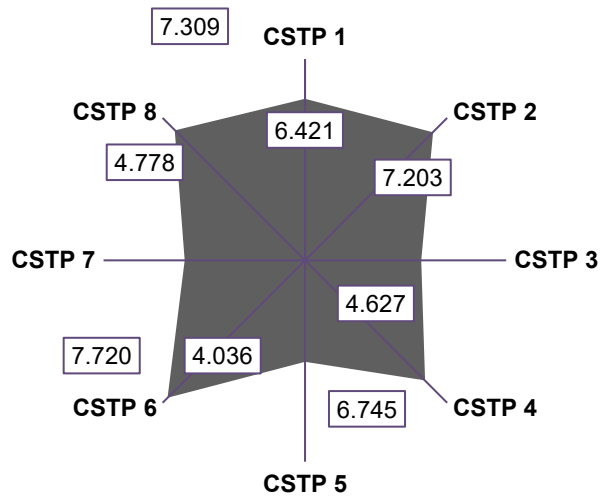
Dữ liệu DDCI – Sở Thông tin và Truyền thông

Sở Xây dựng



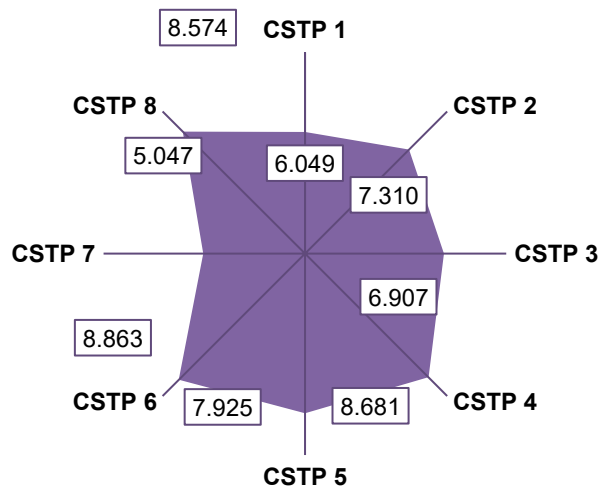
Dữ liệu DDCI – Sở Xây dựng

Sở Y tế



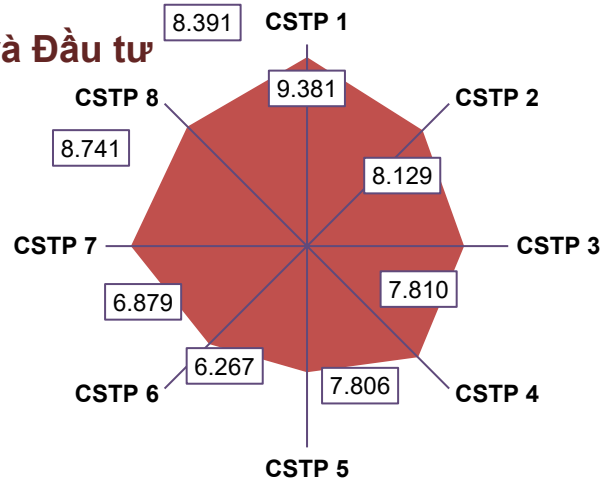
Dữ liệu DDCI – Sở Y tế

Thanh tra tỉnh



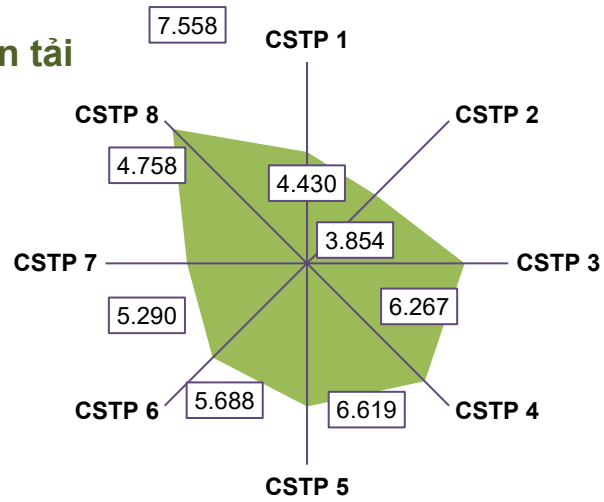
Dữ liệu DDCI – Thanh tra tỉnh

Sở Kế hoạch và Đầu tư



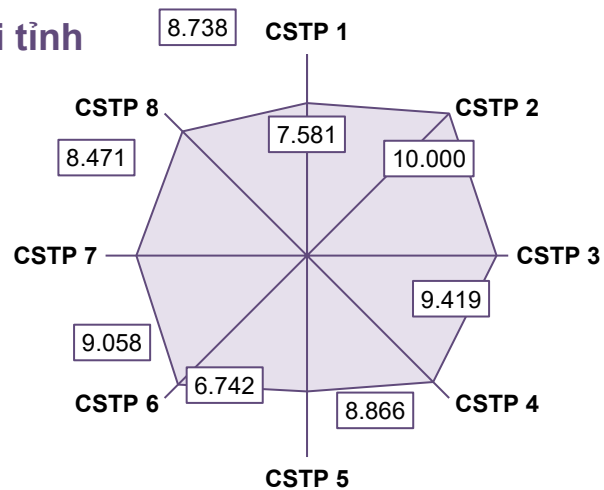
Dữ liệu DDCI – Sở Kế hoạch và Đầu tư

Sở Giao thông Vận tải



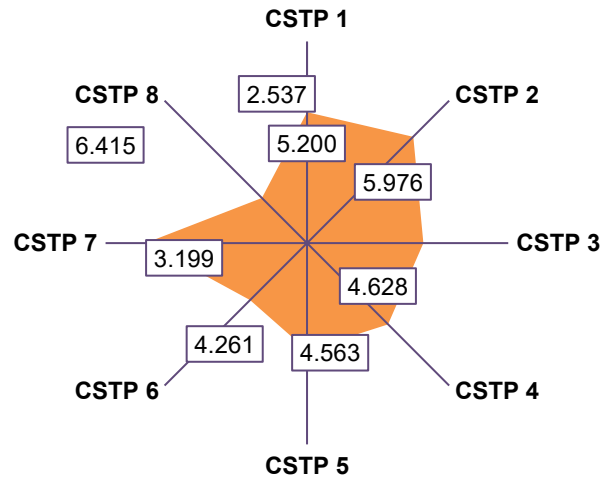
Dữ liệu DDCI – Sở Giao thông Vận tải

Bảo hiểm xã hội tỉnh



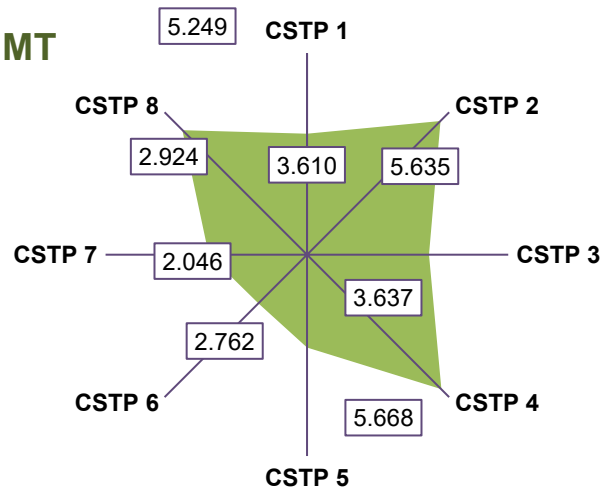
Dữ liệu DDCI – Bảo hiểm xã hội tỉnh

Cục Thuế tỉnh



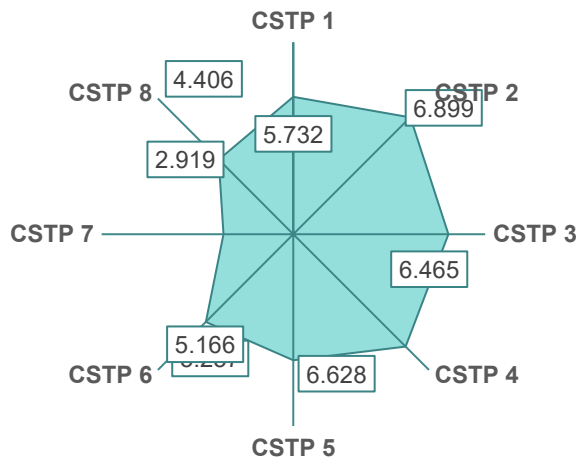
Dữ liệu DDCI – Cục Thuế tỉnh

Sở Tài nguyên và MT



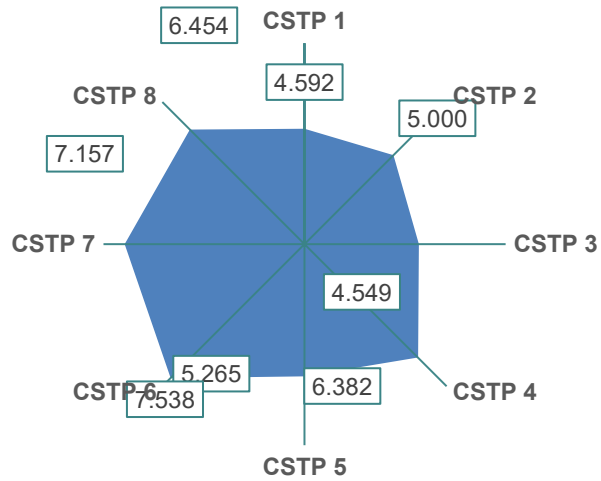
Dữ liệu DDCI – Sở Tài nguyên và Môi trường

H. Tu Mơ Rông



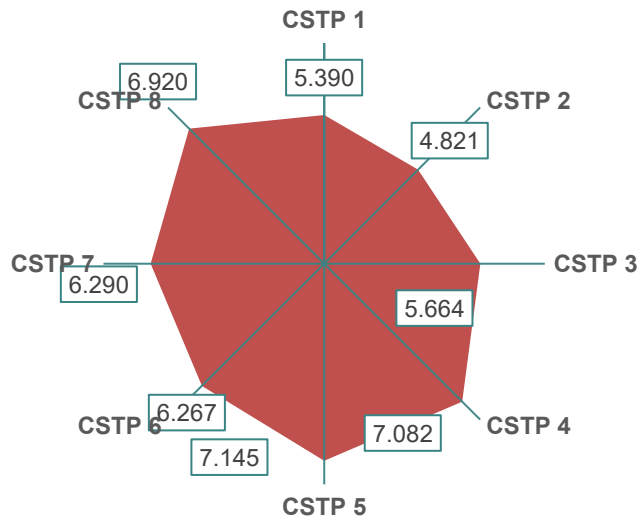
Dữ liệu DDCI – H. Tu Mơ Rông

H. Ia H'Drai



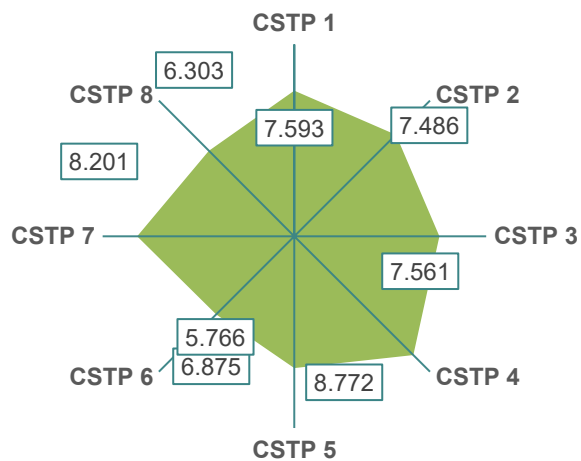
Dữ liệu DDCI – H. Ia H'Drai

H. Đắk Glei



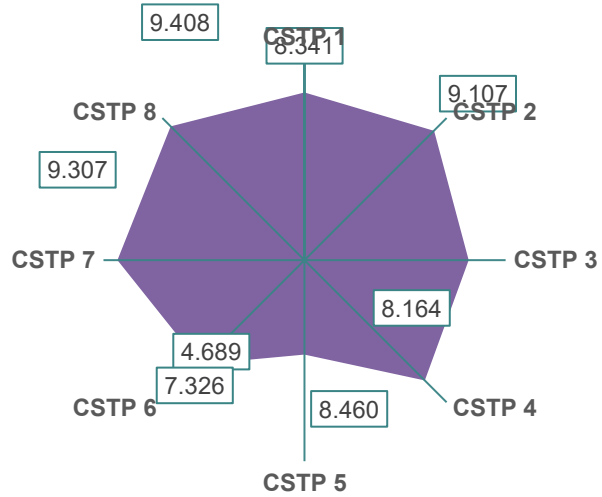
Dữ liệu DDCI – H. Đắk Glei

H. Sa Thầy



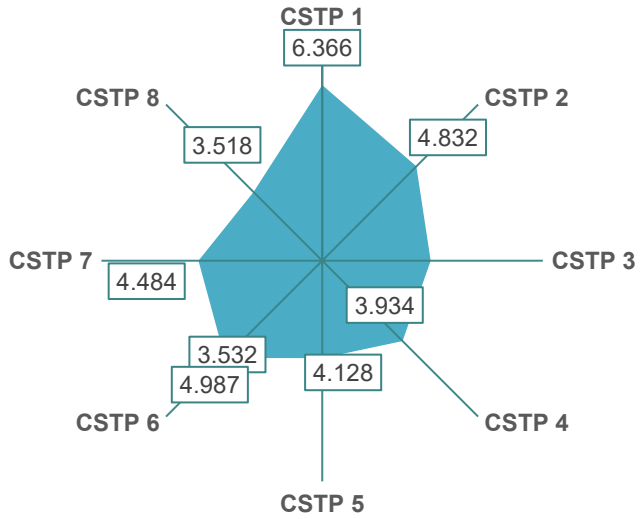
Dữ liệu DDCI – H. Sa Thầy

H. Kon Plông



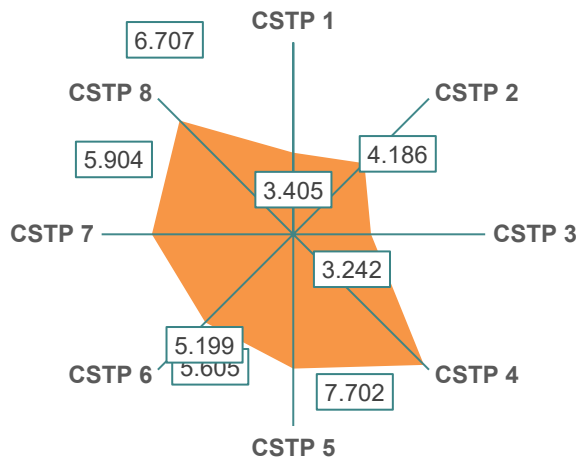
Dữ liệu DDCI – H. Kon Plông

H. Đắk Hà



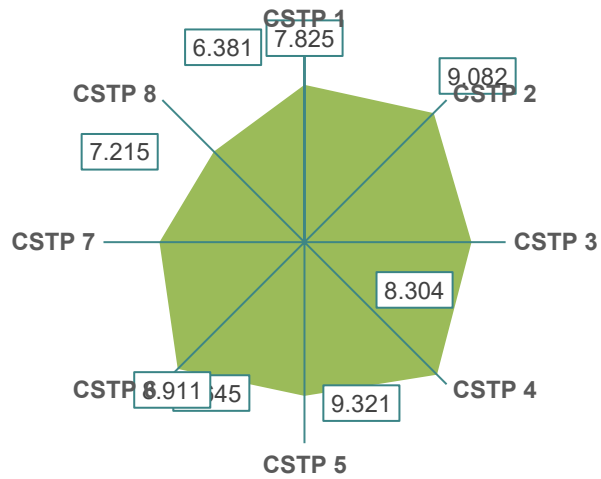
Dữ liệu DDCI – H. Đắk Hà

H. Ngọc Hồi



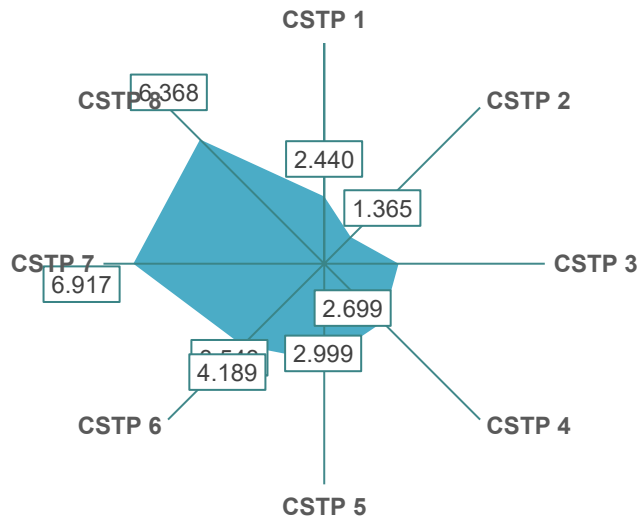
Dữ liệu DDCI – H. Ngọc Hồi

H. Kon Rẫy



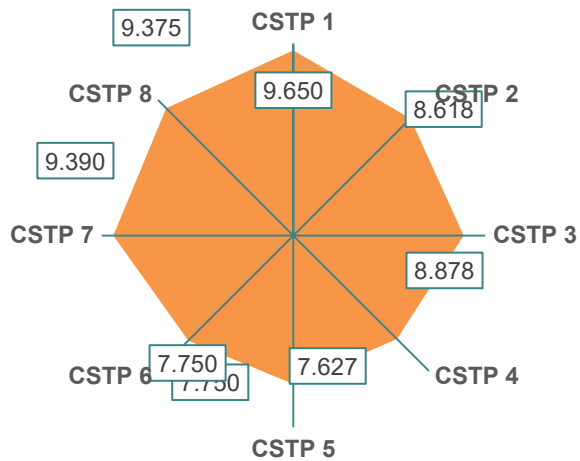
Dữ liệu DDCI – H. Kon Rẫy

H. Đắk Tô



Dữ liệu DDCI – H. Đắk Tô

TP. Kon Tum



Dữ liệu DDCI – TP. Kon Tum

PHỤ LỤC 2

THAM KHẢO MỘT SỐ MÔ HÌNH CẢI THIỆN MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH TỪ CÁC ĐỊA PHƯƠNG TẠI VIỆT NAM

Trong Phụ lục này, một số bài học thực tiễn của các tỉnh/thành phố dẫn đầu, hoặc có sự thay đổi tích cực trong đánh giá PCI 2024 được cung cấp làm thực tiễn, kinh nghiệm cho các tỉnh/thành phố tham khảo cho việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của địa phương.

Quảng Ninh – Kiểu mẫu, hiện đại, năng động, tăng trưởng xanh:

Là địa phương quyết liệt thực hiện các đột phá chiến lược theo Nghị quyết đại hội XIII của Đảng¹, trong đó các nội dung liên quan hạ tầng mềm như (i) Phát triển chất lượng nhân lực (ii) ứng dụng công nghệ thông tin, (iii) Văn hoá và thu hẹp khoảng cách giàu nghèo, bất bình đẳng.

Mô hình trung tâm hành chính công “Năm tại chỗ” (Tiếp nhận, thẩm định, phê duyệt, đóng dấu và trả kết quả ngay tại trung tâm).

Quảng Ninh: Chính quyền điện tử làm bộ máy không thể tham nhũng². Hoàn thiện quy trình ở các khâu qua mạng và khép kín làm hạn chế khả năng tham nhũng vặt, chuyển biến về văn hoá chi phí không chính thức từ phía DN.

Đặt mục tiêu đưa TTHC lên mức độ 3,4 lên Cổng dịch vụ công quốc gia, đứng đầu cả nước và đạt được mục tiêu.

Áp dụng ISO 9001:2012 điện tử vào hoạt động cơ quan hành chính nhà nước từ tuyến tỉnh đến cấp xã, cho phép người dân kiểm soát chất lượng và kết quả công việc chi tiết đến từng nhân viên. Quảng Ninh đã phải rà soát qui trình, quy chế gắn với sử

¹ Cẩm Linh (2018). Tỉnh Quảng Ninh: Nhiều giải pháp đồng bộ nhằm thực hiện hiệu quả 3 đột phá chiến lược. Tạp Chí Cộng Sản. Truy cập tại: <<https://www.tapchiconsan.org.vn/quan-triet-va-thuc-hien-nghi-quyet-dai-hoi-xiii-cua-dang/-/2018/824937/tinh-quang-ninh--nhieu-giai-phap-dong-bo-nham-thuc-hien-hieu-qua-3-dot-pha-chien-luoc.aspx#>>.

² Thái Duy (2020). Mô hình chính quyền điện tử: Nhìn từ Huế, Quảng Ninh, Hà Nam. Báo Vietnamnet. Truy cập tại: <<https://vietnamnet.vn/mo-hinh-chinh-quyen-dien-tu-nhin-tu-hue-quang-ninh-ha-nam-610776.html>>.

dụng phần mềm để đảm bảo ISO điện tử hoạt động thông suốt, kiểm tra đánh giá, khuyến khích cộng đồng DN tham gia.

BQL khu kinh tế thực hiện phân tích các chỉ số DDCI, PAR Index, SIPAS, PAPI năm 2024 để tìm kiếm giải pháp hỗ trợ DN, phục vụ nhà đầu tư chuyên nghiệp và hiệu quả, cung cấp thông tin kịp thời.

Ban xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trực thuộc UBND tỉnh hoạt động rất năng động bởi các thành viên là những chuyên gia, cán bộ giỏi tham gia phân tích, tư vấn. Đồng thời Ban cũng đóng góp vào triển khai DDCI, tập huấn và khen thưởng các cán bộ công chức về cải thiện môi trường kinh doanh.

Tổ công tác hỗ trợ đầu tư: chủ động nắm bắt thông tin, tổng hợp tình hình triển khai các dự án ngoài ngân sách. Giải quyết kiến nghị, khó khăn của nhà đầu tư, hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét giải quyết cho nhà đầu tư.

Quảng Ninh năm thật: DN suy nghĩ thật, nói thật; chính quyền hành động thật, tinh nỗ lực có kết quả thật, người dân và DN được thụ hưởng thật.

DDCI Hải quan đến từng chi cục Hải quan cửa khẩu, với bộ chỉ số thu nhỏ của DDCI tỉnh Quảng Ninh để đảm bảo “ngọn lửa cải cách” đến từng cán bộ công chức.

Thừa Thiên – Huế - Chính quyền điện tử lấy người dân và DN làm trung tâm phục vụ:

Đi đầu trong những địa phương cả nước ban hành chính sách hỗ trợ DN tiếp cận các chính sách Nhà nước, cụ thể sử dụng chữ ký số công cộng; hỗ trợ chi phí hóa đơn điện tử; chính sách hỗ trợ mặt bằng, chi phí thuê kế toán, cải tiến công nghệ, đào tạo, nâng cao năng lực đội ngũ doanh nhân; hỗ trợ DN tham gia các sàn giao dịch thương mại điện tử,...

Môi trường kinh doanh với xử lý các vấn đề hiệu quả: lập tổ công tác liên ngành để xử lý những hồ sơ, đầu tư phức tạp cần sự hỗ trợ kịp thời. Cụ thể hoá thành các nhóm các dự án đã được chấp thuận nhà đầu tư, hỗ trợ thủ tục để khởi công; nhóm các dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, cần hỗ trợ để lựa chọn nhà đầu tư; nhóm các dự án đang lập hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư; nhóm các dự án đang ở bước quy hoạch, chưa thực hiện các thủ tục khác.

Chuyên đề “Trao đổi và tháo gỡ”: Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên –Huế đối thoại với người dân và DN qua trang Fanpage của UBND tỉnh Thừa Thiên – Huế, xử lý các tình huống DN gặp phải minh bạch, xây dựng được hình ảnh một chính quyền thân thiện.

Website thuathienhue.gov.vn: thông tin sinh động, giao diện đẹp, chuyên mục hỏi đáp phong phú nội dung, công bố số điện thoại tiếp nhận kiến nghị, vướng mắc của DN, nhà đầu tư liên quan đến thủ tục đầu tư rất minh bạch.

Ứng dụng đô thị thông minh Huế³: tập trung yếu tố với đầu tư, tăng trưởng khu vực kinh tế tư nhân, đã có trên 1 triệu tài khoản tham gia. Tích hợp nhiều nội dung (hệ thống thông tin địa lý, điều hành đô thị thông minh...) để giám sát, điều hành thúc đẩy kinh tế, môi trường sống và làm việc.

Bốn không – Một có: Hợp không tập trung, thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công không gặp mặt, làm việc không giấy tờ.

Cuộc thi về sáng kiến cải thiện môi trường kinh doanh và cải cách hành chính theo Quyết định của UBND ban hành.

Đúng hẹn và tiên liệu được rủi ro: Hệ thống cảnh báo sớm vi phạm và hỗ trợ quyết toán Thuế.

Khu vực miền trung còn có tỉnh Quảng Nam: Bản đồ thực thi thể chế <https://bandotheche.quangnam.gov.vn/>

Bắc Ninh – Lãnh đạo đổi mới, trách nhiệm, cầu thị, lắng nghe, hành động:

Sự thống nhất lãnh đạo trong cách vận dụng linh hoạt pháp luật để tạo thuận lợi khu vực kinh tế tư nhân, phản hồi yêu cầu DN kịp thời và sáng tạo trong xử lý vấn đề mới phát sinh.⁴

Mô hình ‘bác sĩ thường trực’ được duy trì gồm các chuyên gia từ các viện nghiên cứu, các chuyên gia độc lập, phát huy tốt việc phối hợp với các cá nhân và tổ chức khác để tổ chức hoạt động hỗ trợ DN. Chủ tịch UBND tỉnh làm tổ trưởng ‘nhóm bác sĩ’. Nhiệm vụ mô hình ‘bác sĩ thường trực’ nhằm tư vấn chính sách phát triển và quản trị DN, giải đáp các thắc mắc về chính sách ưu đãi đầu tư kinh doanh bằng nhiều hình thức email, điện thoại, trực tiếp.

³ Đỗ Trường (2024). Thừa Thiên - Huế kiến tạo môi trường đầu tư kinh doanh minh bạch, thuận lợi. Báo Thông tấn xã Việt Nam. Truy cập tại: <https://pcivietnam.vn/tin-tuc-su-kien/thua-thien-hue-kien-tao-moi-truong-dau-tu-kinh-doanh-minh-bach-thuan-loi-ct3896.html>.

⁴ Lâm Dương (2021). Môi trường đầu tư kinh doanh nhìn từ sự hài lòng của doanh nghiệp. Báo Bắc Ninh. Truy cập tại: <https://www.pcivietnam.vn/tin-tuc-su-kien/bac-ninh-moi-truong-dau-tu-kinh-doanh-nhin-tu-su-hai-long-cua-doanh-nghiep-ct3556.html>.

Tổ phản ứng nhanh: Tiếp nhận truyền tải góp ý của DN về bất cập trong chính sách pháp luật với vai trò người đứng đầu

Các chuyên gia trong nhóm bác sĩ DN cũng là những chuyên gia trong hỗ trợ phân tích DDCI, triển khai hội thảo, tập huấn đến từng sở ngành về DDCI tỉnh. Hoạt động truyền thông DDCI tỉnh Bắc Ninh rất mạnh mẽ trên các phương tiện truyền thông số trên toàn quốc.

Hải Phòng – Giải quyết vấn đề trọng tâm, phức tạp:

Tập trung xử lý các vướng mắc của DN trong các lĩnh vực quan trọng. Tổ công tác giải quyết vướng mắc thủ tục hành chính các dự án phức tạp.

Xây dựng lề lối làm việc của công chức, lãnh đạo trong môi trường ứng dụng CNTT. 100% các quận, huyện, xã/phường/thị trấn có khả năng thực hiện hội nghị trực tuyến với MS Team, Zoom, Viber đến được DN và người dân.⁵

DDCI Hải Phòng đã duy trì 3 năm, đảm bảo tính liên tục và xem DDCI là kênh tin cậy để cộng đồng DN phản ánh môi trường kinh doanh. Lập chuyên trang DDCI Hải Phòng từ đơn vị tư vấn hỗ trợ để cộng đồng có thông tin minh bạch.⁶

Long An – Chính quyền năng động, “không bỏ ai ở lại phía sau”:

Vai trò của Hiệp hội DN tỉnh Long An trong kiến nghị các chính sách rất nhanh, sát thực tiễn. Lãnh đạo Hiệp hội được lựa chọn kỹ lưỡng, có năng lực lên tiếng bảo vệ khu vực dân doanh.

Tính năng động của lãnh đạo: ngay trong tình hình dịch cao điểm, lãnh đạo tỉnh Long An đi đầu trong kiến nghị giải pháp dành cho DN quay trở lại thị trường mạnh dạn. Phát huy vai trò xây dựng và phát triển chính phủ điện tử chủ động của cán bộ, đoàn viên.⁷

PCI đạt kết quả tốt năm 2024, tỉnh vẫn khẳng định mạnh mẽ hơn trong cải cách, DDCI được UBND tỉnh phê duyệt ban hành để tích cực đồng hành cùng Doanh nghiệp.

⁵ Nguyễn Hiền & Phương Thanh (2021). Xây dựng chính quyền điện tử, Hải Phòng tạo đột phá cải cách hành chính. Báo Tuổi trẻ Thủ đô. Truy cập tại: <<https://tuoitrethudo.com.vn/xay-dung-chinh-quyen-dien-tu-hai-phong-tao-dot-pha-cai-cach-hanh-chinh-179493.html>>.

⁶ Chuyên trang DDCI Hải Phòng: <<https://haiphong.ddci.org.vn>>.

⁷ Tường Vy (2021). Nhiều mô hình, sáng kiến cải cách thủ tục hành chính. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. Truy cập tại: <<https://dangcongsan.vn/kinh-te/nhieu-mo-hinh-sang-kien-cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-597771.html>>.